BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2025

43 năm cùng đồng hành và phát triển

CTCP Đầu tư và
Xây dựng Tiền Giang

GIỚI THIỆU

Năm 2025, TICCO đạt được kết quả hoạt động kỷ lục và lần đầu tiên tạo ra lợi nhuận sau thuế hơn 160 tỷ đồng.

THÀNH TÍCH TRONG NĂM

2.413
Doanh thu thuần
Tỷ VND

164
Lợi nhuận sau thuế
Tỷ VND

6,79
Biên lợi nhuận ròng
Phần trăm

4.735
EPS
VND

353,2
Dòng tiền thuần từ HĐKD
Tỷ VND

1.449
Vốn hoá
Tỷ VND

21,48
ROE
Phần trăm

7,12
ROA
Phần trăm

CỤM CÔNG NGHIỆP GIA THUẬN 1

CỤM CÔNG NGHIỆP GIA THUẬN 2

DỰ ÁN ĐƯỜNG D7

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát về công ty

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan trách nhiệm môi trường, xã hội của công ty

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, Quý đối tác và toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang,

Trước hết, thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi đến Quý cổ đông, Quý đối tác và toàn thể cán bộ, nhân viên cùng gia đình lời chúc sức khỏe dồi dào, hạnh phúc và thịnh vượng.

Năm 2025 là dấu mốc quan trọng của TICCO khi Công ty không chỉ đạt kết quả kinh doanh tích cực mà còn củng cố nền tảng cho giai đoạn phát triển mới. Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam duy trì tăng trưởng và đầu tư công được đẩy mạnh, đặc biệt tại khu vực phía Nam và Đồng bằng sông Cửu Long, TICCO đã tận dụng hiệu quả cơ hội và ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất trong nhiều năm. Công ty hoàn thành và vượt toàn bộ chỉ tiêu kế hoạch: Doanh thu thuần hợp nhất đạt 2.413 tỷ đồng, tăng 29,23% và vượt 22% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế đạt 163,8 tỷ đồng, tăng 13,47%, trong đó lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ đạt 160,2 tỷ đồng; giá trị đầu tư đạt 515,02 tỷ đồng, tăng 55,5% so với cùng kỳ; vốn điều lệ nâng lên 311,3 tỷ đồng, tăng 20%. Các chỉ tiêu này tạo nền tảng tài chính vững chắc cho giai đoạn tiếp theo. Cơ cấu doanh thu tiếp tục duy trì tích cực: bê tông thương phẩm giữ vai trò trụ cột với 1.610 tỷ đồng, tăng 21,66%; thi công xây dựng tăng trưởng mạnh, đạt 444 tỷ đồng, tăng 72,46%; bất động sản đạt 322 tỷ đồng, tăng 25,87%, nhờ khung pháp lý dần hoàn thiện. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh tái cơ cấu nguồn vốn theo hướng tăng tỷ trọng dài hạn, tối ưu chi phí vốn và cải thiện thanh khoản. Hệ thống quản trị tiếp tục được hoàn thiện, nâng cao khả năng thích ứng chính sách.

Trong năm 2025, Công ty đã hoàn thành và đưa vào vận hành hai dự án trọng điểm gồm Dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường, cùng với Cụm công nghiệp Gia Thuận 2. Việc khánh thành và đưa các dự án này vào khai thác không chỉ góp phần mở rộng quỹ tài sản và đa dạng hóa nguồn thu, mà còn tạo tiền đề quan trọng để TICCO tham gia sâu hơn vào lĩnh vực phát triển hạ tầng và khu công nghiệp. Các dự án này bước đầu ghi nhận tín hiệu tích cực trong việc thu hút các nhà đầu tư thứ cấp, đồng thời đóng vai trò là nền tảng để Công ty phát triển hệ sinh thái bất động sản công nghiệp và đô thị gắn với hạ tầng giao thông. Qua đó, TICCO từng bước chuyển dịch từ mô hình doanh nghiệp xây lắp truyền thống sang mô hình tích hợp giữa thi công, đầu tư hạ tầng và phát triển bất động sản, gia tăng giá trị trên toàn chuỗi.

Về định hướng phát triển bền vững, trong bối cảnh các tiêu chí ESG ngày càng trở thành chuẩn mực đánh giá của nhà đầu tư, TICCO đã chủ động đầu tư cải tiến công nghệ, nâng cấp thiết bị và xây dựng hệ thống quản lý môi trường bài bản. Công ty xác định phát triển bền vững không chỉ là trách nhiệm xã hội mà còn là lợi thế cạnh tranh dài hạn, góp phần nâng cao uy tín đối với khách hàng, đối tác và cộng đồng. Nhìn về phía trước, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 đến 2030 với quy mô tăng mạnh so với giai đoạn trước, cùng với xu thế đô thị hóa tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, sẽ mở ra nhiều cơ hội tăng trưởng cho TICCO. Công ty tiếp tục kiên định chiến lược phát triển dựa trên ba trụ cột gồm sản xuất và kinh doanh bê tông, đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và kinh doanh bất động sản, với định hướng đổi mới, linh hoạt và trách nhiệm.

Chúng tôi cam kết tiếp tục đồng hành cùng sự phát triển của tỉnh Tiền Giang và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, tạo nên những công trình có giá trị lâu dài, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý cổ đông, Quý đối tác và toàn thể cán bộ, nhân viên vì sự tin tưởng, đồng hành và cống hiến không ngừng nghỉ trong suốt thời gian qua. Tôi tin tưởng rằng, với nền tảng vững chắc, tinh thần đổi mới và chiến lược đúng đắn, TICCO sẽ tiếp tục gặt hái thành công và vươn xa hơn trong tương lai.

Xin trân trọng cảm ơn!

TRẦN HOÀNG HUÂN
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BKS	Ban Kiểm soát
BĐH	Ban Điều hành
CCN	Cụm công nghiệp
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CN	Chi nhánh
COP29	Hội nghị lần thứ 29 của Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu
CP	Cổ phần
CSR	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
DA	Dự án
DXY	Chỉ số US Dollar Index
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng Cổ đông
ECB	Ngân hàng Trung ương Châu Âu
ERP	Hệ thống hoạch định tài nguyên doanh nghiệp
ESG	Môi trường, Xã hội và Quản trị
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FED	Cục Dự trữ Liên bang Mỹ
FOB	Miễn trách nhiệm Trên Boong tàu nơi đi (Free on Board)
FTA	Hiệp định thương mại tự do

GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GTSL	Giá trị sản lượng
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
KDC	Khu dân cư
KH	Kế hoạch
KTNB	Kiểm toán nội bộ
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
Q	Quý
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
ROA	Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân
ROE	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân
ROS	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu
TGĐ	Tổng giám đốc
TH	Thực hiện
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
UBCKNN	Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước
VLXD	Vật liệu xây dựng

CHƯƠNG 1: THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát về công ty

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

TICCO

Tạo nền tảng vững chắc

Tên tiếng Việt	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Tên tiếng Anh	Tien Giang Investment and Construction Joint Stock Company
Tên viết tắt	TICCO
Mã cổ phiếu	THG (niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	1200526842 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 22/07/2025
Vốn điều lệ	311.299.070.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	311.299.070.000 đồng
Địa chỉ	46 – 48 Nguyễn Công Bình, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Số điện thoại	02733872878
Website	https://ticco.com.vn
Email	ticco@ticco.com.vn

SỨ MỆNH, TẦM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

SỨ MỆNH

Sứ mệnh của TICCO là đem lại sự an tâm và giá trị gia tăng với những sản phẩm, dịch vụ có ưu điểm vượt trội, đạt tiêu chuẩn cao về kỹ thuật, mỹ thuật cùng với sự trân trọng, trách nhiệm cao của mình đến xã hội và cộng đồng.

TẦM NHÌN

Công ty tập trung phát triển mạnh trên các lĩnh vực:

- Bất động sản
- Sản xuất kinh doanh Bê tông
- Thi công xây dựng

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Công ty tập trung phát huy các giá trị:

- Chuyên nghiệp
- Trách nhiệm
- Trung thực
- Tận tâm
- Linh hoạt

THÔNG ĐIỆP CỦA CÔNG TY

Với tâm huyết và nỗ lực không ngừng, cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ trên tất cả các lĩnh vực: xây dựng công trình, bất động sản và bê tông. Chúng tôi tin tưởng rằng TICCO sẽ tiếp tục phát triển ổn định và bền vững, mang lại giá trị cao cho khách hàng, đối tác và cộng đồng.

Quá trình hình thành và phát triển

1977

1977: Công ty Xây dựng Thuỷ lợi Tiền Giang được thành lập.

1980

1980: Ban tiếp nhận nguồn hàng viện trợ ADB ra đời, theo chương trình triển khai dự án tiền phong Gò Công - Tân An, thuộc Sở Thủy lợi Tiền Giang.

1981

Ban tiếp nhận nguồn hàng viện trợ ADB được chuyển thành Xí nghiệp Thi công cơ giới Thủy lợi.

1983

1983: Xí nghiệp Thi công Cơ giới Thủy lợi sáp nhập với Công ty Xây dựng Thủy lợi thành Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang.

1996

1996: Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang chuyển đổi thành Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang.

1997

1997: Đầu tư phát triển Khu công nghiệp Mỹ Tho.

2000

2000: Thành lập Xí nghiệp bê tông, mở ra lĩnh vực kinh doanh mới về các sản phẩm bê tông.

2003

2003: Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang được cổ phần hóa theo Quyết định của UBND tỉnh Tiền Giang và đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với vốn điều lệ 19.621.100.000 đồng.

2004

2004: Đầu tư phát triển Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng, Phường 6, TP. Mỹ Tho. Khu dân cư hiện đại đầu tiên của tỉnh Tiền Giang. Thành lập Trung tâm đầu tư và kinh doanh địa ốc (EIC).

2006

2006: Đầu tư dự án Khu dân cư Long Thạnh Hưng, thị trấn Chợ Gạo với quy mô 23 ha. Tăng vốn điều lệ công ty lên 60.000.000.000 đồng.

2007

2007: Thực hiện dự án tái cấu trúc quản lý Công ty.

Thành lập Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO và Công ty TNHH MTV Xây dựng Giao Thông TICCO với vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng; Công Ty TNHH MTV Bê tông TICCO, vốn điều lệ 38.000.000.000 đồng.

Thành lập các đơn vị kinh doanh trực thuộc: Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa, Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu Xây dựng.

2008

2008: Mua Công ty Xây dựng Thuỷ lợi An Giang (DNNN) và tổ chức lại thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang, vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng, trong đó, TICCO nắm giữ 65% vốn điều lệ.

2009

2009: Thành lập Sàn Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCO Real)

Sàn giao dịch bất động sản đầu tiên tại Tiền Giang.

2010

2010: Sáp nhập Công ty TNHH MTV Xây dựng Giao thông TICCO vào Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO và tăng vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng. Phát hành thêm vốn cổ phần, nâng vốn điều lệ toàn Công ty 80.000.000.000 đồng.

2011

2011: Niêm yết 8.000.000 cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

2013

2013: Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 4:1, nâng vốn điều lệ toàn Công ty lên 100.000.000.000 đồng.

2014

Tháng 02/2014, thành lập Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi. Tháng 09/2014, thành lập Xí nghiệp Thi công Cơ giới.

2016

2016: Thành lập Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO (tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi).

Thành lập Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO (tiền thân là Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa).

Thành lập Công ty TNHH MTV Cọc TICCO (TICCO PILE) trực thuộc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO.

Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ lên 119.999.070.000 đồng.

2017

2017: Thành lập nhà máy bê tông Tân Phước.

2018

2018: Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO chuyển đổi loại hình sang Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO. Thành lập Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO (tiền thân là Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng.

2019

2019: Thành lập công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước.

2020

2020: Thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản TICCO với vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.

2021

2021: Tăng vốn điều lệ lên 159.713.060.000 đồng từ việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

2022

2022: Tăng vốn điều lệ lên 199.638.930.000 đồng từ việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

2023

2023: Tăng vốn điều lệ lên 229.578.960.000 đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2022.

2024

2024: Tăng vốn điều lệ lên 259.418.870.000 đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2023.

2025

2025:

- Từ ngày 29/12/2025, chuyển đổi Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản TICCO thành Công ty TNHH MTV TICCO Gò Công.
- Tăng vốn điều lệ lên 311.299.070.000 đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2024.

TICCO
Tạo nền tảng vững chắc

CÁC THÀNH TỰU CỦA CÔNG TY

- **Năm 1991** : Huân chương Lao Động hạng Nhì
- **Năm 1996** : Huân chương Lao Động hạng Nhất
- **Năm 2000** : Danh Hiệu Anh hùng lao động
- **Năm 2003** : Huân chương Độc lập hạng Ba
- **Liên tục 2 năm (2008 - 2009)** được tặng thưởng "Bảng vàng doanh nghiệp uy tín, chất lượng"
- **Năm 2010** : Huân chương Độc lập hạng Nhì
- Chính phủ, Bộ, Ngành Trung ương và UBND tỉnh Tiền Giang tặng thưởng **20 Cờ thi đua, 30 Bằng khen**
- **Năm 2023** : Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2024** : Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam, Top 5 doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất (nhóm vốn hoá nhỏ)
- **Năm 2025** : Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hiện tại, doanh thu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang đến từ các lĩnh vực đầu tư xây dựng công trình hạ tầng; sản xuất và kinh doanh bê tông; bất động sản. Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh các ngành nghề kinh doanh được đăng ký gồm:

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
0111	Trồng lúa
0112	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác
0113	Trồng cây lấy củ có chất bột
0118	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
0119	Trồng cây hàng năm khác
0121	Trồng cây ăn quả
0128	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm
0129	Trồng cây lâu năm khác
0131	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm
0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
0163	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch
0210	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp
2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite
2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cống công trình thuỷ lợi
3011	Đóng tàu và cấu kiện nổi Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan
3511	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời
3512	Truyền tải và phân phối điện (Trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3700	Thoát nước và xử lý nước thải
3811	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Trừ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình
3812	Thu gom rác thải độc hại
3821	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại
3822	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại
4101	Xây dựng nhà để ở
4102	Xây dựng nhà không để ở
4211	Xây dựng công trình đường sắt
4212	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước
4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
4291	Xây dựng công trình thủy Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: trạm bơm, cống đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương.(trừ thiết lập, vận hành duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải)
4299 (Chính)	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp - Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật
4312	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite
4730	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
4940	Vận tải đường ống
5022	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
5224	Bốc xếp hàng hóa
5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh kết cấu cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư, khu tái định cư, nhà ở công nhân. Cho thuê lại đất, kho tàng nhà xưởng, bến bãi; - Mua bán nhà ở. Cho thuê nhà ở, cho thuê văn phòng, cho thuê kiốt; - Quản lý, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư và nhà ở công nhân; - Kinh doanh bất động sản. (trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)
6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản. Định giá bất động sản. Tư vấn bất động sản. Quản lý bất động sản.Trừ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ quản tài viên.
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi. Tư vấn đấu thầu, giám sát. Lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thuỷ lợi
7310	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo bất động sản
7710	Cho thuê xe có động cơ
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
8110	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp
8130	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Thị trường kinh doanh chính của TICCO là đồng bằng Sông Cửu Long, trọng điểm là khu vực giữa Sông Vàm Cỏ và Sông Hậu và định hướng phát triển kinh doanh khu vực Đông Nam Bộ, Trung Bộ và Tây Nguyên.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ & CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

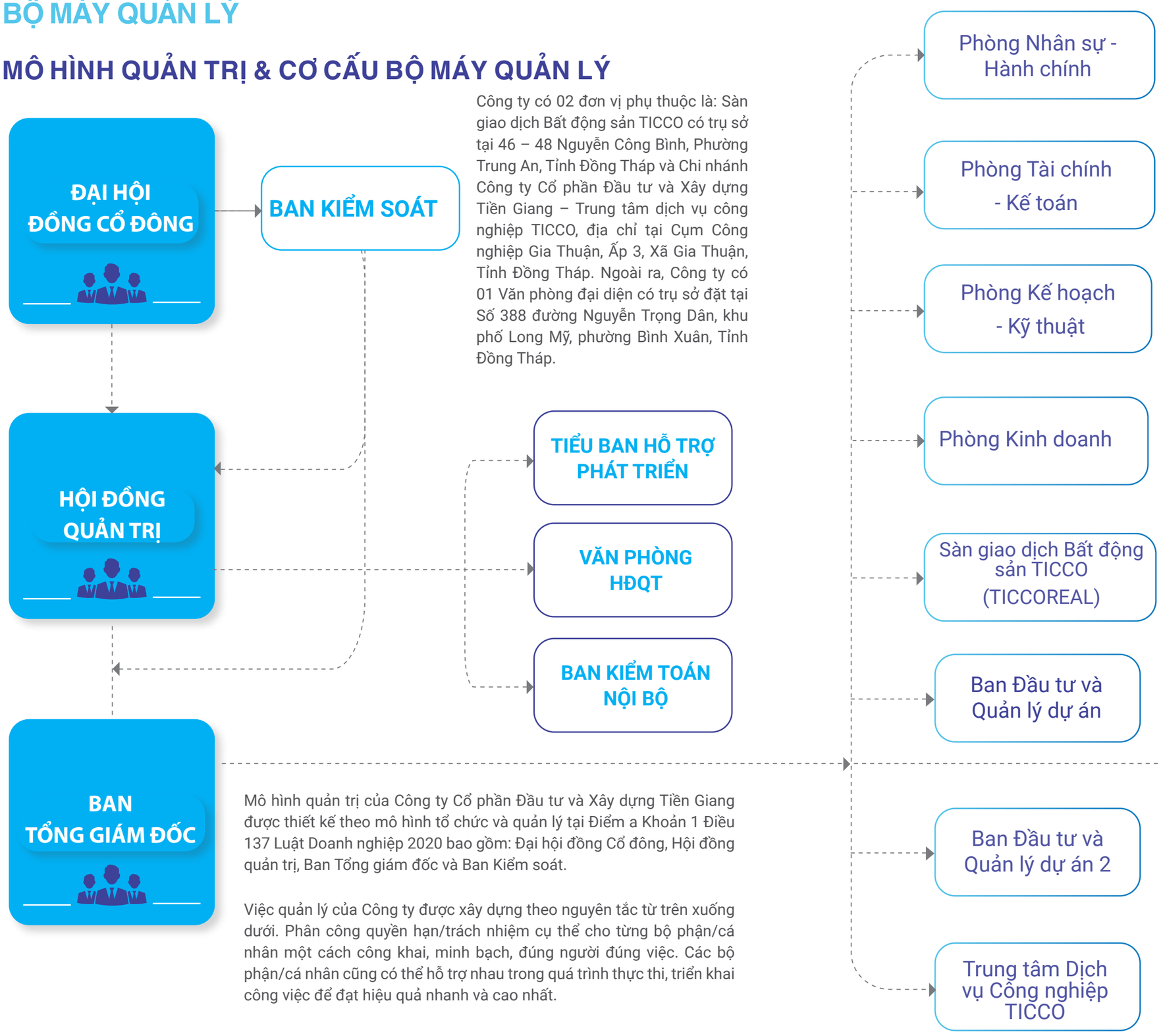

Công ty có 02 đơn vị phụ thuộc là: Sàn giao dịch Bất động sản TICCO có trụ sở tại 46 – 48 Nguyễn Công Bình, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp và Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang – Trung tâm dịch vụ công nghiệp TICCO, địa chỉ tại Cụm Công nghiệp Gia Thuận, Ấp 3, Xã Gia Thuận, Tỉnh Đồng Tháp. Ngoài ra, Công ty có 01 Văn phòng đại diện có trụ sở đặt tại Số 388 đường Nguyễn Trọng Dân, khu phố Long Mỹ, phường Bình Xuân, Tỉnh Đồng Tháp.

Mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang được thiết kế theo mô hình tổ chức và quản lý tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát.

Việc quản lý của Công ty được xây dựng theo nguyên tắc từ trên xuống dưới. Phân công quyền hạn/trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận/cá nhân một cách công khai, minh bạch, đúng người đúng việc. Các bộ phận/cá nhân cũng có thể hỗ trợ nhau trong quá trình thực thi, triển khai công việc để đạt hiệu quả nhanh và cao nhất.

CÔNG TY CON

CÔNG TY CON CẤP 1:

1. Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
2. Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Thuỷ lợi TICCO
4. Công ty TNHH MTV TICCO Gò Công
5. Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO

CÔNG TY CON CẤP 2:

1. Công ty TNHH MTV Cọc TICCO (TICCO PILE)
2. Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO
3. Công ty TNHH MTV Cơ khí công trình TICCO

CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần TESTCO

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng Cổ đông, cụ thể bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc.

Đại hội đồng Cổ đông

Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị

Do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị của Công ty hiện có 6 thành viên, trong đó có 1 thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, và 2 thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.

Ban Kiểm soát

Do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các Cổ đông. Ban Kiểm soát hiện tại có 3 thành viên.

Ban Tổng Giám đốc

Là cơ quan điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Ban Tổng giám đốc Công ty hiện gồm 1 Tổng Giám đốc và 5 Phó Tổng giám đốc. (01 Phó Tổng Giám đốc được bổ nhiệm có hiệu lực từ 01/01/2026).

Văn phòng Hội đồng Quản trị

Văn phòng Hội đồng Quản trị gồm 02 thành viên, thực hiện các công việc văn phòng, văn thư, thư ký thuộc HĐQT, ghi chép biên bản và lưu trữ các nghị quyết, quyết định, các văn bản khác của Đại hội đồng Cổ đông, HĐQT. Tham mưu, đề xuất với HĐQT và Chủ tịch HĐQT trong việc đưa ra những đường lối, chính sách, quyết định của HĐQT về những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT và Chủ tịch HĐQT.

Tiểu ban Hỗ trợ phát triển

Tiểu Ban Hỗ trợ phát triển trực thuộc Hội đồng quản trị, hỗ trợ cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về công tác nhân sự, lương thưởng, chiến lược và đầu tư mua sắm.

Ban Kiểm toán nội bộ

Là Ban chuyên môn thực hiện nghiệp vụ kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT, báo cáo công việc cho HĐQT. Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện việc kiểm tra, đánh giá và giám sát tính thích hợp và hiệu quả của hệ thống kế toán và kiểm soát nội bộ.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	SXKD CHÍNH	VĐL THỰC GÓP	TỶ LỆ SỞ HỮU
	Công ty con cấp 1				
1	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Lô 1-6 Khu công nghiệp Mỹ Tho, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, kinh doanh bê tông	68.000.000.000 VNĐ	100%
2	Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	Số 490 Đinh Bộ Lĩnh, Phường Mỹ Phong, Tỉnh Đồng Tháp	Thi công công trình xây dựng thuỷ lợi	16.500.000.000 VNĐ	66,67%
3	Công ty TNHH MTV Xây dựng Thuỷ lợi TICCO	490 Đinh Bộ Lĩnh, Phường Mỹ Phong, Tỉnh Đồng Tháp	Thi công công trình xây dựng thuỷ lợi	20.000.000.000 VNĐ	100%
4	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	Ấp 4, Xã Tân Phước 3, Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, kinh doanh bê tông	79.000.000.000 VNĐ	100%
5	Công ty TNHH MTV TICCO Gò Công	Lô C9, C10 cụm công nghiệp Gia Thuận 2, Xã Gia Thuận, Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, kinh doanh bê tông	35.000.000.000 VNĐ	100%
	Công ty con cấp 2				
1	Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO	Số 490, Đinh Bộ Lĩnh, Phường Mỹ Phong, Tỉnh Đồng Tháp	Kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	3.500.000.000 VNĐ	100%
2	Công ty TNHH MTV Cọc TICCO	Lô 1-6 Khu công nghiệp Mỹ Tho, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp	Đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực	4.000.000.000 VNĐ	100%
3	Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	Ấp 4, Xã Tân Phước 3, Tỉnh Đồng Tháp	Thi công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	3.500.000.000 VNĐ	100%
	Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần Testco	Lô 1, 2, 3 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp	Thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình	1.300.000.000 VNĐ	20%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Trong hơn 40 năm hình thành và phát triển, TICCO luôn dành sự ưu tiên cho chất lượng sản phẩm, sự hài lòng của khách hàng và đồng thời cũng cam kết phát triển bền vững, gắn liền lợi ích kinh tế với trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường.

Với tầm nhìn dài hạn và giá trị cốt lõi được đúc kết qua nhiều thập kỷ, Công ty cam kết tiếp tục mở rộng và cải tiến các mảng kinh doanh cốt lõi, giúp mang lại giá trị cho cổ đông, cho khách hàng bằng những sản phẩm, công trình chất lượng, mang dấu ấn vượt thời gian. Dựa trên triển vọng tươi sáng của nền kinh tế Việt Nam, TICCO đặt mục tiêu tiếp tục mở rộng quy mô, thị phần và chú trọng tăng trưởng bền vững trong mảng bê tông, bất động sản và thi công công trình xây dựng. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư, cải tiến công nghệ để nâng cao năng suất, giúp giảm chi phí và phát triển các sản phẩm bê tông thân thiện với môi trường, đáp ứng nhu cầu khắt khe của các dự án trọng điểm. Đồng thời kết hợp với việc đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao giúp đảm bảo tiến độ xây dựng và chất lượng dự án, song song với việc duy trì mối quan hệ hợp tác chiến lược với các nhà cung cấp và nhà phân phối. Ngoài ra, Công ty cũng ưu tiên việc tập trung phát triển và áp dụng công nghệ số vào hoạt động kinh doanh nhằm quản lý hiệu quả hàng tồn kho, dự báo nhu cầu và tối ưu hoá chiến lược kinh doanh giúp Công ty hoạt động hiệu quả hơn.

Mục tiêu cụ thể

01 Mở rộng và cải tiến hoạt động kinh doanh cốt lõi

02 Đầu tư công nghệ, nâng cao hiệu suất và bảo vệ môi trường

03 Phát triển nguồn nhân lực của công ty

04 Tăng cường hợp tác chiến lược với đối tác

05 Ứng dụng công nghệ số

CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

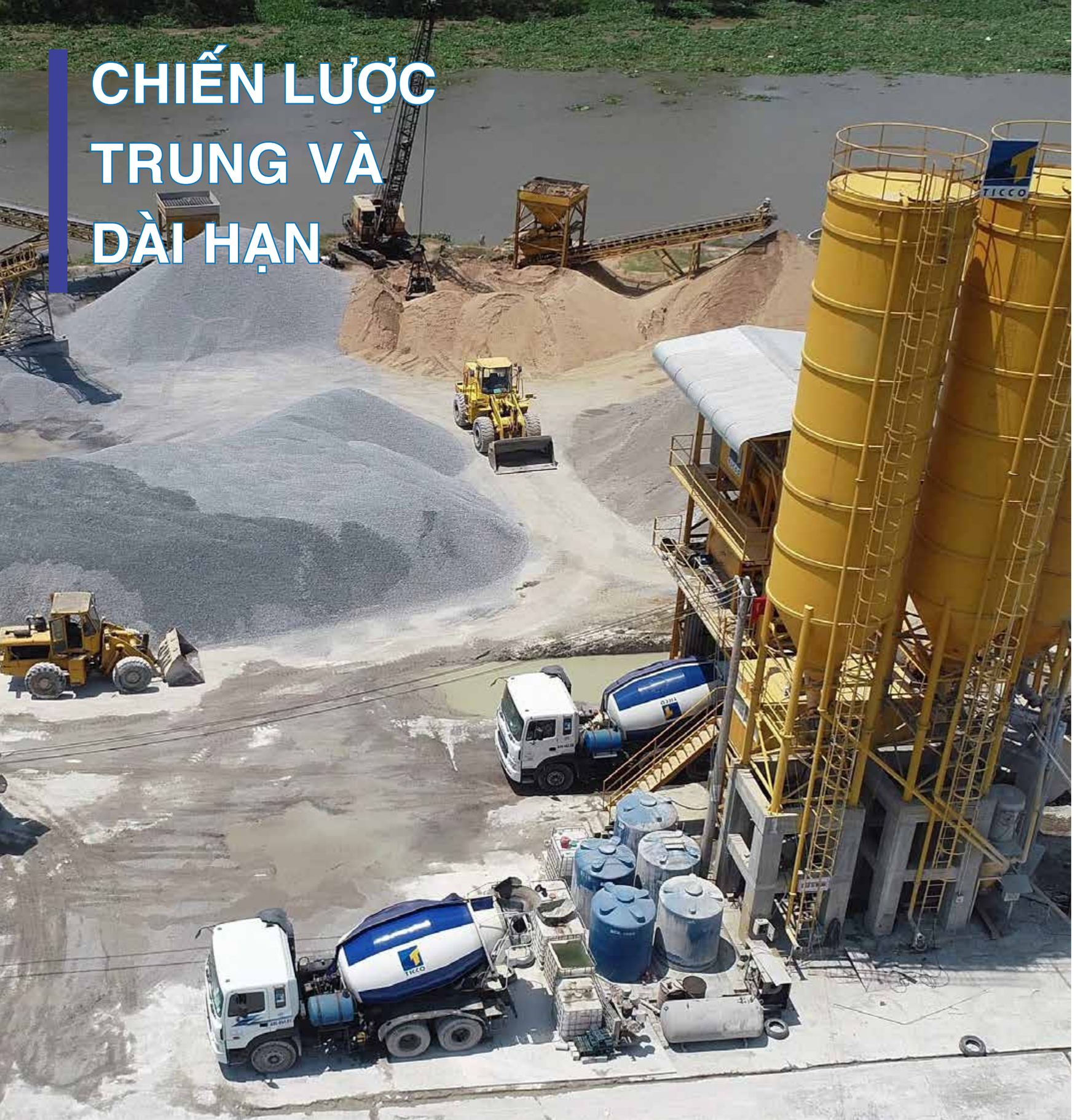

CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

Công ty đề ra chiến lược phát triển đến 2031 như sau:

Kiên trì thực hiện theo định hướng đã được Đại hội đồng Cổ đông qua các nhiệm kỳ thống nhất thông qua, tập trung đầu tư, phát triển cho lĩnh vực bê tông, phát huy ngành nghề kinh doanh khu, cụm công nghiệp, đầu tư dài hạn cho lĩnh vực bất động sản, lĩnh vực xây dựng tiếp tục duy trì năng lực hiện có; tiếp tục đổi mới toàn diện, nâng cao năng lực quản trị hệ thống, phát triển nguồn nhân lực, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và môi trường.

Trên từng lĩnh vực kinh doanh, Công ty đều có mục tiêu chiến lược cụ thể:

Lĩnh vực thi công xây dựng: Củng cố công tác quản lý, áp dụng công nghệ tiên tiến tạo thế mạnh cạnh tranh về giá, chất lượng, mỹ thuật và tiến độ, liên kết với các đối tác chiến lược mở rộng thêm loại hình công trình như: giao thông, xây dựng công nghiệp, xử lý môi trường.

Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông: Phát huy và giữ vững thương hiệu, liên tục cải tiến tạo ra sản phẩm có chất lượng và mỹ thuật công nghiệp đạt chuẩn; Đẩy mạnh tiếp thị vào các thị trường mục tiêu duy trì số lượng khách hàng hiện có, nghiên cứu mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm mới để có được những khách hàng, đơn hàng mới.

Lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản: Thực hiện đúng cam kết và giá cả hợp lý phù hợp với nhu cầu của thị trường và xã hội; Tập trung đẩy mạnh công tác đầu tư các dự án có tính khả thi cao, đảm bảo tiến độ để đáp ứng kịp thời chiến lược kinh doanh; Thực hiện quản lý tốt các dự án đầu tư xây dựng, đảm bảo thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục pháp lý theo qui định pháp luật hiện hành; Phối hợp với các địa phương có dự án đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng hạ tầng dự án nhằm đưa sản phẩm vào khai thác, kinh doanh kịp thời, hiệu quả.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (TICCO) đặt mục tiêu phát triển ổn định và bền vững, vì vậy TICCO chú trọng vào vấn đề phát triển và đổi mới sản phẩm nhằm mục đích tạo ra giá trị và sự hài lòng cho khách hàng. Đồng thời, công ty tận dụng các nguồn lực nội tại và bên ngoài để đảm bảo sự phát triển bền vững và hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

Với mục tiêu trên, TICCO xác định những nhiệm vụ cụ thể như sau:

Đi cùng sự phát triển chung của Tỉnh, TICCO chú trọng xây dựng các dự án hạ tầng công nghiệp xanh, sạch, thân thiện với môi trường. Trong quá trình triển khai đầu tư, Công ty luôn phối hợp chặt chẽ với địa phương, cung cấp đa dạng các loại hình sản phẩm; đề cao việc xây dựng hạ tầng đồng bộ, đảm bảo các yếu tố về môi trường, cây xanh, xử lý tốt rác thải,... Đồng thời, thực hiện tiết kiệm nước, năng lượng và tuân thủ chặt chẽ các định chế của pháp luật về bảo vệ môi trường,...

Đối với các nhà đầu tư vào Cụm CN, TICCO chú trọng gia tăng trách nhiệm của các nhà đầu tư trong việc quản lý chất thải và tái chế chất thải. Ưu tiên các nhà đầu tư bền vững với môi trường, hạn chế các mối nguy về ô nhiễm và thải nhiều khí thải carbon.

Song song với đó, tiếp tục phát huy truyền thống, thi công xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, phục vụ nhu cầu cấp nước sản xuất, sinh hoạt, bảo vệ cây ăn trái, hoa màu, góp phần chống biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước vùng hạ lưu sông Cửu Long và xây dựng nông thôn mới.

Với cổ đông, TICCO luôn phấn đấu bảo vệ lợi ích cho Cổ đông từ sự ổn định và phát triển bền vững, đảm bảo cổ tức được chi trả đầy đủ và luôn cao hơn lãi suất tiền gửi ngân hàng.

Với người lao động, TICCO đảm bảo một tương lai nghề nghiệp bền vững, được đào tạo và phát triển kỹ năng làm việc trong một môi trường văn hóa tích cực. Họ được trang bị các phương tiện làm việc cần thiết và có cơ hội thăng tiến công bằng, với mức thu nhập cao hơn so với mức trung bình xã hội.

Với khách hàng, TICCO cam kết cung cấp sản phẩm chất lượng cao và được cải tiến liên tục, mang lại niềm tin và sự hài lòng. Công ty tạo ra giá trị tương xứng với giá cả và xây dựng các mối quan hệ đối tác bền vững. Với nhà cung cấp, TICCO khuyến khích phát triển và tạo ra nguồn doanh thu ổn định và bền vững, đồng thời xây dựng các mối quan hệ đối tác tích cực.

Với Nhà nước và xã hội, TICCO cam kết đóng góp vào ngân sách Nhà nước, thực hiện trách nhiệm xã hội và môi trường, góp phần vào sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội.

CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

01 Rủi ro thị trường

02 Rủi ro lãi suất

03 Rủi ro cạnh tranh

04 Rủi ro nguyên vật liệu

05 Rủi ro pháp lý

06 Rủi ro môi trường

CHÍNH SÁCH QUẢN TRỊ RỦI RO

Chính sách quản trị rủi ro của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc chủ động nhận diện, đánh giá, kiểm soát và giảm thiểu tác động của các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Ban lãnh đạo Công ty cam kết triển khai các biện pháp quản trị rủi ro toàn diện, bao gồm việc thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ, nâng cao năng lực dự báo, ứng phó linh hoạt với các biến động của thị trường, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật và tăng cường tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh.

Quy trình quản trị rủi ro của Công ty được thực hiện thông qua bốn bước, bao gồm:

- Nhận diện rủi ro: Thường xuyên rà soát, đánh giá các yếu tố kinh tế, biến động thị trường và các thay đổi trong khung pháp lý có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

- Đánh giá và phân tích: Xác định mức độ ảnh hưởng và khả năng xảy ra của từng loại rủi ro đối với hoạt động của Công ty.

- Kiểm soát rủi ro: Đề xuất, thảo luận và thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế rủi ro.

- Giám sát và báo cáo: Liên tục giám sát nhằm theo dõi tính hiệu quả của các biện pháp.

CÁC RỦI RO CHÍNH

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của công ty chịu sự chi phối chặt chẽ từ tiến độ giải ngân đầu tư công và sự phát triển hạ tầng tại khu vực Tây Nam Bộ. Theo định hướng từ Chính phủ vào cuối năm 2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 dự kiến đạt mức 8,51 triệu tỷ đồng, con số này cao gấp gần 3 lần so với quy mô kế hoạch đầu tư 2,87 triệu tỷ đồng của giai đoạn 2021-2025. Đây là một động lực rất lớn cho nhu cầu vật liệu xây dựng, đặc biệt là bê tông tươi và bê tông đúc sẵn phục vụ các siêu dự án như việc mở rộng cao tốc TP.HCM - Trung Lương - Mỹ Thuận, Cầu Đình Khao. Tuy nhiên, điểm nghẽn lớn nhất nằm ở tốc độ giải ngân thực tế. Số liệu lịch sử cho thấy tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công thường rất thấp trong quý I (thường chỉ đạt từ 10% đến 12% kế hoạch năm) tạo ra sự lệch pha cung - cầu trong ngắn hạn. Khi GDP tăng trưởng không đạt mục tiêu hoặc các dự án giao thông trọng điểm bị chậm tiến độ, nhu cầu tiêu thụ cọc bê tông và ống cống sẽ sụt giảm, dẫn đến rủi ro tồn kho cao và đứt gãy dòng vốn lưu động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, tình trạng khan hiếm cát tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục đẩy chi phí sản xuất lên cao, làm thu hẹp biên lợi nhuận. Đồng thời, áp lực cạnh tranh từ các doanh nghiệp lớn và các cơ sở địa phương sẵn sàng giảm giá càng làm gia tăng biến động thị trường.

Để ứng phó, Công ty chủ động đa dạng hóa khách hàng theo nhiều phân khúc, duy trì quan hệ với các chủ đầu tư và nhà thầu lớn, đồng thời linh hoạt điều chỉnh kế hoạch sản xuất theo tiến độ dự án. Song song, Công ty kiểm soát chặt chi phí, theo dõi biến động giá đầu vào, đa dạng hóa nguồn cung và áp dụng cơ chế giá linh hoạt nhằm ổn định biên lợi nhuận và dòng tiền. Ngoài ra, Công ty đang từng bước mở rộng thị trường khách hàng sang các tỉnh lân cận, tìm kiếm dự án tư nhân và công nghiệp cùng với việc đánh giá thị trường thường xuyên giúp công ty chủ động trong việc hoạch định chiến lược đầu tư và kinh doanh.

RỦI RO LÃI SUẤT

Hoạt động sản xuất bê tông thường yêu cầu nguồn vốn lớn để đáp ứng chi phí nguyên vật liệu đầu vào,chi phí vận chuyển, cũng như thời gian duy trì tồn kho thành phẩm và bán thành phẩm. Trong bối cảnh đó, các khoản vay ngân hàng đóng vai trò quan trọng

trong việc đáp ứng nhu cầu vốn lưu động, giúp Công ty duy trì có thể hoạt động sản xuất liên tục, đầu tư vào hệ thống trạm trộn, phương tiện vận chuyển chuyên dụng và mở rộng quy mô kinh doanh. Tuy nhiên, việc sử dụng đòn bẩy tài chính cũng làm gia tăng rủi ro lãi suất và áp lực chi phí tài chính, đặc biệt trong các giai đoạn Công ty triển khai đầu tư và thi công xây dựng các công trình mới.

Trong năm 2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục duy trì mặt bằng lãi suất điều hành ở mức thấp nhằm hỗ trợ quá trình phục hồi và tăng trưởng của nền kinh tế, đồng thời nâng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp. Trên bình diện quốc tế, Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (FED) đã thực hiện ba lần cắt giảm lãi suất, đưa lãi suất điều hành từ mức 5,5% xuống còn 4,5%, góp phần cải thiện thanh khoản toàn cầu và hỗ trợ nhu cầu tiêu dùng cũng như đầu tư. Môi trường lãi suất thấp tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và bất động sản như TICCO giảm áp lực chi phí lãi vay, cải thiện khả năng tiếp cận nguồn vốn và tối ưu hóa hiệu quả tài chính trong ngắn và trung hạn.

Nhằm hạn chế tác động từ rủi ro lãi suất, TICCO triển khai các biện pháp quản trị đồng bộ, tập trung cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng tăng tỷ trọng vốn dài hạn nhằm giảm áp lực thanh toán và rủi ro tái cấp vốn. Công ty đồng thời tận dụng mặt bằng lãi suất hợp lý để tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp, duy trì quan hệ với các ngân hàng uy tín để tối ưu điều kiện vay và hạn mức tín dụng. Bên cạnh đó, TICCO chủ động xây dựng kế hoạch dòng tiền, theo dõi sát diễn biến lãi suất và đánh giá hiệu quả từng khoản vay để kịp thời điều chỉnh, đảm bảo ổn định hoạt động tài chính.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Là một doanh nghiệp niêm yết và hoạt động trong lĩnh vực bất động sản, vật liệu xây dựng và thi công công trình, TICCO luôn xác định quản trị rủi ro pháp lý là ưu tiên hàng đầu. Trong mảng Bất động sản, năm 2025 đánh dấu giai đoạn các dự án của Công ty được vận hành đồng bộ và ổn định theo hành lang pháp lý mới từ Luật Đất đai 2024, Luật Nhà ở 2023 và Luật Kinh doanh Bất động sản 2023. Những quy định này đã đi vào thực tiễn, giúp minh bạch hóa thị trường và tháo gỡ triệt để các rào cản về thủ tục pháp lý, tạo đà cho việc triển khai dự án thuận lợi và bảo vệ quyền lợi khách hàng tốt hơn. Trong mảng Vật liệu xây dựng và Thi công công trình, TICCO chủ động tuân thủ với các tiêu chuẩn và quy định như QCVN 01:2021, TCVN 12846:2020, TCVN 12252:2020, … và các quy hoạch, định hướng khác về phát triển như Quyết định số 891/QĐ-TTg về quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Nghị quyết số 06-NQ/TW về quy hoạch, quản lý, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Với tinh thần thượng tôn pháp luật, TICCO không ngừng kiện toàn hệ thống quản trị nội bộ, cập nhật liên tục các biến động chính sách để biến thách thức pháp lý thành lợi thế cạnh tranh, đảm bảo sự phát triển bền vững trong dài hạn.

RỦI RO CẠNH TRANH

Trong bối cảnh ngành bê tông tại khu vực Tây Nam Bộ duy trì mức độ cạnh tranh tương đối cao, Công ty xác định năng lực duy trì và bảo vệ biên lợi nhuận là yếu tố trọng yếu, có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh và định hướng phát triển dài hạn. Thị trường có sự tham gia của nhiều nhà cung cấp với quy mô và đặc điểm hoạt động khác nhau, bao gồm các đơn vị địa phương và các doanh nghiệp có năng lực triển khai dự án quy mô lớn, tạo ra áp lực cạnh tranh nhất định về giá bán, chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Do đặc thù sản phẩm mang tính tiêu chuẩn hóa, lợi thế cạnh tranh chủ yếu phụ thuộc vào khả năng kiểm soát chi phí, chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

Trong bối cảnh cạnh tranh gia tăng, Công ty tập trung quản trị giá thành, lựa chọn phân khúc khách hàng phù hợp và củng cố quan hệ với các đối tác chiến lược nhằm ổn định doanh thu và hạn chế áp lực cạnh tranh về giá. Đồng thời, Công ty thực hiện đánh giá định kỳ năng lực đối thủ, triển khai các giải pháp tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất để duy trì khả năng sinh lời. Bên cạnh đó, hệ thống quản lý chất lượng được kiểm soát chặt chẽ theo tiêu chuẩn TCVN, kết hợp đào tạo đội ngũ kỹ thuật nhằm giảm thiểu rủi ro và đảm bảo chất lượng sản phẩm. Công ty cũng đầu tư nâng cấp trạm trộn, hệ thống vận chuyển và kho bãi, góp phần nâng cao năng lực cung ứng, đảm bảo tiến độ và củng cố uy tín thương hiệu trên thị trường.

RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

Trong hoạt động sản xuất bê tông, nguyên vật liệu đầu vào đóng vai trò quyết định đến chất lượng sản phẩm, biên lợi nhuận và dòng tiền của công ty. Đối với Công ty, nguyên vật liệu chủ yếu bao gồm cát, đá, xi măng, nước và phụ gia bê tông. Các yếu tố liên quan đến nguồn cung, giá cả và logistics có thể tạo ra áp lực tài chính và ảnh hưởng đến khả năng cung cấp sản phẩm đúng tiến độ. Nhận thức rõ tầm quan trọng này, công ty đã xây dựng các cơ chế kiểm soát rủi ro và các giải pháp chiến lược nhằm bảo đảm sự ổn định của hoạt động sản xuất – kinh doanh. Chất lượng nguyên vật liệu ảnh hưởng trực tiếp đến độ bền, ổn định và tiêu chuẩn kỹ thuật của bê tông. Cát chứa tạp chất, đá có kích thước không đồng đều hoặc xi măng không đạt tiêu chuẩn sẽ làm giảm chất lượng sản phẩm, ảnh hưởng đến uy tín công ty và tiềm ẩn rủi ro khiếu nại từ khách hàng hoặc không được nghiệm thu dự án. Năm 2025 chứng kiến sự tăng giá đồng loạt của nhiều loại vật liệu xây dựng trong bối cảnh giá điện, than liên tục tăng. Về giá điện, EVN đã điều chỉnh giá điện tăng thêm 4,8% từ 10/5/2025. Ngoài ra, các nguyên vật liệu khác như cát, đá, xi măng cũng đều có sự tăng giá đáng kể. Sự gia tăng chi phí nguyên vật liệu đầu vào làm gia tăng giá vốn sản xuất, gây áp lực lên biên lợi nhuận gộp và dòng tiền hoạt động của

Công ty. Trong trường hợp Công ty không thể kịp thời điều chỉnh giá bán hoặc tối ưu hóa chi phí, biến động này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Để giảm thiểu rủi trên, Công ty triển khai nhiều biện pháp nhằm đảm bảo nguồn nguyên vật liệu ổn định, bao gồm đa dạng hóa nhà cung cấp và ký kết hợp đồng dài hạn với các đối tác uy tín. Đồng thời, Công ty duy trì tồn kho đối với các nguyên liệu chủ chốt nhằm hạn chế gián đoạn sản xuất và đảm bảo tiến độ giao hàng. Bên cạnh đó, Công ty theo dõi sát diễn biến thị trường và chính sách liên quan đến khai thác, vận chuyển vật liệu để kịp thời điều chỉnh kế hoạch cung ứng. Công tác kiểm soát chất lượng đầu vào cũng được tăng cường thông qua quy trình đánh giá nhà cung cấp, yêu cầu chứng nhận chất lượng và kiểm soát từng lô hàng, qua đó đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định và giảm thiểu rủi ro kỹ thuật, pháp lý.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng chú trọng phát triển kinh tế xanh, thúc đẩy các chính sách bền vững và tăng cường quản lý môi trường, công ty đối mặt với những rủi ro liên quan đến môi trường trong quá trình sản xuất và thi công. Các yếu tố này bao gồm những yêu cầu về giảm phát thải, kiểm soát ô nhiễm không khí, quản lý chất thải, tiếng ồn và các tác động khác tới cộng đồng xung quanh. Những yêu cầu này có thể tạo ra áp lực gia tăng chi phí vận hành, đầu tư vào công nghệ và cơ sở hạ tầng, đồng thời ảnh hưởng tới tiến độ sản xuất và hoạt động kinh doanh nếu không được quản lý chặt chẽ.

Nhận thức tầm quan trọng của vấn đề môi trường và sự phát triển bền vững, công ty đã chủ động đầu tư nâng cấp thiết bị, cải tiến công nghệ, xây dựng và duy trì các hệ thống quản lý chất lượng và môi trường nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn hiện hành và các quy định mới trong tương lai. Đồng thời, công ty thực hiện các chương trình đào tạo định kỳ cho cán bộ quản lý và công nhân viên, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của phát triển bền vững, thực hành sản xuất sạch và tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường. Việc chủ động nhận diện và quản lý rủi ro môi trường giúp công ty bảo vệ uy tín thương hiệu, duy trì hoạt động ổn định, đồng thời góp phần thực hiện trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững trong dài hạn. Đây là yếu tố chiến lược không chỉ nhằm đáp ứng các yêu cầu pháp lý mà còn tạo lợi thế cạnh tranh trong bối cảnh thị trường và nhà đầu tư ngày càng quan tâm đến các tiêu chí ESG.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh các rủi ro trọng yếu đã được trình bày, Công ty có thể đối mặt với một số rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh và các yếu tố bất khả kháng. Tuy nhiên, các rủi ro này được đánh giá không mang tính trọng yếu và không gây ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục cũng như tình hình tài chính của Công ty. Nhằm hạn chế khả năng phát sinh và giảm thiểu mức độ tác động của các rủi ro nêu trên, Công ty đã chủ động triển khai nhiều biện pháp phòng ngừa và kiểm soát, bao gồm tăng cường công tác giám sát an toàn tại các cơ sở sản xuất và công trình; thực hiện đầy đủ các chương trình bảo hiểm phù hợp; xây dựng các kịch bản ứng phó và phương án xử lý cho từng tình huống rủi ro cụ thể; đồng thời thường xuyên rà soát, cập nhật các biện pháp quản trị rủi ro nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất – kinh doanh được duy trì ổn định và an toàn.

CHƯƠNG 2: TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Tình hình sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Ngành vật liệu xây dựng năm 2025 vẫn đối mặt với nhiều thách thức làm ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành. Tuy nhiên, với sự chuẩn bị từ trước cùng với sự đoàn kết nỗ lực của cả tập thể, Công ty tự hào với kết quả đạt được vô cùng tích cực.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	NĂM 2025	% TĂNG/GIẢM
1	Doanh thu thuần	1.867.200	2.412.912	29,23%
2	Giá vốn hàng bán	1.426.790	1.892.470	32,64%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	5.111	6.665	30,41%
4	Phần lãi trong Công ty liên kết	87	99	14,18%
5	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	273.234	325.917	19,28%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	172.374	201.289	16,77%
7	Lợi nhuận khác	2.118	189	-91,07%
8	Lợi nhuận trước thuế	174.492	201.478	15,47%
9	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	141.814	160.233	12,99%
10	Lợi nhuận sau thuế	144.397	163.852	13,47%
11	Lợi nhuận trên giá cổ phiếu (đồng)	4.063	4.735	16,54%

Kết quả kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng đáng kể bởi chênh lệch tỷ giá

Trong năm 2025, Công ty ghi nhận kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng tích cực. Doanh thu thuần đạt 2.412.912 triệu đồng, tăng 29,23% so với năm 2024, do nhu cầu vật liệu xây dựng và hoạt động thi công công trình gia tăng tại khu vực khi nhiều dự án hạ tầng giao thông và phát triển đô thị được đẩy mạnh triển khai. Giá vốn hàng bán đạt 1.892.470 triệu đồng, tăng 32,64%, chủ yếu do quy mô hoạt động mở rộng và chi phí nguyên vật liệu tăng đáng kể trong năm. Tuy vậy, nhờ kiểm soát tốt chi phí hoạt động nên chi phí tài chính, bán hàng và quản lý doanh nghiệp chỉ tăng 19,28%, thấp hơn tốc độ tăng doanh thu. Doanh thu hoạt động tài chính đạt 6.764 triệu đồng, tăng 30,13%, phần lãi từ công ty liên kết đạt 99 triệu đồng. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 201.289 triệu đồng, tăng 16,77% so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 201.478 triệu đồng, tăng 15,47%, và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 163.852 triệu đồng, tăng 13,47% so với cùng kỳ. Nhìn chung, Công ty tiếp tục duy trì tăng trưởng ổn định và nâng cao hiệu quả hoạt động trong bối cảnh thị trường xây dựng khu vực phục hồi.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TICCO

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2024		NĂM 2025		% TĂNG/ GIẢM
	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG	
Doanh thu bán bê tông	1.322.981	70,85%	1.609.588	66,71%	21,66%
Doanh thu thi công công trình xây dựng và cơ khí	257.725	13,80%	444.463	18,42%	72,46%
Doanh thu kinh doanh bất động sản	256.170	13,72%	322.441	13,36%	25,87%
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	15.416	0,83%	15.816	0,66%	2,59%
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	4.135	0,22%	4.151	0,17%	0,39%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.771	0,58%	16.454	0,68%	52,76%
TỔNG CỘNG	1.867.200	100,00%	2.412.912	100,00%	29,23%

Trong năm 2025, cơ cấu doanh thu của Công ty tiếp tục duy trì nền tảng từ hoạt động sản xuất và cung cấp bê tông thương phẩm, đồng thời ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể ở các mảng thi công xây dựng và kinh doanh bất động sản. Tổng doanh thu thuần đạt khoảng 2.412,9 tỷ đồng, tăng 29,23% so với năm 2024, nhờ sự phục hồi tích cực của thị trường xây dựng và đầu tư hạ tầng tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Doanh thu bán bê tông tiếp tục giữ vai trò chủ lực với giá trị 1.609,59 tỷ đồng, chiếm 66,71% tổng doanh thu. Mặc dù tỷ trọng mảng kinh doanh này giảm nhẹ so với năm trước vẫn tăng trưởng 21,66%. Kết quả này là do sự gia tăng nhu cầu vật liệu xây dựng phục vụ các dự án hạ tầng giao thông, đô thị và khu công nghiệp tại khu vực miền Nam. Trong giai đoạn 2024–2025, nhiều dự án trọng điểm như các tuyến cao tốc khu vực phía Nam, hệ thống giao thông liên vùng và các dự án phát triển đô thị tại khu vực tiếp tục được đẩy mạnh triển khai, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp cung cấp vật liệu xây dựng trong khu vực. Ngoài ra, doanh thu từ hoạt động thi công công trình xây dựng đạt 444,46 tỷ đồng, tăng 72,46% so với năm 2024 và nâng tỷ trọng lên 18,42% tổng doanh thu. Mức tăng trưởng này là nhờ Công ty đã tích cực mở rộng đáng kể năng lực thi công, tận dụng hiệu quả nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển đô thị tại địa phương. Việc tăng tỷ trọng mảng thi công cũng góp phần nâng cao mức độ tham gia của Công ty trong chuỗi giá trị xây dựng, từ cung cấp vật liệu đến triển khai công trình. Hoạt động kinh doanh bất động sản đạt doanh thu 322,44 tỷ đồng, tăng 25,87% so với năm trước và chiếm 13,36% tổng doanh thu nhờ Công ty đẩy mạnh cho thuê đất tại Cụm công nghiệp Gia Thuận 1. Trong khi đó, doanh thu bán vật liệu xây dựng khác, cho thuê bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ tiếp tục duy trì, tổng chiếm khoảng 1% tổng doanh thu, chủ yếu đóng vai trò bổ trợ cho các hoạt động kinh doanh cốt lõi.

Nhìn chung, cơ cấu doanh thu của Công ty đang dịch chuyển theo hướng cân bằng hơn giữa sản xuất vật liệu, thi công xây dựng và phát triển bất động sản. Sự đa dạng hóa này giúp Công ty tận dụng tốt các cơ hội từ chu kỳ đầu tư công, quá trình đô thị hóa tại khu vực miền Nam, đồng thời tăng cường khả năng thích ứng trước biến động của thị trường xây dựng và bất động sản. Trong trung và dài hạn, cấu trúc doanh thu này được kỳ vọng sẽ tiếp tục hỗ trợ cho sự tăng trưởng ổn định và bền vững của Công ty.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH2025/ KH2025	TH2025/ TH2024
Doanh thu thuần hợp nhất	1.867	1.976	2.413	122,11%	29,24%
Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	141,8	160	160,2	100,15%	12,99%
Giá trị đầu tư	331,3	498,4	515	103,33%	55,45%
Vốn điều lệ	259,4	300,9	311,3	103,46%	20,01%
Cổ tức	50%	40%	DK 40%		

Trong năm 2025, nhờ vào bối cảnh thị trường thuận lợi cũng như việc nắm bắt và chỉ đạo kinh doanh kịp thời của Ban lãnh đạo, Công ty tiếp tục xuất sắc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Cụ thể doanh thu thuần đạt 2.413 tỷ đồng, vượt 22,11% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ đạt 160,2 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch năm. Giá trị đầu tư cũng ghi nhận vượt 3,33% kế hoạch năm. Vốn điều lệ của Công ty tăng lên 311,3 tỷ đồng sau khi Công ty hoàn tất phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024 cho các cổ đông. Công ty cũng tiếp tục duy trì chính sách cổ tức ở mức dự kiến 40% vốn điều lệ thể hiện cam kết chia sẻ hiệu quả kinh doanh với cổ đông.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

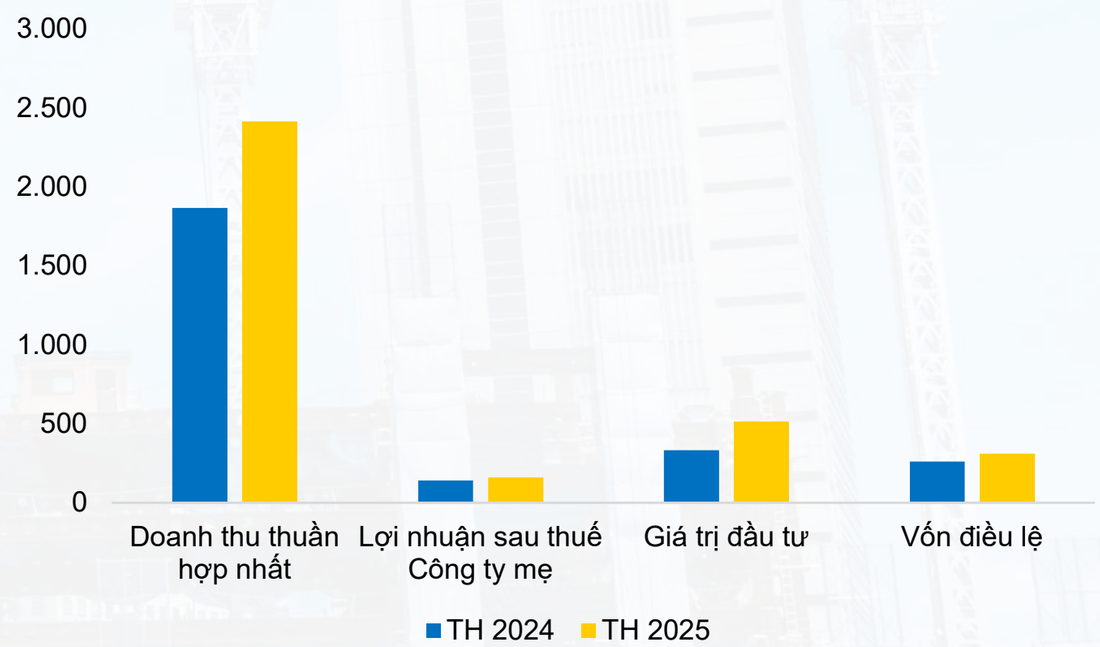

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

Tính đến thời điểm 31/12/2025

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU*	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Vũ Huy Giáp	Tổng Giám đốc	1.401.065	4,50%
2	Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Tổng giám đốc	1.516.166	4,87%
3	Nguyễn Hoài Bắc	Phó Tổng giám đốc	761.465	2,45%
4	Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Tổng giám đốc	371.990	1,20%
5	Nguyễn Ngọc Hùng	Phó Tổng giám đốc	157.572	0,51%
6	Nguyễn Văn Thành*	Phó Tổng giám đốc	222.444	0,71%
7	Huỳnh Thị Mỹ Hương	Kế toán trưởng	5.251	0,02%
8	Nguyễn Hoàng Sơn	Trưởng phòng Tài chính Kế toán	9.060	0,03%

*Dựa trên danh sách chốt vào ngày 10/12/2025

Ông Nguyễn Văn Thành được HĐQT bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc từ ngày 01/01/2026.

Những thay đổi trong Ban Điều hành

Ngày 30/06/2025, Hội đồng Quản trị đã bổ nhiệm bà Phạm Thị Xuân Lan giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm toán Nội bộ, đồng thời bổ nhiệm ông Nguyễn Hoàng Sơn giữ chức vụ Trưởng phòng Tài chính – Kế toán có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2025.

Ngày 01/12/2025, Hội đồng Quản trị đã có Nghị quyết tái bổ nhiệm các ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Nguyễn Hữu Hiệp, Nguyễn Hoài Bắc và Nguyễn Ngọc Hùng tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc. Đồng thời, Hội đồng Quản trị cũng quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Thành giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, thời hạn có hiệu lực từ 01/01/2026.

Ông VŨ HUY GIÁP

Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Năm sinh	1977
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 1.401.065 cổ phần chiếm 4,50% Vốn điều lệ
Quá trình công tác	
» Từ 05/5/2001 đến 01/01/2003	Nhân viên kỹ thuật tại Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang.
» Từ 01/01/2003 đến 12/9/2005	Phụ trách kế hoạch Xí nghiệp Bê tông tại Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang.
» Từ 12/9/2005 đến 10/5/2007	Phó Giám đốc Xí nghiệp Bê tông Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang.
» Từ 10/5/2007 đến 01/7/2009	Phó Giám đốc phụ trách sản xuất Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang.
» Từ 01/7/2009 đến 06/04/2013	Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh - tiếp thị Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang.
» Từ 06/04/2013 đến 31/8/2014	Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang .
» Từ 01/02/2014 đến 31/12/2020	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang.
	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang.
» Từ 12/09/2014 đến 13/11/2017	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang.
» Từ 20/09/2016 đến 08/08/2019	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang.
» Từ 18/09/2017 đến 01/02/2018	Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang.
» Từ 29/04/2017 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang.
» Từ 27/06/2019 đến 30/04/2021	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
» Từ 01/05/2021 đến nay	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

Ông NGUYỄN THANH NGHĨA

Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Năm sinh	1976
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế học
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Người đại diện vốn của TICCO tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO và Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước.
Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 1.516.166 cổ phần chiếm 4,87% VĐL
Quá trình công tác	
» Từ 07/1998 đến 12/2000	Làm việc tại XNXL2 - Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang
» Từ 01/2000 đến 07/2007	Làm việc tại XNBT - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
» Từ 01/7/2007 đến 01/7/2011	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO trực thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
» Từ 01/07/2011 đến 01/08/2014	GĐ Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO trực thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
» Từ 01/8/2014 đến 04/2017	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
» Từ 04/2017 đến 02/2020	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
» Từ 02/2020 đến 22/04/2022	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và kiêm Trưởng Ban Đầu tư và Quản lý dự án
» Từ 04/2022 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

Ông NGUYỄN HỮU HIỆP

Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Năm sinh	1971
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Thuỷ lợi
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Công nghiệp TICCO, kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO.
Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 371.990 cổ phần chiếm 1,20% Vốn điều lệ
Quá trình công tác	
» Từ 09/1994 đến 03/1996	Nhân viên tại Sở thủy lợi TG
» Từ 04/1996 đến 12/2002	Nhân viên kỹ thuật tại Xí nghiệp xây dựng thủy lợi
» Từ 01/2003 đến 08/2005	Chuyên viên kế hoạch - P. Kế hoạch kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
» Từ 01/08/2005	Phó giám đốc Trung tâm đầu tư và kinh doanh địa ốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
» Từ 23/08/2005	Quyền giám Đốc trung tâm đầu tư và kinh doanh địa ốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
» Từ 03/2009 đến 06/2009	Trưởng phòng Kinh doanh - Tiếp thị tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
» Từ 07/2009 đến 09/2009	Giám đốc đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
» Từ 09/2009 đến 07/2012	Trưởng phòng đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
» Từ 07/2012 đến 01/2014	TP. Kế hoạch - Đầu tư, kiêm Giám đốc Sàn GD BĐS tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
» Từ 02/2014 đến nay	Phó Tổng giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
» Từ 24/06/2020 đến nay	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Công nghiệp TICCO

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

Ông NGUYỄN HOÀI BẮC

Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Năm sinh	1978
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Thuỷ lợi
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO; Người đại diện vốn của TICCO tại Công ty TNHH MTV TICCO Gò Công.
Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 761.465 cổ phần chiếm 2,45% VĐL
Quá trình công tác	
» Từ 12/2007 đến 06/2008	Nhân viên Kế hoạch Kinh doanh tại P.Kế hoạch - Kinh doanh Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
» Từ 07/2008 đến 02/2009	Phó trưởng phòng Kế hoạch - KD tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
» Từ 03/2009 đến 13/10/2013	Trưởng phòng Sản xuất- vật tư Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
» Từ 14/10/2013 đến 13/03/2019	Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
» Từ 26/12/2016 đến 13/03/2019	Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty Bê tông TICCO - Nhà máy Bê tông Tân Phước
» Từ 14/03/2019 đến 31/12/2020	Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
» Từ 01/01/2021 đến 30/06/2022	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
» Từ 01/07/2022 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO

Ông NGUYỄN NGỌC HÙNG

Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Năm sinh	1983
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản lý xây dựng
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước, kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV TICCO Gò Công; Người đại diện vốn của TICCO tại Công ty CP Xây dựng TICCO.
Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 157.572 cổ phần chiếm 0,51% VĐL
Quá trình công tác	
» Từ 01/06/2006	Nhân viên Kỹ thuật tại Xí nghiệp Bê tông - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
» Từ 01/03/2007	Nhân viên Kỹ thuật tại Phòng Sản xuất - Vật tư Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
» Từ 16/03/2009	Quản đốc Trạm tại Trạm sản xuất Bê tông tươi Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
» Từ 18/02/2011	Quản đốc Xưởng tại Xưởng sản xuất Bê tông tươi Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
» Từ 01/01/2012	Phó Trưởng phòng tại Phòng Kinh doanh - Tiếp thị Công ty TNHH MTV Bê tôngTICCO
» Từ 01/03/2013	Trưởng phòng tại Phòng Kinh doanh - Tiếp thị Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
» Từ 01/05/2015	Phó Giám đốc Công ty kiêm Trưởng phòng Kinh doanh - Tiếp thị tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
» Từ 13/02/2020 đến 31/12/2020	Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
» Từ 01/01/2021 đến 30/06/2022	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
» Từ 01/07/2022 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
» Từ 29/12/2025 đến nay	Giám đốc Công ty TNHH MTV TICCO Gò Công.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

Ông NGUYỄN VĂN THÀNH

Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Kỹ thuật, Giám đốc Ban ĐT&QLDA

Giới tính	Nam
Năm sinh	1974
Quốc tịch	Việt Nam

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Thuỷ lợi
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Thuỷ lợi TICCO; Người đại diện vốn của TICCO tại Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO.
Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 222.444 cổ phần chiếm 0,71% VĐL
Quá trình công tác	
» Từ 12/1995 đến 09/2000	KTV thi công - Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang
» Từ 10/2000 đến 08/2006	Nhân viên kỹ thuật - Công ty Xây dựng thủy lợi Tiền Giang
» Từ 09/2006 đến 12/2007	Chuyên viên Phòng quản lý du lịch - Sở thương mại và du lịch
» Từ 01/2008 đến 02/2009	Phó Giám đốc-XN Xây lắp 1 - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
» Từ 02/2009 đến 12/2009	Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Giao thông TICCO
» Từ 01/2010 đến 10/2012	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO
» Từ 10/2012 đến 02/2014	Phó Giám đốc XN Cơ khí sửa chữa - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
» Từ 02/0214 đến 09/2016	Giám đốc XN Xây dựng Thủy lợi - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
» Từ 09/2016 đến nay	Giám đốc - Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO
» Từ 01/2025 đến nay	Giám đốc Kỹ thuật - TICCO
» Từ 07/2025 đến nay	Giám đốc Ban ĐT&QLDA - TICCO

Bà HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng

Giới tính	Nữ
Năm sinh	1991
Quốc tịch	Việt Nam

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có.
Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 5.251 cổ phần chiếm 0,02% Vốn điều lệ
Quá trình công tác	
» Từ 08/2014 đến 11/2018	Nhân viên kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
» Từ 11/2018 đến 02/2022	Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV Xây dựng Thuỷ lợi TICCO
» Từ 03/2022 đến 12/2022	Trưởng phòng Tài chính kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
» Từ 01/2023 đến nay	Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

Ông NGUYỄN HOÀNG SƠN

Trưởng VP.HĐQT, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty, Đại diện Công bố thông tin.

Giới tính	Nam
Năm sinh	1979
Quốc tịch	Việt Nam

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV TICCO Gò Công; Người đại diện vốn của TICCO tại Công ty Cổ phần TESTCO.
Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 9.060 cổ phần chiếm 0,03% VĐL
Quá trình công tác	
» Từ 10/08/2017	Phó Trưởng Phòng Quản trị Công ty TICCO
» Từ 01/08/2018	Phó Trưởng Phòng Kế Hoạch - Kỹ Thuật
» Từ 14/08/2018	Phó trưởng VP HĐQT
» Từ 01/03/2022	Trưởng VP HĐQT
» Từ 01/07/2025	Trưởng P.Tài chính - Kế toán

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	TÍNH CHẤT PHÂN LOẠI	NĂM 2024		NĂM 2025	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
A	**Theo trình độ lao động**	**685**	**100%**	**720**	**100%**
1	Trên đại học	16	2,34%	16	2,22%
2	Đại học	184	26,86%	189	26,25%
3	Cao đẳng	117	17,08%	118	16,39%
4	Trung cấp	249	36,35%	277	38,47%
5	Lao động phổ thông	119	17,37%	120	16,67%
B	**Theo giới tính**	**685**	**100%**	**720**	**100%**
1	Nam	622	90,80%	658	91,39%
2	Nữ	63	9,20%	62	8,61%
C	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**685**	**100%**	**720**	**100%**
1	Hợp đồng dài hạn	1	0,15%	1	0,14%
2	Hợp đồng ngắn hạn	186	27,15%	230	31,94%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	498	72,70%	489	67,92%
	Tổng cộng	**685**	**100%**	**720**	**100%**

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2025
Tổng số lượng người lao động (người)	663	670	684	720
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.000.000	10.500.000	10.500.000	11.000.000

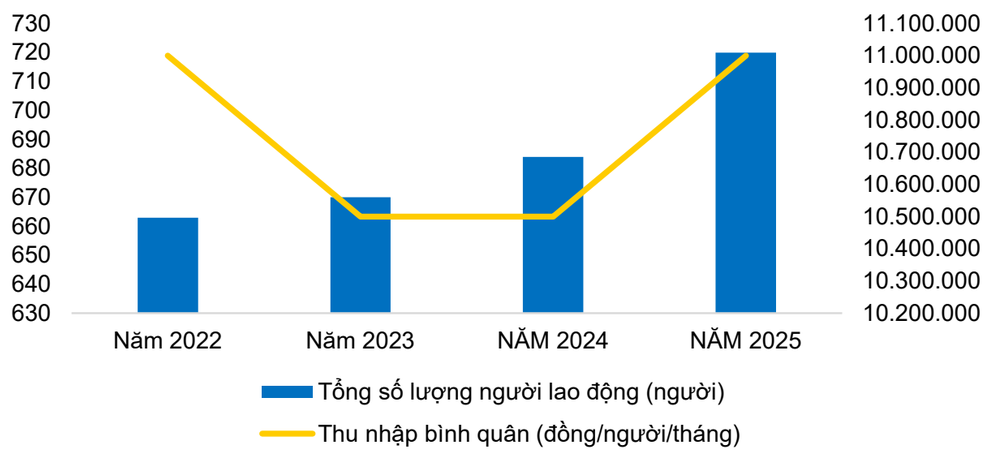

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Chính sách đào tạo được triển khai liên tục nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả hoạt động. Nội dung đào tạo tập trung vào các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định pháp luật, an toàn lao động, quy trình thi công, quản lý dự án, đồng thời cập nhật kiến thức về công nghệ và vật liệu xây dựng. Bên cạnh các chương trình đào tạo nội bộ, Công ty khuyến khích người lao động chủ động học hỏi, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, qua đó đáp ứng yêu cầu phát triển trong dài hạn.

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Công tác tuyển dụng được thực hiện trên nguyên tắc công khai, minh bạch, với các tiêu chí rõ ràng về vị trí, số lượng, tiêu chuẩn và quy trình đánh giá. Ứng viên tham gia tuyển dụng phải trải qua các vòng kiểm tra và phỏng vấn nhằm đánh giá toàn diện về chuyên môn và mức độ phù hợp. Sau khi trúng tuyển, nhân sự mới thực hiện giai đoạn thử việc theo quy định, trong đó được hướng dẫn đầy đủ về quy định và chính sách nội bộ. Kết thúc thử việc, Công ty tiến hành đánh giá toàn diện trước khi ký hợp đồng lao động chính thức. Đồng thời, Công ty chú trọng các chính sách thu hút và giữ chân nhân sự có năng lực, phù hợp với định hướng phát triển.

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Với đặc thù hoạt động thi công, Công ty đặc biệt chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn và tuân thủ các tiêu chuẩn về sức khỏe, môi trường. Các quy định về an toàn lao động được giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình vận hành; người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ và làm việc với hệ thống máy móc đạt chuẩn. Công ty cũng tổ chức các chương trình đào tạo, huấn luyện định kỳ về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ nhằm nâng cao nhận thức và khả năng ứng phó. Đồng thời, các yếu tố môi trường như chất thải, tiếng ồn và khí thải được kiểm soát, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Chính sách lương, thưởng và đãi ngộ được xây dựng trên cơ sở minh bạch, gắn với hiệu suất công việc và đóng góp của từng cá nhân. Công ty triển khai hệ thống đánh giá dựa trên kết quả thực hiện công việc, tiến độ dự án và các sáng kiến cải tiến, làm cơ sở phân bổ thu nhập phù hợp. Bên cạnh việc đảm bảo đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định, Công ty duy trì các chính sách phúc lợi bổ sung như phụ cấp, khám sức khỏe định kỳ, trang bị bảo hộ lao động và các khoản trợ cấp khác. Tổng thể, hệ thống đãi ngộ được thiết kế nhằm đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng và góp phần duy trì sự gắn bó của người lao động.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC DỰ ÁN LỚN ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN

CỤM CÔNG NGHIỆP GIA THUẬN 1

Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
Hình thức đầu tư	Đầu tư xây dựng và kinh doanh
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước thuê đất để xây dựng nhà máy sản xuất khi có nhu cầu
Quy mô dự án	50 ha
Địa điểm thực hiện dự án	Xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp
Tổng mức đầu tư phê duyệt	307,083 tỷ đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	Đã hoàn thành hạ tầng và lấp đầy được 73% diện tích kinh doanh của dự án.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC DỰ ÁN LỚN ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN

CỤM CÔNG NGHIỆP GIA THUẬN 2

Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
Hình thức đầu tư	Đầu tư xây dựng và kinh doanh
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước thuê đất để xây dựng nhà máy sản xuất khi có nhu cầu
Quy mô dự án	50 ha
Địa điểm thực hiện dự án	Xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp
Tổng mức đầu tư phê duyệt	444,3 tỷ đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	5 năm. Đã hoàn thành thi công hạ tầng kỹ thuật, đang thu hút các nhà đầu tư vào dự án.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC DỰ ÁN LỚN ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN

ĐƯỜNG NGUYỄN TRỌNG DÂN NỐI DÀI VÀ KHU DÂN CƯ HAI BÊN ĐƯỜNG

Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
Hình thức đầu tư	Đầu tư xây dựng và kinh doanh
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân có đất trong dự án, các khách hàng cá nhân và tổ chức có nhu cầu.
Quy mô dự án	7,61 ha
Địa điểm thực hiện dự án	Phường Gò Công Đông và Phường Bình Xuân, tỉnh Đồng Tháp.
Tổng mức đầu tư phê duyệt	632,178 tỷ đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	4 năm. Đã hoàn thành hạ tầng và đưa vào kinh doanh.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC DỰ ÁN LỚN ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN

ĐƯỜNG D7 VÀ KHU DÂN CƯ HAI BÊN ĐƯỜNG

Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
Hình thức đầu tư	Đầu tư xây dựng và kinh doanh
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân có đất trong dự án, các khách hàng cá nhân và tổ chức có nhu cầu.
Quy mô dự án	6,15 ha
Địa điểm thực hiện dự án	phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Tổng mức đầu tư phê duyệt	525,883 tỷ đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	4 năm. Đã hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ dự án đồng thời đủ điều kiện được chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho cá nhân tự xây nhà ở tại Dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN TRONG NĂM 2025

Tổng giá trị đầu tư năm 2025 là 515 tỷ/ KH 498,4 tỷ, đạt 103% Trong đó:

- Lĩnh vực bất động sản: 388,94 tỷ đồng.
- Lĩnh vực bê tông: 113,18 tỷ đồng.
- Lĩnh vực xây dựng: 12,90 tỷ đồng.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Với mô hình chuyên môn hóa theo từng lĩnh vực hoạt động, các công ty con đóng vai trò là những cấu phần trọng yếu trong hệ sinh thái của TICCO, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành tổng thể.

Trong năm 2025, các đơn vị thành viên tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, với kết quả kinh doanh cải thiện so với cùng kỳ. Hiệu quả hoạt động, năng lực quản trị và khả năng thích ứng với biến động thị trường được nâng cao rõ rệt, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng doanh thu hợp nhất của hệ thống.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	NĂM 2024	NĂM 2025	% TĂNG/GIẢM
Tổng giá trị tài sản	2.181.743	2.420.460	10,94%
Doanh thu thuần	1.867.200	2.412.912	29,23%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	440.410	520.442	18,17%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	172.374	201.289	16,77%
Lợi nhuận khác	2.118	189	-91,06%
Lợi nhuận trước thuế	174.492	201.478	15,47%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	141.814	160.233	12,99%
Lợi nhuận sau thuế	144.397	163.852	13,47%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.063	4.735	16,54%
Vốn chủ sở hữu	731.332	794.263	8,60%

Trong năm 2025, tình hình tài chính của Công ty tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng ổn định nhờ mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh ngành xây dựng và vật liệu xây dựng có nhiều tín hiệu tích cực. Tổng giá trị tài sản của Công ty đạt 2.420.460 triệu đồng, tăng 10,94% so với năm 2024. Vốn chủ sở hữu đạt 794.263 triệu đồng, tăng 8,60%, qua đó tiếp tục củng cố nền tảng tài chính của Công ty và tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động đầu tư và mở rộng sản xuất trong giai đoạn tới.

Công ty ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể trong năm 2025. Doanh thu thuần đạt 2.412.912 triệu đồng, tăng 29,23% so với năm trước. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 520.442 triệu đồng, tăng 18,17%. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 201.289 triệu đồng, tăng 16,77%, trong khi lợi nhuận trước thuế đạt 201.478 triệu đồng, tăng 15,47%. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 163.852 triệu đồng, tăng 13,47% so với năm 2024. Kết quả này đạt được trong bối cảnh thị trường xây dựng trong nước duy trì đà tăng trưởng nhờ việc đẩy mạnh đầu tư hạ tầng và phát triển đô thị. Nhiều dự án và mục tiêu phát triển hạ tầng đã được triển khai và đẩy mạnh trong năm 2025, kéo theo nhu cầu lớn về vật liệu xây dựng và dịch vụ thi công công trình. Đồng thời, khu vực Tây Nam Bộ tiếp tục được ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông kết nối liên vùng, tạo động lực thúc đẩy hoạt động xây dựng và phát triển đô thị tại nhiều địa phương trong khu vực. Bên cạnh những yếu tố thuận lợi từ thị trường, ngành xây dựng trong năm 2025 cũng chịu nhiều áp lực từ biến động chi phí nguyên vật liệu. Giá một số vật liệu đầu vào như xi măng, cát, đá và thép tăng đáng kể do nhu cầu xây dựng gia tăng và nguồn cung tại một số khu vực bị hạn chế. Tuy nhiên, nhờ chủ động kiểm soát chi phí và tối ưu hóa hoạt động sản xuất, Công ty vẫn duy trì được hiệu quả kinh doanh ổn định.

Nhìn chung, các chỉ tiêu tài chính năm 2025 cho thấy Công ty tiếp tục duy trì nền tảng tài chính lành mạnh, quy mô tài sản và lợi nhuận tăng trưởng tích cực, tạo tiền đề thuận lợi cho việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo. Đồng thời, sự cải thiện về quy mô doanh thu và lợi nhuận cũng góp phần nâng cao vị thế của Công ty trong lĩnh vực vật liệu xây dựng và thi công công trình tại khu vực Tây Nam Bộ.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2024	NĂM 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,28	1,33
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,57	0,64
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,66	0,67
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1,98	2,05
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay khoản phải trả	Vòng	4,02	4,15
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	7,02	8,90
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,80	2,24
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,93	1,05
Chu kỳ tiền	Ngày	164,40	116,07
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	7,73%	6,79%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	20,34%	21,48%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	7,16%	7,12%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	9,23%	8,34%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

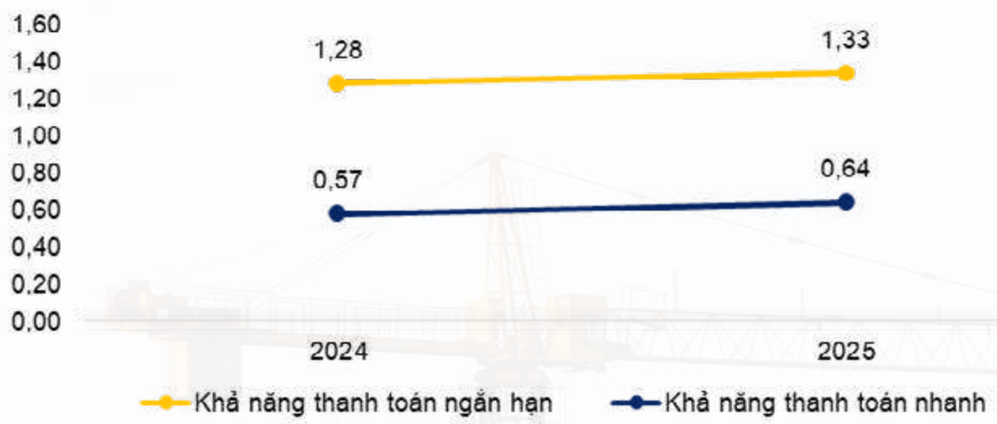

Năm 2025, hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,33, tăng nhẹ so với mức 1,28 của năm 2024; trong khi hệ số thanh toán nhanh đạt 0,64 lần, tăng 0,07 so với mức 0,57 của năm trước. Điều này là vì Công ty chủ động cải thiện nhằm đáp ứng các nghĩa vụ nợ ngắn, đặc biệt trong quá trình mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài sản ngắn hạn tăng nhẹ so với năm trước, đạt khoảng 1.593 tỷ đồng, tăng khoảng 2,5% so với năm 2024. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương tiền tăng đáng kể, từ khoảng 299 tỷ đồng lên hơn 381 tỷ đồng, tương đương mức tăng khoảng 28%. Việc gia tăng quy mô tiền mặt và các khoản tương đương tiền đã góp phần cải thiện khả năng thanh toán tức thời của Công ty, đồng thời tạo dư địa tài chính thuận lợi để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Nợ ngắn hạn trong năm 2025 giảm nhẹ so với năm trước, đạt khoảng 1.198 tỷ đồng, giảm 1,4% so với cùng kỳ. Trong năm, Công ty tiếp tục kiểm soát tốt các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn, các khoản chi phí phải trả và một số khoản khác. Trong khi đó, các khoản người mua trả tiền trước vẫn duy trì ở mức cao, cho thấy nhu cầu thị trường ổn định đối với các sản phẩm và dịch vụ của Công ty, đặc biệt trong mảng thi công công trình xây dựng.

Nhìn chung, trong năm 2025 Công ty tiếp tục duy trì sự chủ động trong quản trị dòng tiền và cơ cấu vốn lưu động. Trong bối cảnh thị trường vẫn còn nhiều biến động, Công ty tiếp tục theo đuổi chính sách quản trị tài chính thận trọng, tối ưu sử dụng nguồn vốn ngắn hạn, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý hàng tồn kho và công nợ để đảm bảo khả năng thanh toán cũng như duy trì nền tảng tài chính ổn định cho các kế hoạch phát triển trong thời gian tới.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

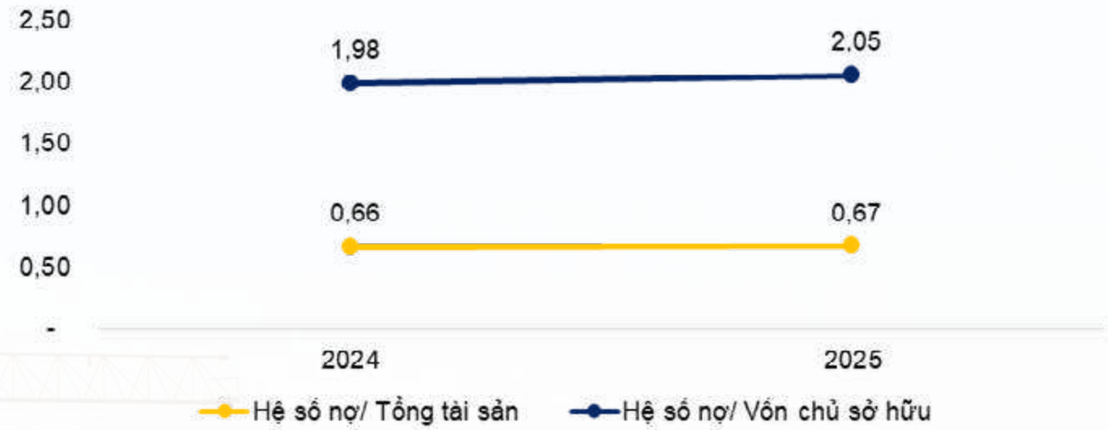

Trong năm 2025, các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu vốn của Công ty ghi nhận sự gia tăng nhẹ. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng nhẹ từ 0,66 lần trong năm 2024 lên 0,67 lần trong năm 2025, chủ yếu là các khoản tài trợ phục vụ nhu cầu bổ sung nguồn lực tài chính để phục vụ hoạt động đầu tư và mở rộng quy mô kinh doanh.

Tại thời điểm cuối năm 2025, tổng tài sản của Công ty đạt khoảng 2.420 tỷ đồng, tăng so với mức 2.182 tỷ đồng của năm trước. Trong đó, tổng nợ phải trả đạt khoảng 1.626 tỷ đồng, tăng khoảng 12% so với năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty chủ động huy động thêm nguồn vốn từ các khoản vay dài hạn để phục vụ các kế hoạch đầu tư và phát triển dự án trong bối cảnh nhu cầu của thị trường và ngành nghề kinh doanh có xu hướng phục hồi và tăng trưởng. Việc ưu tiên sử dụng các khoản vay dài hạn thay vì gia tăng nợ ngắn hạn vừa giúp Công ty giảm áp lực thanh toán trong ngắn hạn và vừa tạo cơ hội để tiếp cận nguồn vốn vay với chi phí hợp lý, qua đó tối ưu hóa cấu trúc vốn và hỗ trợ cho các kế hoạch tăng trưởng dài hạn trong bối cảnh mặt bằng lãi suất tương đối thuận lợi.

Bên cạnh đó, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu cũng tăng từ 1,98 lần lên 2,05 lần. Dù tăng nhanh hơn hệ số Nợ/Tổng tài sản, tuy nhiên vốn chủ sở hữu của Công ty vẫn tiếp tục được củng cố thông qua việc bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu tích lũy từ lợi nhuận giữ lại, đạt khoảng 794 tỷ đồng vào cuối năm 2025. Điều này cho thấy nền tảng vốn của Công ty vẫn duy trì ổn định, tạo dư địa để cân đối giữa nguồn vốn vay và vốn tự có trong quá trình phát triển.

Tổng thể, cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2025 vẫn được duy trì ở mức hợp lý. Việc sử dụng đòn bẩy tài chính phù hợp không chỉ giúp Công ty tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư mà còn góp phần tối ưu hóa chi phí vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục theo dõi chặt chẽ các chỉ tiêu an toàn tài chính, cân đối hợp lý giữa nguồn vốn vay và vốn chủ sở hữu nhằm đảm bảo sự ổn định và bền vững trong cơ cấu tài chính.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

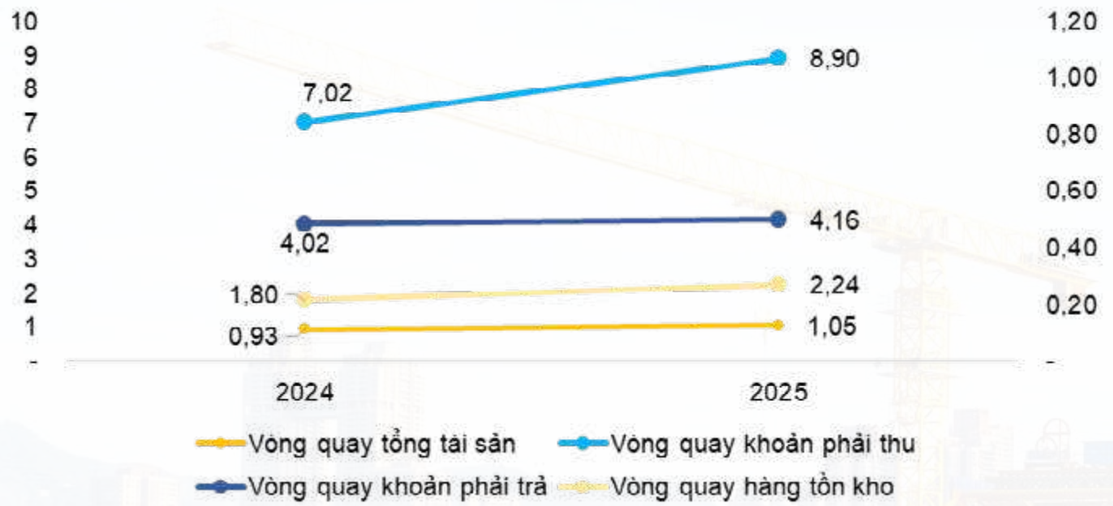

Trong năm 2025, các chỉ tiêu năng lực hoạt động của Công ty đều ghi nhận sự cải thiện rõ rệt do hiệu quả quản lý vốn lưu động và khai thác tài sản được nâng cao so với năm trước. Kết quả này là nhờ nỗ lực của Công ty trong việc tối ưu hóa vận hành, kiểm soát công nợ và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực phục vụ tăng trưởng doanh thu.

Vòng quay khoản phải thu tăng từ 7,02 vòng trong năm 2024 lên 8,90 vòng trong năm 2025, tương ứng số ngày thu tiền bình quân giảm từ khoảng 52 ngày xuống còn khoảng 41 ngày. Nguyên nhân là do Công ty tăng cường công tác quản trị công nợ, rà soát chặt chẽ điều khoản thanh toán trong hợp đồng và chủ động theo dõi tiến độ thu hồi công nợ từ khách hàng. Trong bối cảnh doanh thu thuần năm 2025 tăng lên khoảng 2.412,9 tỷ đồng, việc duy trì kỷ luật thu hồi công nợ đã giúp Công ty hạn chế rủi ro bị chiếm dụng vốn và cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 1,80 vòng lên 2,24 vòng, tương ứng số ngày tồn kho bình quân giảm đáng kể. Giá vốn hàng bán năm 2025 đạt khoảng 1.892,5 tỷ đồng, tăng theo quy mô doanh thu, tuy nhiên mức tồn kho cuối kỳ giảm nhẹ so với năm trước, còn khoảng 832 tỷ đồng do Công ty đã nâng cao hiệu quả điều phối sản xuất và quản lý nguyên vật liệu, đồng thời tối ưu kế hoạch cung ứng nhằm phù hợp hơn với nhu cầu thị trường. Việc cải thiện tốc độ luân chuyển tồn kho giúp giảm chi phí lưu kho, hạn chế rủi ro biến động giá nguyên vật liệu và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

Vòng quay khoản phải trả tăng nhẹ từ 4,02 vòng lên 4,15 vòng. Công ty tiếp tục tận dụng hợp lý nguồn tín dụng thương mại từ các nhà cung cấp, trong khi vẫn duy trì uy tín thanh toán và quan hệ hợp tác ổn định trong chuỗi cung ứng. Nhờ sự cải thiện đồng thời của các yếu tố trên, chu kỳ chuyển đổi tiền mặt của Công ty đã giảm đáng kể từ 164,40 ngày xuống còn 116,07 ngày, qua đó rút ngắn thời gian luân chuyển vốn và tăng tính chủ động về dòng tiền.

Bên cạnh đó, hiệu quả khai thác tài sản cũng được nâng cao. Vòng quay tổng tài sản năm 2025 đạt 1,05 vòng, tăng so với mức 0,93 vòng của năm 2024 trong bối cảnh tổng tài sản của Công ty tăng lên khoảng 2.420 tỷ đồng. Kết quả này cho thấy Công ty đã khai thác hiệu quả hơn các tài sản hiện hữu thông qua mở rộng thị trường tiêu thụ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án xây dựng và gia tăng sản lượng sản xuất. Nhìn chung, việc cải thiện đồng bộ các chỉ tiêu hoạt động đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tạo nền tảng tài chính vững chắc cho các kế hoạch tăng trưởng của Công ty trong các năm tiếp theo.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

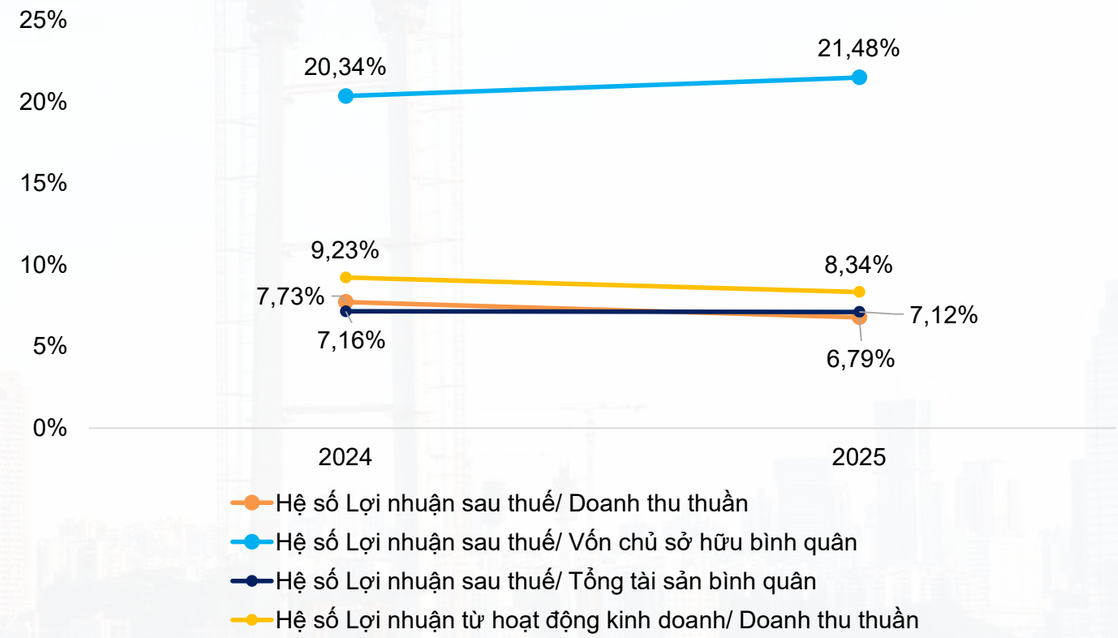

Trong năm 2025, các chỉ tiêu khả năng sinh lời của Công ty tiếp tục duy trì ở mức tích cực, hiệu quả hoạt động kinh doanh vẫn duy trì ổn định trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động.

Doanh thu thuần trong năm 2025 đạt khoảng 2.412,9 tỷ đồng, tăng hơn 29% so với năm 2024, do Công ty mở rộng sản lượng tiêu thụ vật tư, bê tông và đẩy mạnh hoạt động thi công xây dựng cũng như kinh doanh bất động sản. Nhờ đó, lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 163,9 tỷ đồng, tăng hơn 13% so với năm trước. Tuy nhiên, hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần và hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên doanh thu thuần đã giảm từ 7,73% xuống 6,79% và từ 9,23% xuống 8,34%. Nguyên nhân là do để đáp ứng tiến độ triển khai các công trình xây dựng và khối lượng đơn hàng tăng lên, Công ty đã tăng cường huy động nguồn nhân lực tại các dự án, bao gồm việc bố trí thêm nhân công và chi trả chi phí làm thêm giờ nhằm đảm bảo tiến độ thi công. Bên cạnh đó, giá các nguyên vật liệu đầu vào quan trọng như cát, đá, xi măng đều có xu hướng tăng trong năm, làm cho giá vốn hàng bán và chi phí sản xuất tăng tương ứng. Những yếu tố này đã tác động nhất định đến biên lợi nhuận của Công ty trong kỳ.

Mặt khác, hiệu quả sử dụng vốn của Công ty vẫn được duy trì tích cực. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân đạt 21,48%, tăng so với mức 20,34% của năm trước, cho thấy Công ty tiếp tục sử dụng hiệu quả nguồn vốn của cổ đông để tạo ra giá trị gia tăng. Trong khi đó, hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân đạt 7,12%, gần tương đương mức 7,16% của năm 2024, phản ánh hiệu quả khai thác và sử dụng tài sản của Công ty vẫn được duy trì ổn định trong bối cảnh quy mô tài sản tiếp tục tăng để phục vụ hoạt động đầu tư và mở rộng sản xuất kinh doanh.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần đang lưu hành:

31.129.907 cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ:

0 cổ phần

Loai cổ phần đang lưu hành:

Cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng:

31.129.907 cổ phần

Mã Chứng khoán:

THG (HOSE)

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng:

0 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Danh sách cổ đông được chốt tại ngày 10/12/2025

STT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (đồng)	TỶ LỆ SỞ HỮU
I	Cơ cấu tỷ lệ sở hữu	31.129.907	311.299.070.000	100%
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết)	-	-	0,0%
2	Cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	31.129.907	311.299.070.000	100,0%
II	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
III	Cổ đông trong nước	29.892.633	298.926.330.000	96,0%
1	Cá nhân	26.059.134	260.591.340.000	83,7%
2	Tổ chức	3.833.499	38.334.990.000	12,3%
IV	Cổ đông nước ngoài	1.237.274	12.372.740.000	4,0%
1	Cá nhân	37.236	372.360.000	0,1%
2	Tổ chức	1.200.038	12.000.380.000	3,9%
	Tổng cộng (II+III+IV)	31.129.907	311.299.070.000	100%

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty: 49% (căn cứ theo Công văn 3437/UBCK-PTTT ngày 06/06/2022 về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Ngày 07/07/2025, Công ty phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức với tỷ lệ thực hiện 100:20, nâng tổng vốn điều lệ lên 311.299.070.000 đồng.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

GIAO DỊCH CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Song song với mục tiêu tăng trưởng và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, TICCO kiên định theo đuổi định hướng phát triển bền vững, gắn kết hài hòa giữa lợi ích kinh tế với trách nhiệm đối với người lao động, cộng đồng và môi trường. Công ty xác định việc quản trị các tác động môi trường – xã hội là một nội dung trọng yếu trong chiến lược phát triển dài hạn, đồng thời là yếu tố góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị doanh nghiệp.

Với định hướng xây dựng những công trình không chỉ mang lại giá trị kinh tế mà còn đóng góp tích cực cho môi trường và xã hội, TICCO chủ động lồng ghép các nguyên tắc phát triển bền vững vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty tập trung tối ưu hóa quy trình vận hành, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, đồng thời triển khai các sáng kiến hướng đến phát triển cộng đồng và nâng cao chất lượng sống.

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

Khí nhà kính là những loại khí tồn tại trong khí quyển có khả năng hấp thụ và phản xạ bức xạ hồng ngoại, được phát ra từ bề mặt Trái Đất khi tiếp xúc với ánh sáng mặt trời, hiện tượng này tạo ra hiệu ứng nhà kính. Các khí nhà kính chính bao gồm carbon dioxide (CO2), methane (CH4), nitrous oxide (N2O), hydrofluorocarbons (HFCs), perfluorocarbons (PFCs), và sulfur hexafluoride (SF6). Hiệu ứng nhà kính gây ra sự tăng nhiệt độ và biến đổi khí hậu toàn cầu, ảnh hưởng đến môi trường sống và sức khỏe của con người.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phát triển bất động sản, sản xuất bê tông và thi công xây dựng, TICCO nhận thức rõ rằng các hoạt động sản xuất – xây dựng có thể phát sinh phát thải khí nhà kính và tác động nhất định đến môi trường. Do đó, Công ty xác định việc kiểm soát phát thải và giảm thiểu tác động môi trường là một trong những trách nhiệm quan trọng trong quá trình vận hành.

Công tác quản lý các vấn đề môi trường tại TICCO được triển khai với mục tiêu bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời từng bước nâng cao hiệu quả quản trị phát thải. Công ty tập trung thực hiện các giải pháp như cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, tối ưu hóa quy trình vận hành, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hạn chế lãng phí tài nguyên và tăng cường kiểm soát các nguồn phát thải trong quá trình sản xuất và thi công.

Bên cạnh đó, trước xu hướng chuyển dịch sang nền kinh tế xanh và phát triển bền vững, TICCO đang từng bước nghiên cứu và áp dụng các giải pháp thân thiện với môi trường trong hoạt động sản xuất và phát triển dự án. Trong định hướng dài hạn, Công ty hướng đến việc gia tăng sử dụng các nguồn năng lượng sạch, thúc đẩy nghiên cứu các giải pháp vật liệu và công nghệ xây dựng thân thiện với môi trường, đồng thời từng bước giảm thiểu cường độ phát thải trong toàn bộ chuỗi giá trị hoạt động của Công ty.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Để giảm thiểu tác động đến môi trường và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, TICCO đã và đang chú trọng quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn nguyên vật liệu trong toàn bộ quá trình sản xuất và thi công. Công ty áp dụng công nghệ sản xuất bê tông xanh, sử dụng các nguyên liệu thay thế (như tro bay), cải tiến quy trình sản xuất để tăng hiệu quả năng lượng và giảm tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch. Bên cạnh đó, TICCO cũng thực hiện công tác kiểm tra, bảo trì và nâng cấp định kỳ đối với hệ thống máy móc, thiết bị tại các nhà máy và trạm trộn bê tông nhằm đảm bảo thiết bị vận hành ổn định, nâng cao hiệu suất hoạt động và hạn chế lãng phí năng lượng. Các biện pháp này góp phần vào việc sử dụng hiệu quả nguồn nguyên vật liệu, giảm thiểu tác động môi trường và phù hợp với định hướng phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

STT	Loại nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Tổng khối lượng sử dụng
1	Cát vàng	mét khối	396.574
2	Đá 1*2	mét khối	390.417
3	Đá mi	mét khối	56.488
4	Thép các loại	tấn	29.897
5	Xi măng	tấn	184.304
6	Tro bay	tấn	38.323
7	Nhớt các loại	lít	57.765

Đối với lĩnh vực thi công công trình:

TICCO đã triển khai nhiều biện pháp quản lý nhằm giảm thiểu tác động phát sinh trong quá trình thi công. Tại các công trường, Công ty thực hiện các giải pháp kiểm soát bụi như che chắn khu vực thi công, bố trí biện pháp hạn chế phát tán bụi ra môi trường xung quanh và tổ chức thi công theo quy trình phù hợp nhằm giảm thiểu ảnh hưởng đến khu vực lân cận. Đối với chất thải rắn xây dựng, Công ty triển khai công tác phân loại và thu gom ngay tại nguồn, đồng thời tăng cường tái sử dụng hoặc tái chế các vật liệu phù hợp nhằm giảm thiểu lượng chất thải phát sinh. Phần chất thải không thể tái sử dụng được thu gom và xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Song song với các biện pháp kỹ thuật, TICCO cũng chú trọng nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người lao động trong công tác bảo vệ môi trường thông qua các chương trình đào tạo và hướng dẫn định kỳ tại công trường. Việc kết hợp giữa quản trị vận hành, giải pháp kỹ thuật và đào tạo nhân sự giúp Công ty từng bước kiểm soát hiệu quả các tác động môi trường trong hoạt động thi công, phù hợp với định hướng phát triển bền vững trong dài hạn.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2025
1	Dầu DO	Lít	2.499.796
	Tổng năng lượng tiêu thụ	Kjun	92.104.997.621
2	Xăng	Lít	24.560
	Tổng năng lượng tiêu thụ	Kjun	853.506.687
3	Than đá	Kg	307.856
	Tổng năng lượng tiêu thụ	Kjun	5.154.741.031
4	Gas	Kg	3.363
	Tổng năng lượng tiêu thụ	Kjun	154.698.000
5	Điện	kwh	3.421.978
	Tổng năng lượng tiêu thụ	Kjun	12.319.121.880

Quản lý và sử dụng năng lượng hiệu quả là một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của TICCO. Việc kiểm soát tiêu thụ năng lượng không chỉ góp phần giảm chi phí vận hành mà còn giúp hạn chế phát thải và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xanh và sản xuất có trách nhiệm với môi trường.

Trên cơ sở đó, Công ty triển khai nhiều biện pháp nhằm tối ưu hóa việc sử dụng điện năng như thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, bảo trì và cải tiến hệ thống máy móc, thiết bị nhằm đảm bảo thiết bị vận hành ổn định, hạn chế thất thoát năng lượng và nâng cao hiệu suất truyền tải điện trong quá trình sản xuất. Việc duy trì tình trạng vận hành tối ưu của dây chuyền sản xuất cũng góp phần giảm mức tiêu hao năng lượng và hạn chế lãng phí trong quá trình vận hành. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng kế hoạch sử dụng điện năng theo từng giai đoạn sản xuất và theo nhu cầu thực tế của từng bộ phận nhằm đảm bảo việc phân bổ và sử dụng năng lượng hợp lý. Tại các nhà máy sản xuất, đội ngũ cán bộ kỹ thuật được đào tạo chuyên môn về quản lý và vận hành hệ thống dây chuyền, đồng thời thường xuyên rà soát và cải tiến quy trình nhằm tối đa hóa năng suất, rút ngắn thời gian vận hành và giảm lượng điện năng tiêu thụ. Song song với các giải pháp kỹ thuật, TICCO cũng chú trọng nâng cao nhận thức của người lao động về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thông qua các chương trình đào tạo và tuyên truyền nội bộ. Việc lan tỏa văn hóa tiết kiệm năng lượng trong toàn bộ hệ thống góp phần hình thành thói quen sử dụng tài nguyên có trách nhiệm trong từng khối làm việc.

Trong năm vừa qua, tổng lượng năng lượng tiêu thụ của Công ty theo đơn vị năng lượng đạt khoảng 110.587.065.220 kJ. Công ty sẽ tiếp tục triển khai các giải pháp quản lý năng lượng hiệu quả hơn trong thời gian tới nhằm từng bước giảm cường độ tiêu thụ năng lượng và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.

TIÊU THỤ NƯỚC

Nước là một trong những nguồn tài nguyên quan trọng trong hoạt động sản xuất của Công ty. Do đó, Công ty luôn chú trọng xây dựng và thực hiện các biện pháp quản lý nguồn nước theo hướng hiệu quả và bền vững, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường. Công ty cam kết sử dụng nguồn nước một cách có trách nhiệm, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến nguồn nước chung của cộng đồng tại khu vực hoạt động, góp phần hạn chế nguy cơ ô nhiễm nguồn nước và bảo vệ môi trường.

Trong năm vừa qua, lượng nước tiêu thụ của TICCO là 47.339 m3, trong đó lượng nước được xử lý là 80% trên tổng lượng nước tiêu thụ, Công ty cam kết tiếp tục duy trì và nâng cao các biện pháp tiết kiệm nước và bảo vệ nguồn nước trong tương lai.

Lượng nước sử dụng		
STT	Loại hoạt động	Tổng lượng nước sử dụng (m3)
1	Sản xuất	47.171
2	Sinh hoạt	168
	Tổng cộng	47.339

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn đặt trách nhiệm bảo vệ môi trường lên hàng đầu, không chỉ thông qua các dự án lớn mà còn từ những quy định nội bộ, nâng cao ý thức của từng nhân viên trong việc giữ gìn vệ sinh nơi làm việc, không xả rác bừa bãi. Công ty tin rằng mỗi hành động nhỏ đều góp phần tạo nên tác động lớn, giúp bảo vệ môi trường, đảm bảo sức khỏe cộng đồng và giảm thiểu rủi ro pháp lý liên quan.

Trong năm 2025, TICCO tiếp tục thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 cùng các văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình sản xuất, thi công và vận hành doanh nghiệp. Công ty đồng thời rà soát và cập nhật các quy chế, quy trình quản lý nội bộ nhằm bảo đảm phù hợp với các yêu cầu pháp lý mới nhất, qua đó nâng cao hiệu quả quản trị môi trường trong toàn bộ hoạt động. Song song với việc tuân thủ pháp luật, TICCO tiếp tục triển khai các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, tập trung vào tối ưu hóa quy trình xử lý chất thải, tăng cường kiểm soát các nguồn phát sinh ô nhiễm và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong sản xuất. Các giải pháp này được lồng ghép vào hoạt động vận hành tại nhà máy, trạm trộn bê tông và các công trường thi công nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh.

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh vi phạm liên quan đến các quy định về bảo vệ môi trường. Kết quả này là nhờ nỗ lực duy trì hệ thống quản lý môi trường tuân thủ quy định pháp luật, đồng thời thể hiện cam kết của Công ty đối với sự phát triển bền vững và trách nhiệm với cộng đồng và người lao động.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

TICCO luôn coi người lao động là tài sản quý giá, là yếu tố cốt lõi quyết định sự phát triển bền vững của Công ty. Do đó, Công ty tập trung xây dựng môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp, đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Thực hiện các chính sách nhằm nâng cao đời sống nhân viên, cho mọi nhân viên đều có cơ hội phát triển năng lực và gắn bó lâu dài với Công ty.

Tính đến 31/12/2025, tổng số người lao động của Công ty là 720 người, trong đó Nam: 658 người, chiếm tỷ lệ 91,39%; Nữ: 62 người, chiếm tỷ lệ 8,61%. Thu nhập trung bình của người lao động tại TICCO trong năm 2025 là 11.000.000 đồng/người/tháng, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước.

Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động :

Chính sách lương thưởng người lao động của TICCO được xây dựng dựa trên Luật Lao động và các quy định của Nhà nước, đảm bảo tính công bằng đối với mọi nhân viên. Quỹ lương được phân bổ dựa trên hiệu suất làm việc của từng cá nhân, cùng với việc tổ chức thưởng theo dự án, quý hoặc năm tùy thuộc vào hiệu suất làm việc so với kế hoạch Công ty. Các chính sách và điều kiện làm việc luôn được ban lãnh đạo xem xét và điều chỉnh kịp thời để tăng tính cạnh tranh và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời tạo động lực làm việc cho đội ngũ lao động.

Bên cạnh chính sách đãi ngộ, TICCO đặc biệt chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn và đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Công ty định kỳ tổ chức kiểm tra điều kiện môi trường lao động tại các nhà máy, công trường và khu vực làm việc nhằm kịp thời nhận diện và loại bỏ các yếu tố có thể gây rủi ro đến sức khỏe và an toàn của người lao động. Hệ thống trang thiết bị bảo hộ lao động được trang bị đầy đủ theo yêu cầu của từng vị trí công việc, đặc biệt đối với các hoạt động sản xuất và thi công xây dựng có mức độ rủi ro cao.

Công ty cũng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn đối với người lao động theo quy định của pháp luật. Đồng thời, chương trình khám sức khỏe định kỳ cũng được công ty tổ chức hàng năm nhằm theo dõi và bảo vệ sức khỏe của đội ngũ cán bộ, công nhân viên.

Ngoài ra, Công ty chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp tích cực thông qua các hoạt động gắn kết nội bộ và chăm lo đời sống tinh thần của người lao động. Công ty định kỳ tổ chức các chương trình tham quan, du lịch tập thể, các hoạt động kỷ niệm và tri ân vào các dịp Ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3), Ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10), Ngày sinh nhật của các cán bộ công nhân viên và các sự kiện nội bộ khác. Những hoạt động này góp phần tăng cường sự gắn kết tập thể, tạo môi trường làm việc tích cực, nâng cao tinh thần đoàn kết và hỗ trợ nâng cao hiệu quả công việc của người lao động.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty xác định rõ trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương là một trong những nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng đóng góp cho các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng và chia sẻ trách nhiệm với địa phương. Để duy trì các hoạt động này một cách ổn định, Công ty thực hiện trích lập quỹ thiện nguyện từ một phần thù lao của Ban lãnh đạo cùng sự đóng góp tự nguyện của cán bộ, nhân viên trong toàn Công ty. Nguồn quỹ này được sử dụng để triển khai các chương trình hỗ trợ cộng đồng, đặc biệt tại địa bàn tỉnh và các khu vực lân cận.

Hằng năm, TICCO tham gia vào các chương trình thiện nguyện như trao quà, học bổng tại các Mái ấm tình thân, các xã phường và nơi có nhiều hoàn cảnh khó khăn cần được hỗ trợ. Đặc biệt, trong năm 2025, Công ty đã tài trợ xây dựng 2 căn nhà Đại đoàn kết tại tỉnh Đồng Tháp (xã Cai Lậy và xã Châu Thành), góp phần cải thiện điều kiện sống cho các hộ gia đình thụ hưởng và lan tỏa giá trị, tinh thần tương thân tương ái, trách nhiệm xã hội trong cộng đồng.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Trong bối cảnh thị trường vốn xanh đang ngày càng được quan tâm và phát triển tại Việt Nam, Công ty chủ động theo dõi và cập nhật các quy định, chính sách liên quan đến tài chính bền vững và công bố thông tin ESG. Trên cơ sở đó, Công ty từng bước nghiên cứu và xây dựng các định hướng quản trị theo hướng phát triển xanh, lồng ghép các yếu tố môi trường và xã hội vào hoạt động quản trị doanh nghiệp. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị và công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững, đồng thời nghiên cứu các cơ hội tham gia vào các sáng kiến tài chính xanh phù hợp với đặc thù hoạt động của doanh nghiệp. Những định hướng này nhằm đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của cơ quan quản lý, đồng thời góp phần nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm và giá trị bền vững của TICCO trên thị trường vốn.

CHƯƠNG 3: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2025

Đánh giá tình hình ngành:

Lĩnh vực bất động sản:

Thị trường bất động sản (BĐS) Việt Nam năm 2025 ghi nhận sự phục hồi và tăng trưởng rõ nét trong bối cảnh pháp lý mới (Luật Đất đai 2024) tháo gỡ khó khăn và tạo niềm tin, với các thông tin ngày càng minh bạch, rõ ràng cho mọi phân khúc khách hàng tham gia.

Đối với phân khúc nhà ở thương mại tới BĐS công nghiệp đều cho thấy dấu hiệu tăng trưởng tốt, tiếp tục là điểm sáng thu hút FDI với nguồn cung mới tăng cao. Giá thuê đất và nhà xưởng tiếp tục xu hướng tăng nhẹ do nhu cầu thuê cao và quỹ đất sạch tại các khu vực lân cận, thành phố lớn đang khan hiếm.

Tới thời điểm hiện tại, thị trường BĐS vẫn đang chuyển động tích cực, đặc biệt duy trì ổn định ở các sản phẩm BĐS giá cả hợp lý và phù hợp với nhu cầu nhà ở của người dân.

Lĩnh vực bê tông:

Nhìn chung, kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh lĩnh vực bê tông đạt kế hoạch năm 2025. Khó khăn, thách thức của kinh tế xã hội toàn cầu cũng như sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành nghề có xu hướng ngày càng tăng. Giá nguyên vật liệu đầu vào chịu nhiều biến động, đặc biệt là tình trạng khan hiếm cục bộ do biến đổi khí hậu diễn ra phức tạp. Tuy nhiên, lĩnh vực bê tông vẫn phấn đấu phát triển sản xuất và hoàn thành kế hoạch được giao.

Lĩnh vực xây dựng:

Trong năm 2025, lĩnh vực xây dựng đã có những kết quả tích cực nhờ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho doanh nghiệp, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Điểm nhấn là sự bùng nổ của các dự án hạ tầng xây dựng và giao thông, tuy nhiên vẫn đối mặt với nhiều khó khăn về giá nguyên vật liệu biến động và công tác đền bù, giải phóng mặt bằng kéo dài ở nhiều nơi.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2025:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

KHOẢN MỤC	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025	THỰC HIỆN NĂM 2025	ĐẠT % SO VỚI KH NĂM 2025	TĂNG, GIẢM SO VỚI CÙNG KỲ
Doanh thu thuần hợp nhất	1.867	1.976	2.413	122,12%	29,24%
Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	141.8	160	160.2	100,15%	12,99%
Giá trị đầu tư	331.3	498.4	515	103%	55,45%
Vốn điều lệ	259.4	300.9	311.29	103,46%	20,01%
Cổ tức	%	50%	Dự kiến 40%		

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2025

Đơn vị tính: Tỷ đồng

KHOẢN MỤC	2024			2025		
	DTT	DTCT	LNST	DTT	DTCT	LNST
Lĩnh vực Bất động sản	269,4	291,4	66,70	376,01	401,28	91,90
Lĩnh vực bê tông	1.515,8	1.637,5	65,57	1.808,52	1.953,59	68,04
Lĩnh vực xây dựng	412,7	445,8	13,87	613,52	662,61	19,04
Hợp cộng	2.197,9	2.374,7	146,1	2.798,0	3.017,5	179,0
Hợp nhất	1.867,2	2.017,3	141,8	2.412,9	2.601,2	160,2

Đánh giá:

- Doanh thu năm 2025 đạt 122% so với kế hoạch và tăng hơn 29% so với năm 2024
- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 100,15% so với kế hoạch và tăng 13% so với năm 2024

Tình hình hoạt động của các lĩnh vực:

Lĩnh vực bất động sản:

- Lĩnh vực bất động sản tiếp tục duy trì ổn định và đóng góp phần lớn vào hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện công tác bán hàng dự án Dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường và đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường.
- Thực hiện thi công hạ tầng kỹ thuật dự án cụm công nghiệp Gia Thuận 2 và bước đầu xúc tiến mời gọi đầu tư vào dự án (diện tích GT2 khách hàng đã đặt cọc là 7,9 ha)
- Tiếp tục thực hiện các công việc liên quan đến xúc tiến đầu tư vào CCN Gia Thuận 1. Năm 2025 ghi nhận doanh thu với diện tích 8,38 ha dự án CCN Gia Thuận 1
- Thực hiện khảo sát, nghiên cứu, lập quy hoạch các dự án đầu tư bất động sản trên địa bàn Đồng Tháp.

Lĩnh vực bê tông:

- Lĩnh vực bê tông tiếp tục giữ vững thương hiệu, thị trường, doanh số tuy nhiên hiệu quả chưa đạt so với kỳ vọng.
- Lĩnh vực bê tông tiếp tục đầu tư, cải tiến nhằm đối phó với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, giá nguyên liệu không ổn định.
- Năm 2025 lĩnh vực bê tông ghi nhận các sản phẩm dầm cầu góp phần tăng doanh thu và hiệu quả đầu tư. Hoàn thành cơ bản đầu tư sản xuất và đưa vào kinh doanh các loại dầm cầu tại TICCO Tân Phước và Cụm công nghiệp Gia Thuận

Lĩnh vực thi công xây dựng:

- Lĩnh vực thi công xây dựng được xác định là lĩnh vực hỗ trợ cho bất động sản và bê tông nên việc đầu tư mở rộng được duy trì có giới hạn. Năm 2025 lĩnh vực thi công xây dựng đạt kế hoạch đề ra, góp phần hỗ trợ vốn cho bất động sản.

Về công tác đầu tư:

Đơn vị tính: Tỷ VND

LĨNH VỰC	KH	TH	TỶ LỆ
Lĩnh vực bất động sản	385,34	388,94	100,93%
Lĩnh vực bê tông	93,81	113,18	120,65%
Lĩnh vực xây dựng	19,31	12,90	66,80%
TỔNG CỘNG	498,46	515,02	103,32%

Công tác tổ chức và nhân sự:

- Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 720 người.
- Ban TGĐ gồm có 05 người
- Công tác tổ chức cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh, các chế độ chính sách cho người lao động được thực hiện đầy đủ. Việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động luôn được chú trọng.
- Đội ngũ nhân sự về quản lý, tài chính và kinh doanh tiếp tục được đào tạo, luân chuyển, nâng tầm kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu mới.

Công tác tài chính :

- Tình hình tài chính công ty tiếp tục ổn định, tuân thủ các quy định, quy tắc quản lý doanh nghiệp và quản trị tài chính.
- Thực hiện tốt việc xác định nhu cầu vốn, tổ chức huy động vốn đáp ứng kịp thời, đủ nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh.
- Tổ chức sử dụng vốn có hiệu quả, quản lý chặt chẽ chi phí, thu nhập và đảm bảo khả năng thanh toán. Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp.
- Việc quản trị tài chính cần phải được chú trọng quan tâm hơn nữa để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Năm 2025, TICCO tiếp tục đẩy mạnh cải tiến quy trình sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và thực hiện cam kết phát triển bền vững. Những nỗ lực này không chỉ giúp Công ty tối ưu hóa chi phí, nâng cao năng suất lao động mà còn đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường. Các cải tiến được triển khai đồng bộ từ quản lý nguyên vật liệu, áp dụng công nghệ hiện đại đến tối ưu hóa hệ thống vận hành, góp phần nâng cao sức cạnh tranh và uy tín của TICCO trên thị trường.

Trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng, TICCO tiếp tục khẳng định năng lực triển khai dự án thông qua việc hoàn thành và đưa vào vận hành hai dự án trọng điểm gồm Dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường, cùng Cụm công nghiệp Gia Thuận 2. Việc đưa các dự án này vào khai thác không chỉ tạo thêm nguồn thu ổn định mà còn góp phần mở rộng quỹ đất thương mại, thu hút nhà đầu tư thứ cấp và gia tăng giá trị hệ sinh thái dự án của Công ty.

Song song với việc hoàn thiện các dự án hiện hữu, TICCO cũng mở rộng hợp tác với nhiều đối tác, gia tăng cơ hội tham gia các công trình trọng điểm. Việc hợp tác chiến lược giúp Công ty nâng cao năng lực thi công, tiếp cận công nghệ mới và tối ưu hóa chi phí đầu tư. TICCO cũng đặc biệt chú trọng các dự án xây dựng xanh, ứng dụng vật liệu thân thiện môi trường, hướng đến phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội.

Ghi nhận những kết quả cho các nỗ lực không ngừng nghỉ của tập thể Ban lãnh đạo và người lao động Công ty, trong năm 2025, TICCO tiếp tục được công nhận "Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam" do Vietnam Report và Báo Vietnamnet công bố, đồng thời Công ty cũng vinh dự được nhận bằng khen của UBND tỉnh nhờ những đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

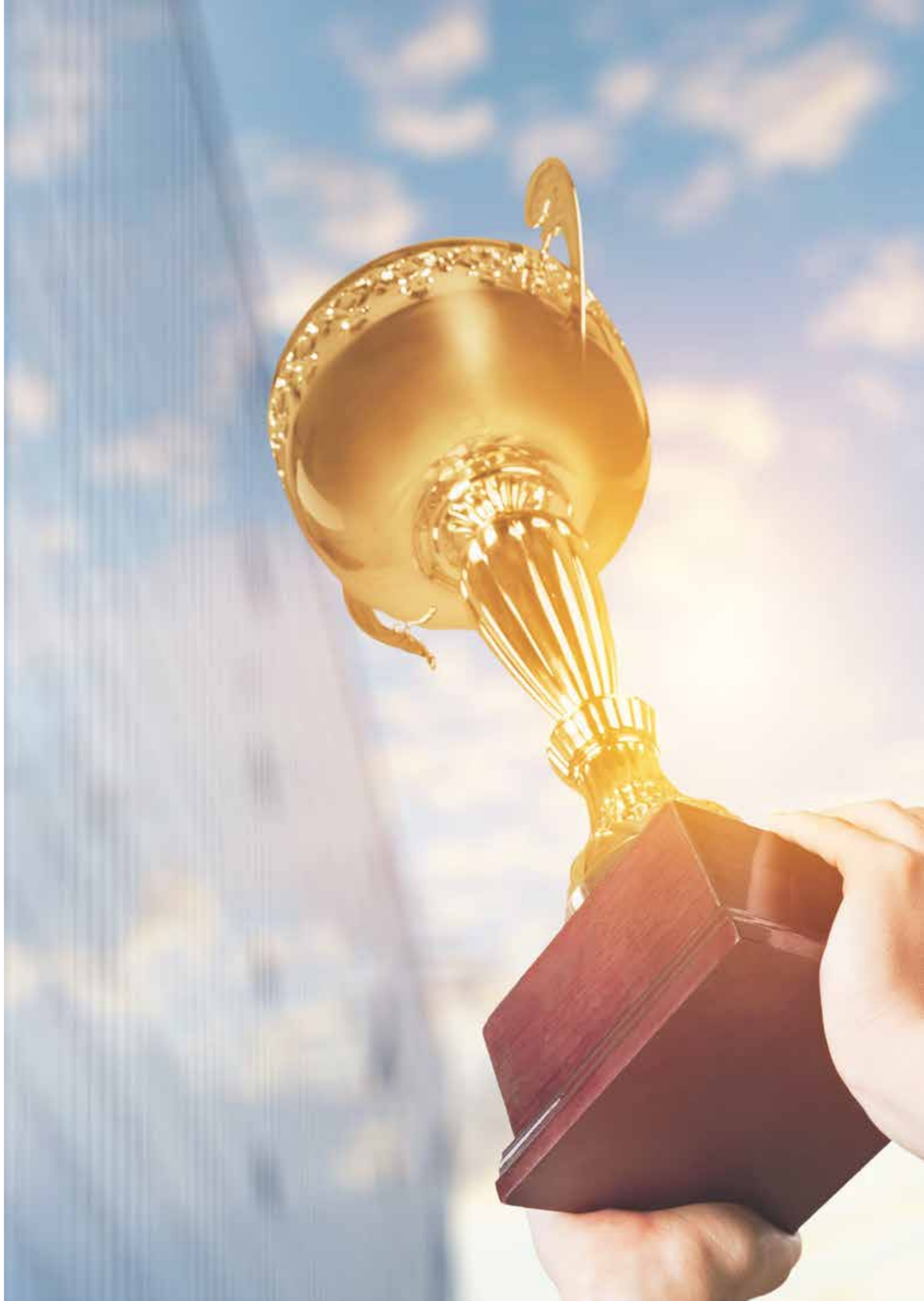

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty đạt 2.420.460 triệu đồng, tăng 10,94% so với thời điểm cuối năm 2024. Quy mô tài sản tiếp tục được mở rộng do hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm cũng như do Công ty đẩy mạnh đầu tư cho các dự án trong giai đoạn tới.

Tài sản ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2025 đạt 1.592.952 triệu đồng, tăng 2,47% so với năm trước và tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của Công ty. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương tiền tăng mạnh 27,71%, đạt 381.674 triệu đồng. Mức tăng này chủ yếu do sự cải thiện trong dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, qua đó làm gia tăng quy mô tiền và tương đương tiền nắm giữ của Công ty. Đồng thời, Công ty cũng chủ động duy trì mức dự trữ thanh khoản hợp lý nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và linh hoạt triển khai các dự án.

Các khoản phải thu ngắn hạn được kiểm soát tương đối ổn định, đạt 320.176 triệu đồng, gần như không biến động so với cuối năm 2024, dù hoạt động kinh doanh tăng trưởng mạnh. Điều này là vì Công ty tiếp tục duy trì chính sách quản lý công nợ thận trọng và nâng cao hiệu quả thu hồi công nợ từ khách hàng, đặc biệt trong lĩnh vực thi công xây dựng và cung cấp vật liệu xây dựng.

Hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm 2025 đạt 831.971 triệu đồng, giảm nhẹ 2,99% so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đẩy nhanh tiến độ tiêu thụ sản phẩm và bàn giao các công trình, đồng thời tối ưu hóa kế hoạch sản xuất và dự trữ nguyên vật liệu. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động và cải thiện vòng quay hàng tồn kho trong năm.

Đối với tài sản dài hạn, giá trị ghi nhận tại thời điểm 31/12/2025 đạt 827.507 triệu đồng, tăng 31,93% so với cuối năm 2024. Mức tăng này chủ yếu đến từ sự gia tăng của chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn, đạt 401.005 triệu đồng, tăng 48,24% so với cùng kỳ. Do Công ty tiếp tục triển khai đầu tư vào các dự án trọng điểm như dự án cụm công nghiệp Gia Thuận 2 (đạt 387.248 triệu đồng, tăng 261% so với cùng kỳ) và các hạng mục hạ tầng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai.

Bên cạnh đó, tài sản cố định của Công ty cũng tăng 9,54%, đạt 358.319 triệu đồng do Công ty tiếp tục đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải nhằm nâng cao năng lực thi công, sản xuất vật liệu xây dựng cũng như đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các dự án tại khu vực.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% TĂNG / GIẢM
Tài sản ngắn hạn	**1.554.502**	**1.592.952**	**2,47%**
Tiền và các khoản tương đương tiền	298.868	381.674	27,71%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	54.149	33.562	-38,02%
Các khoản phải thu ngắn hạn	319.794	320.176	0,12%
Hàng tồn kho	857.581	831.971	-2,99%
Tài sản ngắn hạn khác	24.110	25.570	6,06%
Tài sản dài hạn	**627.241**	**827.507**	**31,93%**
Phải thu dài hạn	331	337	1,81%
Tài sản cố định	327.102	358.319	9,54%
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	270.511	401.005	48,24%
Bất động sản đầu tư	17.638	16.066	-8,91%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	360	2.932	713,49%
Tài sản dài hạn khác	11.300	48.849	332,31%
Tổng tài sản	**2.181.743**	**2.420.460**	**10,94%**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 1.626.197 triệu đồng, tăng 12,12% so với cuối năm 2024. Mức tăng này là do quy mô tài sản và hoạt động sản xuất kinh doanh đã tăng trưởng đáng kể trong năm, đồng thời do Công ty chủ động sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức hợp lý nhằm tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động và các dự án đầu tư.

Trong năm, Công ty dịch chuyển cơ cấu nợ phải trả theo hướng gia tăng tỷ trọng nợ dài hạn nhằm cải thiện cấu trúc kỳ hạn nguồn vốn và giảm áp lực thanh toán trong ngắn hạn. Nợ ngắn hạn tại thời điểm cuối năm đạt 1.197.514 triệu đồng, giảm nhẹ 1,43% so với năm trước. Công ty duy trì dư nợ vay ngắn hạn ở mức ổn định (259.614 triệu đồng, giảm 1,49%), nhằm hạn chế áp lực thanh toán ngắn hạn và ưu tiên sử dụng dòng tiền nội bộ.

Các khoản phải trả người bán tiếp tục được kiểm soát hiệu quả, với tổng giá trị giảm nhẹ 0,60% so với cùng kỳ, mặc dù quy mô hoạt động kinh doanh tăng trưởng đáng kể. Điều này là do Công ty duy trì tốt quan hệ với nhà cung cấp, đồng thời triển khai chính sách quản lý công nợ chặt chẽ.

Khoản người mua trả tiền trước đạt 343.821 triệu đồng, tăng 9,37% so với năm trước, chủ yếu đến từ nhu cầu thị trường duy trì tích cực, đặc biệt trong mảng thi công công trình xây dựng. Sự gia tăng này không chỉ phản ánh uy tín và năng lực triển khai dự án của Công ty, mà còn góp phần cải thiện dòng tiền hoạt động và giảm nhu cầu tài trợ vốn lưu động từ bên ngoài.

Các khoản thuế và nghĩa vụ với Nhà nước tăng 92,70%, tương ứng với sự gia tăng về quy mô hoạt động và kết quả kinh doanh trong năm. Ngược lại, chi phí phải trả giảm 43,09% và các khoản phải trả, phải nộp khác giảm 85,55%, do Công ty đã chủ động thực hiện thanh toán và ghi nhận chi phí kịp thời, qua đó nâng cao tính minh bạch và chất lượng báo cáo tài chính. Bên cạnh đó, dự phòng phải trả ngắn hạn và quỹ khen thưởng, phúc lợi tăng lần lượt 32,24% và 88,44%, do Công ty thận trọng trong việc trích lập dự phòng cũng như giành sự quan tâm đến quyền lợi người lao động trong bối cảnh hoạt động kinh doanh tăng trưởng.

Đối với nợ dài hạn, giá trị tại thời điểm cuối năm 2025 đạt 428.683 triệu đồng, tăng 82,04% so với cuối năm trước. Nguyên nhân là do Công ty đẩy mạnh vay dài hạn (đạt 370.283 triệu đồng, tăng 60,99%) nhằm tài trợ cho các dự án đầu tư đang triển khai, đặc biệt trong lĩnh vực bất động sản và hạ tầng Cụm công nghiệp. Việc ưu tiên nguồn vốn dài hạn thay cho ngắn hạn nhằm tái cơ cấu nguồn vốn theo hướng bền vững, phù hợp với chu kỳ đầu tư của các dự án, đồng thời tận dụng bối cảnh lãi suất thấp.

Ngoài ra, Công ty ghi nhận phát sinh khoản phải trả dài hạn 51.091 triệu đồng, liên quan đến chi phí trích trước của mảng bất động sản được điều chỉnh phân loại theo tiến độ thực hiện dự án. Việc điều chỉnh này góp phần giảm áp lực chi phí trong ngắn hạn và phản ánh sát hơn bản chất kinh tế của dự án.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	%Tăng/Giảm
Nợ ngắn hạn	**1.214.926**	**1.197.514**	**-1,43%**
Vay ngắn hạn	263.550	259.614	-1,49%
Phải trả người bán	450.736	448.039	-0,60%
Người mua trả tiền trước	314.363	343.821	9,37%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21.387	41.212	92,70%
Phải trả người lao động	23.460	21.640	-7,76%
Chi phí phải trả	94.867	53.991	-43,09%
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	513	585	14,06%
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.603	4.277	-85,55%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	11.853	15.674	32,24%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.596	8.660	88,44%
Nợ dài hạn	**173.117**	**235.486**	**36,03%**
Nợ vay dài hạn	229.998	370.283	60,99%
Chi phí phải trả dài hạn	0	51.091	N/A
Phải trả dài hạn khác	408	408	0,00%
Dự phòng phải trả dài hạn	5.079	6.901	35,86%
Tổng nợ phải trả	**1.163.756**	**1.450.412**	**24,63%**

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các đơn vị, bộ phận nhằm đảm bảo triển khai hiệu quả các dự án bất động sản và các dự án đầu tư mở rộng sản xuất.
- Hỗ trợ các công ty con trong việc thiết lập và duy trì quan hệ với chủ đầu tư; đồng thời thực hiện quản lý, điều phối nguồn vốn ứng trước cho hoạt động thi công một cách chặt chẽ và kịp thời.
- Đảm bảo việc trao đổi, cập nhật thông tin được thực hiện xuyên suốt nhằm xử lý kịp thời các chính sách liên quan đến tiền lương, thưởng, phúc lợi và bảo hộ lao động cho người lao động trong toàn hệ thống.
- Công tác đào tạo, phát triển đội ngũ quản lý được duy trì thường xuyên; hoạt động kiểm toán nội bộ được thực hiện đầy đủ theo kế hoạch và định kỳ.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2026

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH

01

Lĩnh vực bất động sản:

Nhìn chung, sau giai đoạn điều chỉnh và sàng lọc kéo dài, thị trường bất động sản đang dần ổn định và có khởi sắc tại những khu vực có hạ tầng và quy hoạch rõ ràng. Tuy nhiên, các doanh nghiệp bất động sản cũng đang phải đối mặt với các rủi ro gia tăng chi phí dự án, rủi ro thanh khoản do các chính sách kiểm soát giá nhà, kiểm soát tín dụng bất động sản và hạn chế đầu cơ. Kỳ vọng năm 2026, thị trường bất động sản sẽ bước vào chu kỳ phát triển mới, ổn định hơn và tập trung vào giá trị thực.

02

Lĩnh vực bê tông:

Các dự án lớn về đầu tư công, phát triển hạ tầng giao thông khu vực phía Nam sẽ được tiếp tục triển khai trong năm 2026. Do đó, ngành vật liệu xây dựng, bê tông sẽ bước vào chu kỳ phát triển mới, tập trung vào công nghệ và chất lượng. Tuy nhiên, tình hình giá nguyên vật liệu đầu vào sẽ còn nhiều biến động. Cùng với đó là sự cạnh tranh khốc liệt về giá bán của nhiều doanh nghiệp hoạt động cùng ngành, đặc biệt là sản phẩm bê tông tươi. Công ty sẽ tập trung nghiên cứu mở rộng thị trường, mở rộng quy mô sản xuất kết hợp với kiểm soát nguồn cung và chất lượng sản phẩm chặt chẽ nhằm gia tăng doanh thu.

03

Lĩnh vực xây dựng:

Thị trường xây dựng 2026 sẽ được thúc đẩy mạnh mẽ nhờ sự đầu tư vào hạ tầng giao thông, khu công nghiệp và các dự án bất động sản. Dư địa tăng trưởng dành cho nhóm ngành xây dựng hạ tầng vẫn đang rất lớn. Kỳ vọng lĩnh vực xây dựng sẽ đón nhận các yếu tố hỗ trợ tích cực với tình hình kinh tế vĩ mô ổn định, phục hồi, tạo điều kiện cho việc tìm kiếm việc làm, đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH 2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng

KHOẢN MỤC	THỰC HIỆN NĂM 2025	KẾ HOẠCH NĂM 2026	%TĂNG/GIẢM SO VỚI 2025
Doanh thu thuần hợp nhất	2.413	2.590	107%
Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	160	160	100%
Giá trị đầu tư	515	395,28	77%
Vốn điều lệ	311,29	342,42	110%
Cổ tức	Dự kiến 40%	37%	

KHOẢN MỤC	THỰC HIỆN 2025			KẾ HOẠCH 2026		
	DTT	DTCT	LNST	DTT	DTCT	LNST
Lĩnh vực bất động sản và công ty Mẹ	376,01	401,28	91,90	370,37	400	80
Lĩnh vực Bê tông	1.808,52	1.953,59	68,04	1.851,85	2000	69
Lĩnh vực Xây dựng	613,52	662,61	19,04	555,56	620	21
Hợp cộng	2.798,0	3.017,5	179,0	2.777,78	3.020	170
Hợp nhất	2.412,9	2.601,2	160,2	2.590	2.800	160

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CÁC CÔNG VIỆC TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

- Về tổ chức nhân sự: Tiếp tục rà soát và ban hành các quy chế quản trị nội bộ phù hợp. Tiếp tục phân công quyền hạn và trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên trong Ban TGĐ. Tiếp tục đào tạo, luân chuyển đội ngũ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Xây dựng bộ máy tổ chức công ty tinh gọn, hiệu quả phù hợp với hoạt động phát triển.

- Về công tác tài chính: tiếp tục tăng cường công tác về quản trị tài chính, thực hiện nâng cao năng lực tài chính, tái cấu trúc nguồn vốn hoạt động để đáp ứng mục tiêu phát triển của công ty. Tiết kiệm trong chi tiêu và quản lý chặt chi phí sản xuất kinh doanh. Điều chỉnh, bổ sung các quy chế về tài chính phù hợp với yêu cầu phát triển.

- Về triển khai thực hiện và kinh doanh các dự án: nghiên cứu sắp xếp đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án. Chủ động, phối hợp với các Sở ban ngành để giải quyết các vấn đề về thủ tục đầu tư, công tác quy hoạch, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, công tác bồi thường, báo cáo đánh giá tác động môi trường… Tăng cường công tác tiếp thị, bán hàng và xúc tiến đầu tư vào các dự án.

- Về lĩnh vực bê tông: tiếp tục nghiên cứu, đầu tư, cải tiến nhằm đối phó với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, giá nguyên liệu không ổn định. Tập trung thu hồi công nợ. Ứng dụng chuyển đổi số vào công tác sản xuất và bán hàng. Tiếp tục thực hiện công tác đầu tư đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Nghiên cứu các thủ tục để mở rộng Nhà máy bê tông TICCO Tân Phước. Thực hiện công tác đầu tư Nhà máy bê tông TICCO Gò Công 6ha tại CCN Gia Thuận 2.

- Về lĩnh vực bất động sản: Thực hiện tiếp các thủ tục để mở rộng dự án cụm công nghiệp Gia Thuận 1+2. Tiếp tục xúc tiến đầu tư vào cụm công nghiệp Gia Thuận 1, xúc tiến đầu tư vào cụm công nghiệp Gia Thuận 2; Tiếp tục bán hàng các dự án Nguyễn Trọng Dân, Dự án D7. Thực hiện các thủ tục để chấm dứt hoạt động của dự án Đường số 4 và khu dân cư hai bên đường và Đường và khu dân cư hai bên đường Vành đai phía đông – đoạn 1; Tiếp tục các công tác liên quan đến việc đấu thầu các dự án đã nghiên cứu và quan tâm…với định hướng là các dự án cụm công nghiệp và khu dân cư.

- Về lĩnh vực thi công xây dựng: Tăng cường công tác tìm việc các công trình dự án vốn đầu tư công. Đầu tư thêm thiết bị thi công. Phấn đấu tăng doanh thu và lợi nhuận.

- Tiếp tục thực hiện triển khai các công tác liên quan đến chuyển đổi số và các ứng dụng công nghệ mới.

- Về công tác đầu tư:

Đơn vị tính: Tỷ VND

LĨNH VỰC	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ 2026
Lĩnh vực bất động sản	193,74
Lĩnh vực bê tông	180,34
Lĩnh vực xây dựng	21,20
TỔNG CỘNG	**395,28**

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai các giải pháp quản trị môi trường theo hướng hệ thống, tập trung vào tối ưu hóa sử dụng tài nguyên và kiểm soát tác động trong toàn bộ chuỗi giá trị.

Về quản lý nguyên vật liệu, các đầu vào chủ yếu như thép, cát, đá, xi măng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất. Công ty đã áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng, bao gồm ứng dụng công nghệ phối trộn bê tông với độ chính xác cao, qua đó giảm hao hụt và lãng phí. Song song, hệ thống giám sát tại trạm trộn và phương tiện vận chuyển được tăng cường, kết hợp với cải tiến công tác quản lý kho và logistics, giúp kiểm soát chặt chẽ dòng nguyên vật liệu và hạn chế thất thoát trong vận hành.

Về tiêu thụ năng lượng, điện và nhiên liệu là hai nguồn năng lượng chính. Công ty duy trì chế độ bảo trì định kỳ đối với máy móc thiết bị, đồng thời triển khai các biện pháp tối ưu hóa vận hành, đặc biệt trong quản lý lộ trình vận chuyển nhằm giảm tiêu hao nhiên liệu. Bên cạnh các giải pháp kỹ thuật, Công ty thúc đẩy các sáng kiến tiết kiệm năng lượng trên toàn hệ thống thông qua các chương trình nội bộ, góp phần nâng cao ý thức và trách nhiệm của người lao động.

Về quản lý tài nguyên nước, Công ty đã đầu tư và vận hành hệ thống tái sử dụng nước tại các trạm trộn bê tông, qua đó giảm nhu cầu khai thác nước sạch. Nước thải phát sinh được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải. Công tác kiểm soát rò rỉ và thất thoát nước được thực hiện thường xuyên thông qua giám sát và bảo trì hệ thống hạ tầng, kết hợp với nâng cao nhận thức sử dụng tiết kiệm trong toàn bộ nhân sự.

Về tuân thủ pháp luật, Công ty duy trì việc đáp ứng đầy đủ các quy định hiện hành liên quan đến môi trường, bao gồm kiểm soát khí thải, nước thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại, cũng như sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng. Các yêu cầu về an toàn phòng cháy chữa cháy và vận hành sản xuất an toàn được thực hiện nghiêm túc. Trong năm, Công ty không ghi nhận vi phạm liên quan đến quy định môi trường, phản ánh tính tuân thủ và hiệu quả của hệ thống quản trị.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục ưu tiên phát triển nguồn nhân lực thông qua nâng cao năng lực chuyên môn và hoàn thiện môi trường làm việc theo hướng công bằng, cạnh tranh. Các chính sách phúc lợi được rà soát và cải tiến nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và nâng cao mức độ đãi ngộ, bao gồm duy trì đầy đủ các chương trình bảo hiểm y tế và bảo hiểm sức khỏe. Các hoạt động văn hóa – nội bộ được tổ chức định kỳ, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và tăng cường sự gắn kết của người lao động.

Công ty duy trì các hoạt động trách nhiệm xã hội theo hướng thiết thực và bền vững, tập trung vào lĩnh vực giáo dục và an sinh xã hội. Các chương trình hỗ trợ học bổng, phối hợp với địa phương cải thiện điều kiện giáo dục và các hoạt động thiện nguyện được triển khai thường xuyên. Trong năm 2025, Công ty đã hỗ trợ xây dựng 02 căn nhà Đại đoàn kết tại tỉnh Đồng Tháp (xã Cai Lậy và xã Châu Thành), cho thấy Công ty tiếp tục khẳng định cam kết đóng góp tích cực cho cộng đồng.

CHƯƠNG 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

TỔNG QUAN KINH TẾ VÀ NGÀNH NĂM 2025

Năm 2025, bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế tiếp tục có nhiều biến động, với thị trường tài chính, lãi suất, tỷ giá và chi phí đầu vào tiềm ẩn rủi ro. Trong điều kiện đó, Hội đồng Quản trị đã chủ động bám sát diễn biến thị trường, kịp thời ban hành các nghị quyết và quyết định điều hành nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty duy trì ổn định, tuân thủ quy định pháp luật và bảo toàn lợi ích cổ đông.

Trên nền tảng các chính sách điều hành vĩ mô và tháo gỡ pháp lý được triển khai từ năm 2024, thị trường bất động sản và xây dựng trong năm 2025 ghi nhận sự phục hồi tích cực. Cùng với đó, tiến độ giải ngân đầu tư công được duy trì ở mức cao đã tạo lực cầu ổn định cho ngành xây dựng và vật liệu xây dựng. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị cũng ghi nhận áp lực từ biến động giá nguyên vật liệu, chi phí vận chuyển và mức độ cạnh tranh gia tăng trong ngành.

Trong bối cảnh đó, Công ty đã triển khai các giải pháp điều hành linh hoạt nhằm tập trung tối ưu hóa sản xuất, kiểm soát tốt chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh. Kết quả cho thấy, Doanh thu thuần hợp nhất của TICCO năm 2025 đạt 2.413 tỷ đồng (tăng 29,23% so với năm 2024), Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 160,2 tỷ đồng (tăng 12,99% so với năm 2024), lần lượt đạt 122,11% và 100,15% kế hoạch năm 2025.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về kết quả sản xuất kinh doanh:

Công ty đã nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện thị trường nhiều biến động. Các chỉ tiêu tài chính chính được ghi nhận như sau:

So với năm 2024:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	NĂM 2025	% TĂNG/ GIẢM SO VỚI NĂM 2024
1	Doanh thu thuần	1.867	2.413	29,23%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	141,8	160,23	12,99%
3	Cổ tức (%)	50%	Dự kiến 40%	

So với kế hoạch năm 2025:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2025	THỰC HIỆN 2025	% TĂNG/ GIẢM SO VỚI KH 2024
1	Doanh thu thuần hợp nhất	1.976	2.413	122,11%
2	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	160	160,23	100,15%

Về công tác đầu tư:

Trong năm 2025, tổng giá trị thực hiện đầu tư đạt 515,02 tỷ đồng, tập trung vào các dự án chiến lược như:

- Đầu tư dây chuyền sản xuất bê tông tươi và bê tông đúc sẵn nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường xây dựng.
- Các dự án bất động sản trọng điểm, hướng tới việc tối ưu hóa giá trị tài sản và gia tăng nguồn thu dài hạn.
- Các dự án đầu tư được triển khai đúng tiến độ, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Về cổ tức:

HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ mức cổ tức năm 2025 là 40%. Trong đó, Công ty đã tạm ứng 20% bằng tiền mặt, phần còn lại sẽ được chi trả bằng tiền mặt (10%) và cổ phiếu (10%) sau khi được Đại hội thông qua. Đây là minh chứng cho cam kết của Công ty trong việc đảm bảo quyền lợi tối đa cho Cổ đông.

Về hoạt động sản xuất và kinh doanh cốt lõi:

- Kinh doanh bất động sản: Công ty tiếp tục tập trung phát triển các Cụm công nghiệp và dân cư tại Đồng Tháp, tận dụng lợi thế vị trí địa lý và nhu cầu thị trường. Trong năm 2025 Công ty đã tổ chức khánh thành 02 dự án, đưa vào khai thác kinh doanh và thu hút các nhà đầu tư: Dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường; Cụm công nghiệp Gia Thuận 2.
- Sản xuất bê tông: Doanh thu từ mảng bê tông tươi và bê tông đúc sẵn đóng góp đáng kể vào tổng doanh thu, nhờ vào chất lượng sản phẩm ổn định và khả năng đáp ứng các dự án xây dựng lớn.
- Thi công xây dựng: Hoạt động xây dựng được duy trì ở mức giới hạn, chủ yếu hỗ trợ các dự án bất động sản nội bộ, đảm bảo tối ưu hóa nguồn lực.

Về công tác quản trị doanh nghiệp:

HĐQT đã chú trọng nâng cao chất lượng quản trị thông qua:

- Thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin theo quy định của pháp luật và cơ quan quản lý.
- Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty.
- Hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ: Rà soát và ban hành các quy định mới, đảm bảo phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và các quy định pháp luật liên quan.
- Ứng dụng chuyển đổi số: Triển khai các giải pháp công nghệ trong quản lý dự án, tài chính và nhân sự, nâng cao hiệu quả vận hành.
- Phát triển bền vững: Định hướng các chính sách cân bằng giữa lợi ích kinh tế, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường.
- Ngày 08/01/2026, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (TICCO) tiếp tục được công nhận xếp hạng Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2025. Kể từ 2016 đến nay, TICCO luôn nằm trong bảng xếp hạng Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam.

TICCO được thành lập với sứ mệnh mang đến cho khách hàng các giải pháp toàn diện trong lĩnh vực bê tông, xây dựng và đầu tư bất động sản. Trong suốt hành trình hơn 40 năm qua, TICCO đã không ngừng cải tiến và hoàn thiện, với chiến lược phát triển đồng bộ tập trung sản xuất kinh doanh nhằm đạt mục tiêu trở thành một trong các thương hiệu mạnh và uy tín nhất khu vực Đồng bằng sông Cửu Long về các lĩnh vực như: Xây dựng công trình giao thông; Thuỷ lợi; Sản xuất bê tông tươi, bê tông đúc sẵn; Đầu tư và kinh doanh bất động sản.

Năm 2025, mặc dù còn nhiều khó khăn, HĐQT đã hoàn thành tốt chức năng quản trị, định hướng chiến lược và giám sát điều hành, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty.

Về kế hoạch tăng vốn điều lệ:

Trong năm 2025, TICCO thực hiện tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025, cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ đã đăng ký: 259.418.870.000 đồng.
- Vốn điều lệ mới: 311.299.070.000 đồng.
- Thời điểm thay đổi vốn: 07/07/2025.
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2024.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về hoạt động quản trị, môi trường và phát triển bền vững:

HĐQT tiếp tục nâng cao quản trị doanh nghiệp và định hướng các chính sách phát triển bền vững. Rà soát và ban hành các quy chế quản trị nội bộ phù hợp.

Đối với TICCO, sự phát triển của Công ty gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng xã hội. Vì vậy, Công ty luôn chủ động cập nhật và tuân thủ nghiêm ngặt các chính sách liên quan đến môi trường và an sinh xã hội do cơ quan Nhà nước ban hành. Đồng thời, chủ động tổ chức và tham gia các hoạt động thiện nguyện, góp một phần công sức vào sự phát triển chung của cộng đồng. Kết thúc năm 2025, nhờ sự tuân thủ của toàn thể cán bộ công nhân viên, TICCO không vi phạm bất kỳ lỗi nào liên quan đến môi trường.

Về môi trường và xã hội:

Hội đồng Quản trị cam kết thực hiện đầy đủ các trách nhiệm về môi trường, định hướng phát triển bền vững trong toàn bộ hoạt động sản xuất – kinh doanh. Trên cơ sở nhận thức rõ đặc thù ngành xây dựng có tác động trực tiếp đến môi trường, Công ty chủ động tìm kiếm và triển khai các giải pháp nhằm tối ưu hóa sử dụng tài nguyên và nâng cao hiệu quả quản lý chất thải. Đồng thời, các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường được tuân thủ nghiêm túc; công tác đánh giá tác động môi trường được thực hiện định kỳ đối với các dự án giúp kiểm soát hiệu quả rủi ro và hạn chế ảnh hưởng đến hệ sinh thái địa phương.

Bên cạnh đó, trách nhiệm xã hội được tích hợp xuyên suốt trong chiến lược phát triển của Công ty. Các chính sách đối với người lao động tiếp tục được hoàn thiện theo hướng cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo chế độ phúc lợi và nâng cao năng lực thông qua đào tạo. Công ty duy trì các chương trình hỗ trợ cộng đồng, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục và an sinh xã hội, tạo điều kiện việc làm ổn định cho người lao động, góp phần vào phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương.

Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp và bình đẳng, đảm bảo tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Thông qua các nỗ lực này, Công ty tiếp tục củng cố vị thế là doanh nghiệp phát triển bền vững, hài hòa giữa mục tiêu kinh tế và trách nhiệm đối với môi trường, xã hội.

Về hoạt động của Tiểu ban hỗ trợ phát triển và Ban kiểm toán nội bộ:

Hoạt động của Tiểu ban Hỗ trợ phát triển:

- Các hoạt động hỗ trợ Công ty về tổ chức Đại hội đồng Cổ đông năm 2025;
- Hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty về hoạch định công tác tài chính, nhân sự, tiền lương và chuyển đổi số;
- Xem xét, đề xuất đầu tư trang thiết bị, máy móc cho các dự án của công ty trong hệ thống TICCO;
- Hỗ trợ phát triển dự án, hoạch định chiến lược nguồn vốn để thực hiện các dự án của Công ty;
- Phối hợp nghiên cứu và hỗ trợ công ty thích ứng linh hoạt với chính quyền 02 cấp và tỉnh Đồng Tháp mới.

Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ:

- Thực hiện công tác kiểm toán theo kế hoạch. Theo dõi, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính của các Công ty trong hệ thống TICCO.
- Phối hợp thực hiện công tác thẩm tra báo cáo quyết toán các dự án đầu tư hoàn thành.
- Phối hợp theo dõi, rà soát hồ sơ pháp lý các dự án đầu tư của Công ty.
- Xem xét tính phù hợp, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm cảnh báo rủi ro, phối hợp với các phòng ban chuyên môn đề xuất, khuyến nghị những giải pháp xử lý, sửa đổi phù hợp.
- Phối hợp với các bộ phận chức năng của Công ty, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, quyết định của Ban Tổng giám đốc và các quy định quản trị nội bộ của Công ty.
- Góp ý công tác quản lý tài chính, tham gia góp ý xây dựng các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.
- Phối hợp với Kiểm toán độc lập trong công tác chứng kiến kiểm kê 6 tháng đầu năm và cuối năm 2025.

Trong năm 2025, HĐQT đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ và đem lại hiệu quả cho Công ty. Các thành viên HĐQT được đánh giá tốt, chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm của mình, có đóng góp thiết thực, hiệu quả. Các ý kiến đóng góp đề xuất được ghi nhận và triển khai. HĐQT đã thực hiện tốt vai trò của mình về quản trị Công ty, ngày càng nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong hoạt động quản trị. Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng trình tự thủ tục, đảm bảo số lượng các thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt sự đồng thuận cao. Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành 120 Nghị quyết. Các Nghị quyết của HĐQT luôn sát với mục tiêu kế hoạch, kiểm soát tình hình thực tế, đưa ra những giải pháp phù hợp để đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Năm qua, Công tác kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc được thực hiện căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, thông qua các hoạt động sau:

Giám sát Ban Tổng giám đốc (Ban TGĐ)

- Ban Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hàng quý để có giải pháp kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Những vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đều được báo cáo, phân tích và giải quyết kịp thời;

- Tổ chức họp đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh để có biện pháp chỉ đạo kịp thời. Giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thường xuyên tổ chức hội ý và trao đổi trong công tác quản lý điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư và xử lý các tồn tại, khó khăn vướng mắc trong mọi hoạt động của công ty;

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2022-2026 đã đề ra kế hoạch phát triển Công ty với các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu như sau:

- Doanh thu: tăng trưởng 10% hàng năm;
- Lợi nhuận sau thuế: 150 – 200 tỷ đồng/năm;
- Cổ tức: 40-50% hàng năm;
- Vốn điều lệ: đến năm 2026 đạt hơn 300 tỷ đồng;
- Giá trị đầu tư 2022-2026: hơn 3.000 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2026:

- Doanh thu thuần hợp nhất: 2.590 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ: 160 tỷ đồng.
- Tổng giá trị đầu tư: 395,28 tỷ đồng;
- Cổ tức: 37%.

Tiếp tục nâng cao công tác quản trị và phát triển bền vững: Công ty cam kết tiếp tục nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp và thực thi các chiến lược phát triển bền vững nhằm đảm bảo sự tăng trưởng lâu dài, ổn định. Trên cơ sở tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị tiên tiến, Công ty không ngừng hoàn thiện hệ thống quản lý, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong mọi hoạt động, đồng thời áp dụng các chính sách kiểm soát rủi ro hiệu quả để nâng cao khả năng thích ứng với những biến động của thị trường. Cụ thể, Công ty tập trung xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng, góp phần tạo ra giá trị bền vững cho xã hội.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Định hướng đầu tư:

Phát huy các lợi thế sẵn có của Công ty để tăng doanh thu và lợi nhuận trên các mảng kinh doanh chủ yếu của Công ty, đặc biệt là mảng kinh doanh Bất động sản và Bê tông. Xây dựng và quản lý chặt chẽ kế hoạch tài chính gắn liền với chiến lược phát triển của doanh nghiệp, phát triển Công ty theo mô hình năng động, linh hoạt tập trung vào các ngành nghề cốt lõi, có lợi thế của TICCO. Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm với trình độ kỹ thuật và công nghệ ngày càng cao. Tập trung củng cố phát triển mặt hàng chủ lực của Công ty, nâng cao tính đa dạng, sức cạnh tranh trên thị trường.

Từng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có các định hướng đầu tư như sau:

- Về kinh doanh bất động sản: Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đồng thời mở rộng hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng, kho xưởng và phát triển bất động sản căn hộ.

- Về kinh doanh bê tông: Mở rộng địa bàn, thị phần kinh doanh đồng thời xây dựng thêm các nhà máy và trạm bê tông vệ tinh nhằm tăng năng lực cung ứng và cải thiện chất lượng sản phẩm.

- Về thi công xây dựng: Tiếp tục duy trì vị thế hiện tại bằng việc liên tục cải thiện chất lượng công trình xây dựng, tối ưu hoá quy trình thi công.

Công tác quản trị và nhân sự:

- Công tác quản trị và phát triển bền vững: Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, tăng cường kiểm soát rủi ro, tối ưu hóa quy trình hoạt động và cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động. Rà soát, cập nhật và ban hành các quy chế quản trị nội bộ phù hợp với chiến lược phát triển và yêu cầu thực tiễn. Đẩy mạnh hoạt động giám sát, nâng cao hiệu quả của Ban Kiểm toán nội bộ và Tiểu ban Hỗ trợ phát triển nhằm đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

- Phát triển nguồn nhân lực: Lựa chọn và đào tạo nhân sự có trình độ chuyên môn cao, phẩm chất đạo đức tốt, đưa vào danh sách quy hoạch nhằm xây dựng đội ngũ kế thừa vững mạnh. Thực hiện chính sách thu hút và giữ chân nhân tài, đảm bảo đầy đủ quyền lợi hợp pháp của người lao động, đồng thời không ngừng cải thiện môi trường làm việc, nâng cao chất lượng đời sống và phúc lợi cho nhân viên. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, thúc đẩy tinh thần trách nhiệm và gắn kết đội ngũ.

- Tái cấu trúc tổ chức: Tiếp tục tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo mô hình quản lý phù hợp với định hướng phát triển của Công ty. Điều chỉnh cơ cấu tổ chức linh hoạt, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường, tối ưu hóa nguồn lực nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng phát triển bền vững.

Công tác tài chính:

- Giám sát và quản lý tài chính: Tăng cường kiểm tra, kiểm soát công tác tài chính – kế toán, quản lý chặt chẽ nợ phải thu, phải trả. Thực hiện chính sách tiết kiệm trong quản lý, tối ưu chi phí đầu vào nhằm giảm giá thành sản phẩm, dịch vụ, tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Hoàn thiện bộ máy kế toán để nâng cao hiệu quả quản lý nguồn vốn.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN (TT)

- Quản trị tài chính: Thường xuyên phân tích tình hình tài chính để đánh giá thực trạng và đưa ra giải pháp kịp thời. Đồng thời, nâng cao công tác quản trị tài chính, báo cáo định kỳ với thông tin minh bạch, chính xác. Rà soát các nguồn vốn hiện có, xây dựng kế hoạch sử dụng vốn phù hợp với chiến lược phát triển.

- Huy động và quản lý nguồn vốn đầu tư: Chủ động tìm kiếm, huy động và tiếp cận các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước. Quản lý chặt chẽ và sử dụng hợp lý nguồn vốn huy động, đảm bảo hiệu quả và an toàn tài chính. Thực hiện tái cấu trúc nguồn vốn nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững của công ty.

Công tác khác:

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và quan hệ lao động hài hòa: Tăng cường tính dân chủ thông qua các tổ chức Chính quyền, Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên nhằm xây dựng tinh thần đoàn kết, thống nhất trong Công ty. Thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp gắn kết, tạo môi trường làm việc lành mạnh, hỗ trợ phát triển con người trong bối cảnh xã hội hiện đại.

- Chăm lo đời sống và phúc lợi người lao động: Quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân viên, tạo động lực làm việc thông qua các chính sách thi đua khen thưởng. Đảm bảo quyền lợi người lao động, đồng thời khuyến khích sự cống hiến và sáng tạo của mỗi cá nhân trong tập thể TICCO.

- Trách nhiệm xã hội và minh bạch trong kinh doanh: Lấy công tác xã hội làm cầu nối để doanh nghiệp chia sẻ và đồng hành cùng cộng đồng. TICCO thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ cộng đồng bằng tinh thần tương thân tương ái. Đồng thời, Công ty cam kết minh bạch hóa hoạt động kinh doanh, cập nhật thông tin thường xuyên để củng cố niềm tin của nhà đầu tư và đối tác.

- Tuân thủ các quy định môi trường: Đảm bảo các hoạt động đầu tư và kinh doanh tuân thủ nghiêm ngặt các quy định và luật pháp về môi trường do Chính phủ ban hành, hướng tới phát triển bền vững.

- Minh bạch và tăng cường mối quan hệ với nhà đầu tư: Đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh, công bố thông tin đầy đủ và kịp thời nhằm củng cố niềm tin của nhà đầu tư. Thúc đẩy mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa doanh nghiệp và các Cổ đông, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững .

- Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ: Xác định chuyển đổi số là chiến lược ưu tiên hàng đầu, đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển lâu dài của Công ty. Tích cực đổi mới sáng tạo, áp dụng công nghệ để tối ưu hóa vận hành, giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu suất làm việc. Thành lập Ban Chuyển đổi số TICCO (TICCO Digital) để theo dõi xu hướng, thử nghiệm và triển khai các giải pháp công nghệ nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh.

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Liên tục nâng cao kỹ năng cho nhân viên, đặc biệt là khả năng phối hợp với công nghệ trong công việc. Đẩy mạnh phong trào tự học, lập quỹ khen thưởng nhằm khuyến khích tinh thần học tập và đổi mới sáng tạo trong toàn Công ty.

CHƯƠNG 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu*	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Hoàng Huân	Chủ tịch HĐQT	1.437.563	4,62%
2	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Chủ tịch HĐQT	1.516.166	4,87%
3	Ông Vũ Huy Giáp	Thành viên HĐQT	1.401.065	4,50%
4	Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên HĐQT không điều hành	1.130.792	3,63%
5	Bà Nguyễn Thị Trúc Giang	Thành viên độc lập HĐQT	48.448	0,16%
6	Ông Phạm Văn Hậu	Thành viên độc lập HĐQT	105	0,00%

*Dựa theo danh sách chốt ngày 10/12/2025

Trong năm, thành viên Hội đồng quản trị được phân công, phân nhiệm rõ ràng, phụ trách quản trị, định hướng mảng hoạt động phù hợp với chuyên môn và kinh nghiệm quản trị của mình

Ông TRẦN HOÀNG HUÂN

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Thủy Nông
Giới tính	Nam
Năm sinh	1969
Quốc tịch	Việt Nam

Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại công ty khác: Không có

ÔNG NGUYỄN THANH NGHĨA

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế học
Giới tính	Nam
Năm sinh	1976
Quốc tịch	Việt Nam

Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại công ty khác:

- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG VŨ HUY GIÁP

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Giới tính	Nam
Năm sinh	1977
Quốc tịch	Việt Nam

Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại công ty khác: Không có

BÀ NGUYỄN THỊ HƯỜNG

Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Sinh - KT Nông nghiệp
Giới tính	Nữ
Năm sinh	1958
Quốc tịch	Việt Nam

Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại công ty khác: Không có

BÀ NGUYỄN THỊ TRÚC GIANG

Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn	Trung cấp kế toán
Giới tính	Nữ
Năm sinh	1982
Quốc tịch	Việt Nam

Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại công ty khác: Không có

ÔNG PHẠM VĂN HẬU

Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ quản trị kinh doanh; Cử nhân kế toán
Giới tính	Nam
Năm sinh	1987
Quốc tịch	Việt Nam

Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại công ty khác:

- Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Thy;

- Trưởng Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi;

- Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Gạch ngói gốm Xây dựng Mỹ Xuân.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THAY ĐỔI TRONG CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM

Hội đồng Quản trị không có sự thay đổi nào trong năm 2025

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị có 2 tiểu ban trực thuộc bao gồm: Tiểu ban hỗ trợ phát triển và Ban kiểm toán nội bộ. Hoạt động của 2 tiểu ban trong năm 2025 như sau:

Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ:

- Thực hiện công tác kiểm toán theo kế hoạch. Theo dõi, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính của các Công ty trong hệ thống TICCO.
- Phối hợp thực hiện công tác thẩm tra báo cáo quyết toán các dự án đầu tư hoàn thành.
- Phối hợp theo dõi, rà soát hồ sơ pháp lý các dự án đầu tư của Công ty.
- Xem xét tính phù hợp, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm cảnh báo rủi ro, phối hợp với các phòng ban chuyên môn đề xuất, khuyến nghị những giải pháp xử lý, sửa đổi phù hợp.
- Phối hợp với các bộ phận chức năng của Công ty, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, quyết định của Ban Tổng giám đốc và các quy định quản trị nội bộ của Công ty.
- Góp ý công tác quản lý tài chính, tham gia góp ý xây dựng các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.
- Phối hợp với Kiểm toán độc lập trong công tác chứng kiến kiểm kê 6 tháng đầu năm và cuối năm 2025.

Hoạt động của Tiểu ban hỗ trợ phát triển:

- Các hoạt động hỗ trợ Công ty về tổ chức Đại hội đồng Cổ đông năm 2025;
- Hỗ trợ Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty về hoạch định công tác tài chính, nhân sự, tiền lương và chuyển đổi số;
- Xem xét, đề xuất đầu tư trang thiết bị, máy móc cho các dự án của công ty trong hệ thống TICCO
- Hỗ trợ phát triển dự án, hoạch định chiến lược nguồn vốn để thực hiện các dự án của Công ty;
- Phối hợp nghiên cứu và hỗ trợ công ty thích ứng linh hoạt với chính quyền 02 cấp và tỉnh Đồng Tháp mới.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Trần Hoàng Huân	Chủ tịch HĐQT	15	100%
2	Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Chủ tịch HĐQT	15	100%
3	Vũ Huy Giáp	Thành viên HĐQT	15	100%
4	Nguyễn Thị Hường	Thành viên HĐQT (Không điều hành)	15	100%
5	Nguyễn Thị Trúc Giang	Thành viên độc lập HĐQT	15 (11 cuộc họp tham dự trực tiếp, 04 cuộc họp ủy quyền)	100%
6	Phạm Văn Hậu	Thành viên độc lập HĐQT	15	100%

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau

Hội đồng quản trị đã tổ chức 15 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	09/01/2025	Thông qua phương án vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Tiền Giang (MB-TG) để đầu tư cổng trục giá long môn dầm đôi (50+50) tấn thuộc dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất dầm I33 tại Gia Thuận	100%
2	02/NQ-HĐQT	09/01/2025	Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Tiền Giang (MB-TG) để đầu tư 03 xe ben HOWO	100%
3	03/NQ-HĐQT	09/01/2025	Điều chỉnh Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT ngày 30/03/2024 về việc đầu tư đường ray, cổng trục Super T, khuôn dầm, thiết bị trung chuyển tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
4	04/NQ-HĐQT	10/02/2025	Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025	100%
5	05/NQ-HĐQT	10/02/2025	Thông qua danh mục các nội dung dự kiến trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025	100%
6	06/NQ-HĐQT	10/02/2025	Chốt danh sách Cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025	100%
7	07/NQ-HĐQT	10/02/2025	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2024 bằng tiền mặt cho Cổ đông	100%
8	08/NQ-HĐQT	10/02/2025	Ban hành Quy chế Công bố thông tin	100%
9	09/NQ-HĐQT	10/02/2025	Điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí và cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường	100%
10	10/NQ-HĐQT	10/02/2025	Điều chỉnh Nghị quyết số 63/NQ-HĐQT ngày 05/08/2024 về việc đầu tư ô tô cẩu bánh lốp, rơ mooc kéo dầm tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
11	11/NQ-HĐQT	25/02/2025	Đầu tư thiết bị hộp số máy Souverean 1230T tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
12	12/NQ-HĐQT	25/02/2025	Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (BIDV-TG) để đầu tư hộp số máy Souverean 1230T	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
13	13/NQ-HĐQT	22/03/2025	Thông qua các nội dung trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025	100%
14	14/NQ-HĐQT	22/03/2025	Thông qua phương án vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tiền Giang (MB-TG) để đầu tư xưởng sản xuất dầm cầu I33 - PX2	100%
15	15/NQ-HĐQT	22/03/2025	Thông qua phương án vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tiền Giang (MB-TG) để đầu tư thiết bị sản xuất dầm cầu Super T	100%
16	16/NQ-HĐQT	22/03/2025	Thông qua phương án vay vốn, phát hành bảo lãnh và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO thực hiện vay vốn, bảo lãnh, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tiền Giang (MB-TG)	100%
17	17/NQ-HĐQT	22/03/2025	Đầu tư thiết bị Cần trục bánh xích Kobelco 7050 (50 tấn) gắn gầu ngoạm 1m3 tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
18	18/NQ-HĐQT	22/03/2025	Đầu tư mua máy Robot ép cọc (Lực ép tối đa 360 tấn) tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
19	19/NQ-HĐQT	22/03/2025	Mua sắm xe nước chuyên dụng tại Trung tâm dịch vụ Công nghiệp TICCO - CCN Gia Thuận 1	100%
20	20/NQ-HĐQT	22/03/2025	Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2024	100%
21	21/NQ-HĐQT	22/03/2025	Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025 của Ban kiểm toán nội bộ	100%
22	22/NQ-HĐQT	22/03/2025	Thông qua Báo cáo đại diện quản lý vốn năm 2024 của các đơn vị thành viên	100%
23	23/NQ-HĐQT	22/03/2025	Phân công người đại diện vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang tại Công ty Cổ phần Testco	100%
24	24/NQ-HĐQT	22/03/2025	Bổ nhiệm thành viên Tiểu ban hỗ trợ phát triển	100%
25	25/NQ-HĐQT	23/04/2025	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024	100%
26	26/NQ-HĐQT	23/04/2025	Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025	100%
27	27/NQ-HĐQT	24/04/2025	Khen thưởng Người lao động công ty	100%
28	28/NQ-HĐQT	24/04/2025	Ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần 16 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	100%
29	29/NQ-HĐQT	24/04/2025	Ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung lần 2	100%
30	30/NQ-HĐQT	24/04/2025	Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi bổ sung lần 1	100%
31	31/NQ-HĐQT	24/04/2025	Lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025	100%
32	32/NQ-HĐQT	25/04/2025	Ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang thực hiện việc thế chấp tài sản để đảm bảo cho Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO và Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tiền Giang (MB-TG)	100%
33	33/NQ-HĐQT	25/04/2025	Thông qua phương án vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO thực hiện vay vốn, bảo lãnh, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tiền Giang để thanh toán tiền chi phí thuê đất tại dự án đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất bê tông tại xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, Tiền Giang	100%
34	34/NQ-HĐQT	30/05/2025	Chi trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu	100%
35	35/NQ-HĐQT	30/05/2025	Chi trả cổ tức đợt cuối năm 2024 bằng tiền mặt	100%
36	36/NQ-HĐQT	30/05/2025	Phê duyệt dự án Đường D7 và Khu dân cư hai bên đường	100%
37	37/NQ-HĐQT	30/06/2025	Thông qua công tác nhân sự Công ty	100%
38	38/NQ-HĐQT	30/06/2025	Phân công người đại diện vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang tại Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	100%
39	39/NQ-HĐQT	30/06/2025	Bổ nhiệm Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	100%
40	40/NQ-HĐQT	30/06/2025	Bổ nhiệm Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	100%
41	41/NQ-HĐQT	30/06/2025	Bổ nhiệm Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	100%
42	42/NQ-HĐQT	30/06/2025	Miễn nhiệm, bổ nhiệm thành viên Tiểu ban hỗ trợ phát triển	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
43	43/NQ-HĐQT	30/06/2025	Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang (BIDV-TG) để đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất dầm I33 (Hạng mục Bệ căng + Dầm ray cổng trục) tại xã Gia Thuận , huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	100%
44	44/NQ-HĐQT	07/07/2025	Tăng vốn điều lệ công ty sau khi kết thúc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2024	100%
45	45/NQ-HĐQT	07/07/2025	Ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần 17 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	100%
46	46/NQ-HĐQT	22/07/2025	Thông qua cho Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO và Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước tạm thời hạch toán giữ lại lợi nhuận sau thuế	100%
47	47/NQ-HĐQT	22/07/2025	Đầu tư mua máy Robot ép cọc (Lực ép tối đa 460 tấn) tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
48	48/NQ-HĐQT	22/07/2025	Đầu tư ô tô trộn bê tông 3m3 (03 xe) tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
49	49/NQ-HĐQT	22/07/2025	Đầu tư khuôn cọc ván W840 tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
50	50/NQ-HĐQT	22/07/2025	Đầu tư thiết bị máy rửa đá, nhà xe văn phòng tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
51	51/NQ-HĐQT	22/07/2025	Đầu tư máy cắt tự động Lazer tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
52	52/NQ-HĐQT	22/07/2025	Đầu tư thiết bị gia công thép tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
53	53/NQ-HĐQT	22/07/2025	Đầu tư Trạm xử lý nước thải tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
54	53A/NQ-HĐQT	22/07/2025	Điều chuyển 02 thiết bị xe ô tô tự đổ tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO sang Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
55	54/NQ-HĐQT	22/07/2025	Thanh lý thiết bị, tài sản hết khấu hao tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
56	55/NQ-HĐQT	25/07/2025	Chấm dứt hoạt động chi nhánh Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO - Nhà máy Bê tông TICCO Tân Phước	100%
57	56/NQ-HĐQT	16/08/2025	Phê duyệt nội dung và ban hành Quy chế quản trị tài chính sửa đổi bổ sung lần 1	100%
58	57/NQ-HĐQT	16/08/2025	Phê duyệt đầu tư Nhà văn phòng làm việc Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	100%
59	58/NQ-HĐQT	16/08/2025	Thông qua chủ trương đầu tư Nhà văn phòng làm việc Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	100%
60	59/NQ-HĐQT	16/08/2025	Đầu tư xây dựng Nhà kho 3, diện tích 2030 m2 tại khu đất 490 Đinh Bộ Lĩnh	100%
61	60/NQ-HĐQT	16/08/2025	Phê duyệt đầu tư dự án Nhà ở xã hội Đường D7	100%
62	61/NQ-HĐQT	16/08/2025	Điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư dự án Cụm công nghiệp Gia Thuận 2	100%
63	62/NQ-HĐQT	16/08/2025	Điều chỉnh hạng mục đầu tư xe chuyên dụng tại Trung tâm dịch vụ Công nghiệp TICCO (Thay thế xe nước chuyên dụng đã phê duyệt theo NQ 19/NQ-HĐQT ngày 22/03/2025)	100%
64	63/NQ-HĐQT	16/08/2025	Thông qua phương án vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tiền Giang (MB-TG) để đầu tư khuôn cọc ván W840	100%
65	64/NQ-HĐQT	16/08/2025	Thông qua phương án vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tiền Giang (MB-TG) để đầu tư trạm xử lý nước thải	100%
66	65/NQ-HĐQT	16/08/2025	Thông qua phương án vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (Vietcombank-TG) để đầu tư máy cắt tự động Lazer	100%
67	66/NQ-HĐQT	16/08/2025	Thông qua phương án vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (Vietcombank-TG) để đầu tư thiết bị gia công thép	100%
68	67/NQ-HĐQT	16/08/2025	Định biên nhân sự gián tiếp và kinh doanh năm 2025	100%
69	68/NQ-HĐQT	16/08/2025	Phê duyệt quyết toán chi phí đầu tư các dự án tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
70	69/NQ-HĐQT	16/08/2025	Phê duyệt quyết toán chi phí đầu tư các dự án tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
71	70/NQ-HĐQT	16/08/2025	Phê duyệt quyết toán chi phí trang bị thang máy dự phòng tại Tòa nhà văn phòng TICCO	100%
72	71/NQ-HĐQT	16/08/2025	Thông qua phương án vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNH MTV Bê tông TICCO thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tiền Giang (MB-TG) để đầu tư 03 xe ô tô trộn bê tông 3m^3	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
73	72/NQ-HĐQT	16/08/2025	Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xưởng bê tông TICCO Gia Thuận	100%
74	73/NQ-HĐQT	16/08/2025	Đầu tư thiết bị xe ô tô đầu kéo và sơ mi rơ mooc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
75	74/NQ-HĐQT	16/08/2025	Chuyển nhượng lại 01 căn nhà tại dự án Đường Nguyễn Trọng Dân của Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	100%
76	75/NQ-HĐQT	16/08/2025	Đầu tư hệ thống trạm bê tông Gia Thuận của Xưởng bê tông TICCO Gia Thuận	100%
77	76/NQ-HĐQT	24/11/2025	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 bằng tiền mặt cho Cổ đông	100%
78	77/NQ-HĐQT	24/11/2025	Đầu tư xây dựng đường nội bộ và hệ thống thoát nước tại nhà máy bê tông Mỹ Tho thuộc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
79	78/NQ-HĐQT	24/11/2025	Thông qua ủy quyền cho Tổng giám đốc thế chấp tài sản đảm bảo cho Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tiền Giang	100%
80	79/NQ-HĐQT	24/11/2025	Thông qua phương án vay vốn và ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang vay vốn tại Ngân hàng Quân đội - chi nhánh Tiền Giang (MB-TG) để đầu tư xây dựng bờ kè (tường chắn bảo vệ đất) thuộc dự án CCN Gia Thuận 1	100%
81	80/NQ-HĐQT	24/11/2025	Thông qua phương án vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Tiền Giang (MB-TG) để đầu tư 02 xe xúc lật bánh lốp hiệu LOVOL	100%
82	81/NQ-HĐQT	24/11/2025	Thông qua phương án vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Tiền Giang (MB-TG) để đầu tư 01 ô tô đầu kéo và sơ mi rơ mooc tải chở container	100%
83	82/NQ-HĐQT	24/11/2025	Phê duyệt quyết toán chi phí đầu tư các dự án tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	100%
84	83/NQ-HĐQT	24/11/2025	Phê duyệt quyết toán chi phí đầu tư xây dựng các dự án tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
85	84/NQ-HĐQT	24/11/2025	Đầu tư đường nội bộ bê tông nhà máy tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
86	85/NQ-HĐQT	24/11/2025	Đầu tư xe ô tô đầu kéo và rơ mooc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
87	86/NQ-HĐQT	22/11/2025	Tăng vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
88	87/NQ-HĐQT	22/11/2025	Tăng vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
89	88/NQ-HĐQT	24/11/2025	Tăng vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	100%
90	89/NQ-HĐQT	24/11/2025	Thông qua phương án vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước vay vốn, phát hành bảo lãnh và thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương - chi nhánh Tiền Giang (Vietcombank-TG)	100%
91	90/NQ-HĐQT	24/11/2025	Thông qua ủy quyền cho Tổng giám đốc thế chấp tài sản để đảm bảo cho Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước vay vốn và phát hành bảo lãnh ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương - chi nhánh Tiền Giang (Vietcombank-TG)	100%
92	91/NQ-HĐQT	24/11/2025	Thông qua phương án vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền cho Tổng giám đốc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang (BIDV-TG)	100%
93	92/NQ-HĐQT	24/11/2025	Thông qua phương án vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước vay vốn, bảo lãnh, mở L/C, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang (BIDV-TG)	100%
94	93/NQ-HĐQT	24/11/2025	Thông qua phương án vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO vay vốn, bảo lãnh, mở L/C, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang (BIDV-TG)	100%
95	94/NQ-HĐQT	24/11/2025	Thông qua phương án vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO vay vốn, bảo lãnh, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang (BIDV-TG)	100%
96	95/NQ-HĐQT	24/11/2025	Đầu tư thiết bị máy đào bánh xích dung tích gầu 0,7m3 tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
97	96/NQ-HĐQT	24/11/2025	Thanh lý 02 thiết bị máy đào đã hết khấu hao tại Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO	100%
98	97/NQ-HĐQT	01/12/2025	Tái bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc	100%
99	98/NQ-HĐQT	01/12/2025	Tái bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
100	99/NQ-HĐQT	01/12/2025	Tái bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc	100%
101	100/NQ-HĐQT	01/12/2025	Tái bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc	100%
102	101/NQ-HĐQT	01/12/2025	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc	100%
103	102/NQ-HĐQT	01/12/2025	Bổ sung nhân sự vào Tiểu ban hỗ trợ phát triển	100%
104	103/NQ-HĐQT	01/12/2025	Thông qua Bổ nhiệm Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản TICCO	100%
105	104/NQ-HĐQT	01/12/2025	Bổ nhiệm Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản TICCO	100%
106	105/NQ-HĐQT	01/12/2025	Thông qua công tác nhân sự tại Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	100%
107	106/NQ-HĐQT	01/12/2025	Thông qua công tác nhân sự tại Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	100%
108	107/NQ-HĐQT	01/12/2025	Công tác nhân sự	100%
109	108/NQ-HĐQT	01/12/2025	Phê chuẩn cơ cấu tổ chức bộ máy và định biên nhân sự tại Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	100%
110	109/NQ-HĐQT	01/12/2025	Phê chuẩn cơ cấu tổ chức bộ máy và định biên nhân sự tại Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	100%
111	110/NQ-HĐQT	01/12/2025	Thông qua việc Tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	100%
112	111/NQ-HĐQT	01/12/2025	Thông qua phương án vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương - chi nhánh Tiền Giang (Vietcombank-TG) để đầu tư xe ô tô đầu kéo và rơ moóc	100%
113	112/NQ-HĐQT	24/12/2025	Thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản TICCO (TICCOLAND)	100%
114	113/NQ-HĐQT	29/12/2025	Đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng tại đường nhánh N1 Nguyễn Công Bình	100%
115	114/NQ-HĐQT	29/12/2025	Thu hồi và hủy bỏ Nghị quyết đã phê duyệt	100%
116	115/NQ-HĐQT	29/12/2025	Phân công người đại diện vốn và bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Công ty TNHH MTV TICCO Gò Công	100%
117	116/NQ-HĐQT	29/12/2025	Thông qua bổ nhiệm Giám đốc Công ty TNHH MTV TICCO Gò Công	100%
118	117/NQ-HĐQT	29/12/2025	Thông qua công tác nhân sự tại Công ty TNHH MTV TICCO Gò Công	100%
119	118/NQ-HĐQT	29/12/2025	Thông qua bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV TICCO Gò Công	100%
120	119/NQ-HĐQT	29/12/2025	Thông qua chủ trương đầu tư Nhà máy Bê tông tại Cụm công nghiệp Gia Thuận 2	100%

Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Trong năm 2025, các Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông giao phó; Tham gia đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề cần sự quyết định của Hội đồng Quản trị; Tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động theo phân công công việc của Hội đồng Quản trị. Về công tác đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty năm 2025, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị nhận thấy:

- Hội đồng Quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đầy đủ các quy định đối với Công ty đại chúng.

- Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã tiến hành các cuộc họp định kỳ và các cuộc họp mở rộng theo đúng quy định của Điều lệ. Nội dung các cuộc họp được các thành viên Hội đồng Quản trị thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn thận để đưa ra những quyết định, giải pháp tốt nhất cho Công ty. Biên bản các cuộc họp được lập đầy đủ, chi tiết và rõ ràng có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

- Các vấn đề liên quan đến kế hoạch sản xuất kinh doanh, hoạt động của doanh nghiệp và xây dựng hệ thống quản lý đã được Hội đồng Quản trị thường xuyên xem xét và đánh giá trong các cuộc họp định kỳ.

- Các quyết định của Hội đồng Quản trị tại các cuộc họp phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành; phù hợp với Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và Nghị quyết đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

- Hội đồng Quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban điều hành. Các thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức danh Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc đã thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban điều hành; kịp thời báo cáo Hội đồng Quản trị những kết quả đạt được cũng như những khó khăn vướng mắc, qua đó giúp Hội đồng Quản trị nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty.

Đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2025

Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ vai trò đại diện cho cổ đông trong việc giám sát hoạt động điều hành, đồng thời định hướng chiến lược và ban hành các chỉ đạo kịp thời nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn lực, hoàn thành các mục tiêu do Đại hội đồng Cổ đông giao, trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Song song với chức năng giám sát, Hội đồng Quản trị đã chủ động thảo luận và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai các giải pháp phù hợp để ứng phó với khó khăn, đồng thời tận dụng các cơ hội thị trường nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025.

Trong năm, Hội đồng Quản trị duy trì sự thống nhất và đồng thuận cao trong quá trình ra quyết định, bảo đảm tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế nội bộ. Thông qua công tác chỉ đạo và phối hợp với Ban Điều hành, kỷ cương, kỷ luật và ý thức trách nhiệm trong toàn hệ thống tiếp tục được củng cố, gắn với các chuẩn mực văn hóa doanh nghiệp.

Với tinh thần trách nhiệm và nguyên tắc hành động thận trọng, minh bạch vì lợi ích của Cổ đông và Công ty, Hội đồng Quản trị đã triển khai các biện pháp quản trị quyết liệt, đồng thời giám sát và chỉ đạo hiệu quả việc thực thi các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Kết quả, trong năm 2025, Công ty đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Trong năm 2025, các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia Lớp Quản trị Công ty - Khóa 07 do Viện nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực và kinh doanh - Đại học Kinh tế TP.HCM tổ chức.

BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

Ông NGUYỄN TIẾN NHÂN

Trưởng Ban Kiểm soát

Số cổ phiếu sở hữu	3.988
Tỷ lệ sở hữu	0,01%
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kế toán

Bà ĐOÀN THỊ HỒNG CẨM

Thành viên Ban Kiểm soát

Số cổ phiếu sở hữu	36.164
Tỷ lệ sở hữu	0,12%
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế

Bà NGUYỄN KIỀU DIỄM TRANG

Thành viên Ban Kiểm soát

Số cổ phiếu sở hữu	14.498
Tỷ lệ sở hữu	0,05%
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025:

Danh sách thay đổi thành viên Ban kiểm soát trong năm: Không có

Về công tác giám sát và phối hợp của Ban Kiểm soát trong năm 2025

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Cổ đông

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty trong việc ban hành và triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của công ty đại chúng.
- Đề xuất danh sách công ty kiểm toán độc lập để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính của các Công ty con trong hệ thống TICCO, Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Phối hợp Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong công tác tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng của Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức kế toán, thống kê và trong việc lập và trình bày các nội dung báo cáo tài chính của công ty.
- Tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát nhận được sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty về việc cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu các cuộc họp, Nghị quyết, quyết định của HĐQT; Báo cáo tài chính và các báo cáo có liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Qua đó Ban kiểm soát luôn bám sát kịp thời các thông tin trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Kỳ họp	Thời gian	Nội dung
Kỳ 1	01/03/2025	- Thẩm định/đánh giá kết quả báo cáo tài chính riêng và BCTC hợp nhất năm 2024 (số liệu trước kiểm toán). - Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty, đặc biệt là các tài liệu liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. - Đề xuất các công ty kiểm toán BCTC 2025
Kỳ 2	01/05/2025	- Thẩm định/đánh giá kết quả báo cáo tài chính riêng và BCTC Quý 1/2025 (số liệu trước kiểm toán). - Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty, các tài liệu liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
Kỳ 3	29/10/2025	- Thẩm định/đánh giá kết quả báo cáo tài chính riêng và BCTC hợp nhất 9 tháng năm 2025 (số liệu trước kiểm toán). - Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty. - Lưu ý giám sát việc Công bố thông tin bất thường bằng Tiếng Anh từ năm 2026.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: đồng/năm

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THÙ LAO	LƯƠNG	THƯỞNG
I	**Hội đồng quản trị**				
1	Trần Hoàng Huân	Chủ tịch HĐQT	364.535.016	550.475.375	104.000.000
2	Vũ Huy Giáp	Thành viên HĐQT	364.535.016		
3	Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT	364.535.016		
4	Nguyễn Thị Hường	Thành viên HĐQT	364.535.016		
5	Phạm Văn Hậu	Thành viên HĐQT	364.535.016		
6	Nguyễn Thị Trúc Giang	Thành viên HĐQT	364.535.016		52.000.000
II	**Ban Kiểm soát**				
1	Nguyễn Tiến Nhân	Trưởng BKS	141.000.000	315.655.207	78.934.688
2	Nguyễn Kiều Diễm Trang	Thành viên BKS	104.000.000	203.073.959	38.004.688
3	Đoàn Thị Hồng Cẩm	Thành viên BKS	104.000.000	105.703.165	22.375.166
III	**Ban Tổng giám đốc**				
1	Vũ Huy Giáp	Tổng giám đốc		623.250.000	107.150.000
2	Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Tổng giám đốc	72.000.000	544.750.000	125.450.000
3	Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Tổng giám đốc		563.096.455	84.450.000
4	Nguyễn Hoài Bắc	Phó Tổng giám đốc	18.000.000	460.950.000	76.000.000
5	Nguyễn Ngọc Hùng	Phó Tổng giám đốc	36.000.000	459.726.500	186.822.650
6	Huỳnh Thị Mỹ Hương	Kế toán trưởng		380.875.000	67.425.000
7	Nguyễn Hoàng Sơn	Trưởng Phòng Tài chính Kế toán		315.912.188	51.990.157

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Kể từ khi tham gia thị trường chứng khoán từ năm 2011, Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán ban hành và thông lệ quốc tế để triển khai và áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty. Cụ thể, Công ty có chọn lọc ra một số các thông lệ tốt của quốc tế để ứng dụng vào Hội đồng Quản trị và Ban lãnh đạo của Công ty như tính minh bạch trong giao dịch với các bên liên quan, ban hành quy tắc đạo đức kinh doanh và nghiêm túc tuân thủ. Đồng thời, Hội đồng quản trị thường xuyên tham gia các chương trình tập huấn của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh để nâng cao hiệu quả quản trị. Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được ban hành, điều chỉnh theo đúng hướng dẫn của các quy định hiện hành.

Về mặt công bố thông tin, Công ty đảm bảo các số liệu báo cáo, thống kê cung cấp cho các bên liên quan là chính xác và hoàn toàn trung thực. Công ty thường xuyên cập nhật quá trình hoạt động và các sự kiện quan trọng thông qua website tại mục Quan hệ cổ đông và tuân thủ các yêu cầu về công bố thông tin với Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông qua hệ thống công bố thông tin của SSC (IDS) và HOSE (ECM).

Công ty cam kết cung cấp sản phẩm và dịch vụ đáp ứng kỳ vọng về chất lượng, đồng thời mang lại giá trị tốt đẹp hơn cho cuộc sống. Chúng tôi tuân thủ Luật Cạnh tranh, không tham gia hay ủng hộ các hành vi hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh. Công ty luôn tuân thủ các chuẩn mực đạo đức kinh doanh, không thực hiện hay ủng hộ những hành vi có thể gây tổn hại đến lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng. Trong quan hệ với các nhà cung cấp, TICCO đảm bảo sự công bằng, minh bạch, tạo dựng niềm tin và hướng tới hợp tác bền vững.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC		THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (VND)		GHI CHÚ
I	**Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO**	**Công ty con**	**Giấy CNĐKDN số 1200656249 đăng ký thay đổi lần 15 ngày 08/12/2025 tại Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp**	**Lô số 1,2,3,4,5,6 Khu công nghiệp Mỹ Tho, Phường Trung An, Đồng Tháp**						
	Giao dịch bán								**55.223.470.828**	
						04/04/2025		Cho thuê thiết bị	21.444.000	Hợp đồng cho thuê xe ô tô BKS 63A-264.22 số 26422/ HĐ2025/TICCO ngày 02/01/2025
						30/06/2025		Cho thuê thiết bị	14.500.000	
						30/09/2025		Cho thuê thiết bị	14.500.000	
						31/12/2025		Cho thuê thiết bị	14.500.000	
						30/06/2025		Thuê đất	37.062.675.000	Hợp đồng số 04/ HĐTĐ.GT1.TICCO, PL số 01 ngày 22/11/2024 và PL số 02 ngày 15/04/2025
						31/12/2025		Thuê đất	87.275.455	Hợp đồng số 01A/ HĐTĐ/2025 ngày 01/01/2025 và 01B/ HĐTĐ/2025 ngày 01/01/2025
						31/12/2025		Lợi nhuận chuyển về	5.008.576.373	
						22/11/2025		Góp vốn	13.000.000.000	
	Giao dịch mua								**122.341.824**	
						31/03/2025		Thuê thiết bị	30.585.456	Hợp đồng số 32190/ HĐ2025/TICCO ngày 02/01/2025
						30/06/2025		Thuê thiết bị	30.585.456	
						30/09/2025		Thuê thiết bị	30.585.456	
						31/12/2025		Thuê thiết bị	30.585.456	

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC		THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (VND)		GHI CHÚ
II	**Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước**	**Công ty con**	**Giấy CNĐKDN số 1201602574 đăng ký thay đổi lần 6 ngày 08/12/2025 tại Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp**	**Ấp 4, Xã Tân Phước 3, Đồng Tháp**						
	Giao dịch bán								**13.000.000.000**	
						22/11/2025		Góp vốn	13.000.000.000	
	Giao dịch mua								**206.208.092**	
						31/03/2025		Phí chi hộ	13.835.500	Hợp đồng thuê dịch vụ số 19-08/2024 ngày 19/08/2024
						28/06/2025		Phí chi hộ	19.194.000	
						30/09/2025		Phí chi hộ	20.758.500	
						31/12/2025		Phí chi hộ	21.511.000	
						31/03/2025		Thuê dịch vụ	32.727.273	
						30/09/2025		Thuê dịch vụ	32.727.273	
						31/12/2025		Thuê dịch vụ	32.727.273	
III	**Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO**	**Công ty con**	**Giấy CNĐKDN số 1200683404 đăng ký thay đổi lần 16 ngày 05/08/2025 tại Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp**	**Số 490 Đinh Bộ Lĩnh, Phường Mỹ Phong, Đồng Tháp**						
	Giao dịch bán								**7.615.598.852**	
						27/06/2025		Tiền điện nước	24.514.754	Biên bản nghiệm thu ngày 27/06/2025
						19/12/2025		Tiền điện nước	22.192.627	Biên bản nghiệm thu ngày 19/12/2025

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC		THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (VND)		GHI CHÚ
						21/03/2025		Tiền điện nước	9.755.526	Hợp đồng số 44/ HĐCTKO.TICCO ngày 01/04/2022
						19/06/2025		Tiền điện nước	13.468.751	
						19/09/2025		Tiền điện nước	11.810.000	
						25/12/2025		Tiền điện nước	9.121.005	
						07/01/2025		Cho thuê kiốt	36.818.182	
						08/04/2025		Cho thuê kiốt	36.818.182	
						05/07/2025		Cho thuê kiốt	36.818.182	
						22/10/2025		Cho thuê kiốt	36.818.182	
						02/04/2025		Phí chi hộ	12.739.515	Bảng kê chi hộ ngày 31/3/2025
						30/06/2025		Phí chi hộ	181.418.749	Bảng kê chi hộ ngày 30/06/2025
						29/09/2025		Phí chi hộ	48.803.913	Bảng kê chi hộ ngày 30/09/2025
						30/12/2025		Phí chi hộ	43.187.615	Bảng kê chi hộ ngày 30/12/2025
						31/12/2025		Quyền sử dụng đất	3.301.313.669	Hợp đồng số 44/ HĐCN.D7.TICCO ngày 26/03/2025
						10/01/2025		Cổ tức được chia bằng tiền	1.100.000.000	
						25/04/2025		Cổ tức được chia bằng tiền	2.750.000.000	
Giao dịch mua									**280.273.399.144**	
						31/03/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	(47.604.630)	Hợp đồng số 31/ HĐ-XD/2022 ngày 26/10/2022

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC		THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (VND)		GHI CHÚ
						22/09/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	5.212.650.000	Hợp đồng số 05/ HĐ-XD/2025 ngày 27/06/2025
						24/10/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	5.081.693.519	
						27/11/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	5.506.769.444	
						31/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	5.780.177.778	
						22/09/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	3.747.544.444	Hợp đồng số 06/ HĐ-XD/2025 ngày 24/07/2025
						20/11/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.100.588.889	
						29/11/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.391.404.630	
						25/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.282.003.704	
						30/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	3.838.015.741	
						09/04/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.433.812.963	Hợp đồng số 07/ HĐ-XD/2023 ký ngày 22/5/2023
						19/05/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.318.979.630	

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC		THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (VND)		GHI CHÚ
						25/01/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	4.243.405.556	
						25/01/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	4.199.612.963	
						14/04/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.088.024.074	
						15/04/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.646.184.259	
						30/06/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	4.075.707.407	
						30/06/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	866.241.667	Hợp đồng số 11/ HĐ-XD/2023 ngày 19/09/2023
						30/09/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.533.100.926	
						30/09/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	3.035.641.667	
						07/11/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.506.177.778	
						07/11/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	4.483.894.444	
						29/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	831.207.407	
						29/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	3.357.363.889	
						11/11/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	4.480.156.481	Hợp đồng số 05A/ HĐ-XD/2025
						31/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	4.379.560.185	
						19/11/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	7.540.596.296	Hợp đồng số 03/HĐ-XD/2025
						31/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	5.277.342.593	

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC		THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (VND)		GHI CHÚ
						22/02/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	4.695.510.185	Hợp đồng số 08/ HĐ-XD/2024 ngày 06/06/2024
						19/05/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.178.953.704	
						25/06/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	3.433.145.370	
						17/09/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.478.181.481	
						04/03/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	20.516.363.889	Hợp đồng số 13/ HĐ-XD/2024 ngày 09/09/2024
						31/03/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	16.738.181.481	
						20/05/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	12.681.818.519	
						19/06/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	16.968.181.481	
						30/06/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	18.372.726.852	
						07/07/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	27.780.000.000	
						15/09/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	4.316.363.889	
						30/09/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.935.454.630	
						17/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	13.324.545.370	
						31/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	11.401.818.519	
						06/08/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	674.074.074	Hợp đồng số 02/ HĐ-XD/2025 ngày 04/04/2025
						30/09/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	392.592.593	
						06/11/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	368.518.519	

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC		THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (VND)		GHI CHÚ
						06/08/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	870.370.370	Hợp đồng số 01/ HĐ-XD/2025 ngày 28/03/2025
						30/09/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	361.111.111	
						06/11/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	379.629.630	
						08/08/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	4.454.597.222	Hợp đồng số 14/ HĐ-XD/2025 ngày 28/05/2025
						26/08/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	114.773.148	
						26/08/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	14.171.296.296	Hợp đồng số 04A/ HĐ-XD/2025 ngày 31/05/2025
						30/09/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.452.777.778	
						02/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	3.424.074.074	
						29/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	278.703.704	
						31/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	211.111.111	
						21/08/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	300.994.444	
						03/04/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	834.561.111	Hợp đồng số 08/ HĐ-XD/2024 ngày 04/06/2024
						31/03/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	(27.285.115)	Biên bản làm việc
IV	**Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO**	**Công ty con**	**Giấy CNĐKDN số 1201534074 đăng ký thay đổi lần 5 ngày 04/12/2025 tại Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp**	**Số 490 Đinh Bộ Lĩnh, Phường Mỹ Phong, Đồng Tháp**						
	Giao dịch bán								**18.299.406.154**	

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC		THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (VND)		GHI CHÚ
						27/06/2025		Phí chi hộ	52.137.130	Bảng kê chi hộ
						27/09/2025		Phí chi hộ	42.941.288	Bảng kê chi hộ
						30/12/2025		Phí chi hộ	100.972.946	Bảng kê chi hộ
						21/03/2025		Tiền điện nước	7.255.627	
						19/06/2025		Tiền điện nước	9.711.444	
						19/09/2025		Tiền điện nước	9.149.860	
						25/12/2025		Tiền điện nước	8.192.397	Hợp đồng số 45/ HĐCTKO.TICCO ngày 01/04/2022
						07/01/2025		Cho thuê kiốt	17.727.273	
						08/04/2025		Cho thuê kiốt	17.727.273	
						05/07/2025		Cho thuê kiốt	17.727.273	
						22/10/2025		Cho thuê kiốt	17.727.273	
						22/11/2025		Góp vốn	6.000.000.000	
						31/03/2025		Lợi nhuận chuyển về	1.570.671.264	
						30/06/2025		Lợi nhuận chuyển về	3.544.397.015	
						30/09/2025		Lợi nhuận chuyển về	1.697.429.923	
						31/12/2025		Lợi nhuận chuyển về	1.368.869.954	
						31/12/2025		Quyền sử dụng đất	3.816.768.214	Hợp đồng số 44/ HĐCN.D7.TICCO ngày 26/03/2025
Giao dịch mua									**104.610.829.356**	

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC		THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (VND)		GHI CHÚ
						17/01/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	735.270.370	Hợp đồng số 11/ HĐ-XD/2022 ngày 11/8/2022
						28/06/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	841.388.889	
						29/11/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.997.087.037	
						17/01/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.453.275.000	Hợp đồng số 23/ HĐ-XD/2022 ngày 23/09/2022
						28/06/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.610.878.704	
						31/05/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	257.389.815	Hợp đồng số 3-2A/ HĐ-XD/2024 ngày 03/02/2024
						10/03/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.418.106.482	Hợp đồng số 7-5/ HĐ-XD/2024 ngày 07/05/2024
						17/01/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	3.565.008.333	Hợp đồng số 25-9/ HĐ-XD/2024 ngày 25/09/2024
						10/06/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	3.961.849.074	
						26/04/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	4.230.268.519	Hợp đồng số 27-8/ HĐ-XD/2024 ngày 27/08/2024
						25/09/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	6.956.412.037	
						25/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.653.580.555	
						07/03/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	90.000.000	Hợp đồng số 10/2024/HĐ-TVGS ngày 06/06/2024
						27/05/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	40.000.000	
						29/09/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	5.000.000	
						06/10/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	65.000.000	

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC		THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (VND)		GHI CHÚ
						17/01/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	103.050.000	Hợp đồng số 14/2024/HĐ-TVGS ngày 09/09/2024
						07/03/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	177.475.000	
						31/03/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	145.033.333	
						23/05/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	110.683.333	
						23/06/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	146.941.667	
						09/07/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	158.391.667	
						25/07/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	240.450.000	
						22/09/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	38.166.667	
						10/10/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	24.808.333	
						29/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	116.408.333	
						31/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	99.233.333	
						17/01/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.536.886.111	Hợp đồng số 20-11/ HĐ-XD/2024 ngày 20/11/2024
						15/04/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	8.981.518.519	
						14/06/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	5.984.591.667	
						20/09/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.115.326.852	
						18/10/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	2.249.339.815	
						25/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.983.172.222	

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC		THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (VND)		GHI CHÚ
						19/05/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	11.879.608.333	Hợp đồng số 20-12/ HĐ-XD/2024 ngày 20/12/2024
						19/06/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	7.785.488.889	
						20/09/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	4.826.604.630	
						22/09/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	182.168.518	Hợp đồng số 04B/2025/HĐ-TVGS ngày 9/6/2025
						10/10/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	31.561.111	
						25/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	44.019.444	
						29/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	3.599.074	
						31/03/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	(34.402.050)	Biên bản làm việc
						16/09/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	(119.913.889)	Biên bản làm việc
						16/09/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	(11.594.444)	Biên bản làm việc
						28/10/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	6.319.500.000	Hợp đồng số 24-12/ HĐ-XD/2024 ngày 24/12/2024
						13/11/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	5.749.086.111	Hợp đồng số 11-6/ HĐXD/2025 ngày 11/06/2025
						31/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	3.497.135.185	
						25/11/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	1.353.228.704	Hợp đồng số 25-11/ HĐ-XD/2022 ngày 25/11/2022
						18/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	3.990.605.898	Hợp đồng số 16-10/ HĐ-XD/2025 ngày 16/10/2025
						31/12/2025		Nhận giá trị công trình nghiệm thu	5.022.142.175	

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC		THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (VND)		GHI CHÚ
V	**Công ty TNHH MTV TICCO Gò Công**	**Công ty con**	**Giấy CNĐKDN số 1201640114 đăng ký thay đổi lần 04 ngày 29/12/2025 tại Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp**	**Ấp 5, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp**						
	Giao dịch bán								**1.225.728.380**	
						31/03/2025		Lợi nhuận chuyển về	304.094.987	
						30/06/2025		Lợi nhuận chuyển về	304.216.424	
						30/09/2025		Lợi nhuận chuyển về	311.139.513	
						31/12/2025		Lợi nhuận chuyển về	306.277.456	
	Giao dịch mua								**1.553.019.064**	
						31/03/2025		Lãi vay	383.988.230	Hợp đồng cho vay ngày 02/04/2021
						30/06/2025		Lãi vay	388.254.766	
						30/09/2025		Lãi vay	392.521.302	
						31/12/2025		Lãi vay	388.254.766	
VI	**Công ty TNHH MTV Cơ Khí Công Trình TICCO**	**Công ty con cấp 2**	**Giấy CNĐKDN số 1201534099 đăng ký thay đổi lần 11 ngày 22/07/2025 tại Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp**	**Ấp 4, Xã Tân Phước 3, Đồng Tháp**						
	Giao dịch bán									

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC		THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (VND)		GHI CHÚ
	Giao dịch mua								**114.154.545**	
						24/06/2025		Thi công công trình	114.154.545	Hợp đồng thi công số 06/HĐCK/2025 ngày 21/04/2025 và phụ lục hợp đồng số 06.1/ PLHĐ/2025/CK-TICCO ngày 06/05/2025
VII	**Công ty TNHH MTV Cọc TICCO**	**Công ty con cấp 2**	**Giấy CNĐKDN số 1201537131 đăng ký thay đổi lần 6 ngày 04/08/2025 tại Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp**	**Lô 1, 2, 3, 4, 5, 6 Đường số 1, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Phường Trung An, Đồng Tháp**						
	Giao dịch bán									
	Giao dịch mua									
VIII	**Công ty TNHH MTV VLXD TICCO**	**Công ty con cấp 2**	**Giấy CNĐKDN số 1201577198 đăng ký thay đổi lần 5 ngày 07/08/2025 tại Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp**	**Số 490 Đinh Bộ Lĩnh, Phường Mỹ Phong, Đồng Tháp**						
	Giao dịch bán							**119.834.589**		

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC		THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (VND)		GHI CHÚ
						21/03/2025		Tiền điện nước	1.902.471	Hợp đồng số 21/ HĐCTKO.TICCO ngày 01/01/2019
						19/06/2025		Tiền điện nước	2.647.842	
						19/09/2025		Tiền điện nước	2.920.064	
						25/12/2025		Tiền điện nước	3.273.304	
						07/01/2025		Cho thuê kiốt	27.272.727	
						08/04/2025		Cho thuê kiốt	27.272.727	
						05/07/2025		Cho thuê kiốt	27.272.727	
						22/10/2025		Cho thuê kiốt	27.272.727	
IX	**Công ty Cổ phần TESTCO**	**Công ty liên kết**						Cổ tức được chia	78.000.000	Giao dịch bán
IX	**Bà Phạm Thị Tuyết Dung**	**Người liên quan của người nội bộ là ông Vũ Huy Giáp**								
	Giao dịch bán								**8.755.900.064**	
								Quyền sử dụng đất dự án D7	4.409.131.850	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản số 25/HĐCN.D7.TICCO ngày 28/12/2024
								Quyền sử dụng đất dư án D7	4.346.768.214	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất kèm cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản số 30/HĐCN.D7.TICCO ngày 06/01/2025

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC		THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (VND)	GHI CHÚ
X	**Ông Nguyễn Nghĩa Nhân**	**Người liên quan của người nội bộ là ông Nguyễn Thanh Nghĩa**							
	Giao dịch bán							**4.255.859.123**	
							Quyền sử dụng đất dự án D7	4.255.859.123	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản số 32/HĐCN. D7.TICCO ngày 06/01/2025

CHƯƠNG 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán

MỤC LỤC

		Trang
1.	Thông tin chung	1 - 2
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4.	Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
7.	Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 60

****

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang, được cổ phần hóa theo Quyết định số 5017/QĐ-UB ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5303000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang (nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp) cấp lần đầu vào ngày 02 tháng 01 năm 2004. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1200526842, điều chỉnh gần nhất là lần thứ 23 cấp ngày 22 tháng 7 năm 2025, đăng ký tăng vốn điều lệ lên 311.299.070.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 7 năm 2011 với mã chứng khoán là THG.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có năm (05) công ty con trực tiếp, ba (03) công ty con gián tiếp, một (01) công ty liên kết, hai (02) chi nhánh và một (01) văn phòng đại diện.

Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con là sản xuất, kinh doanh bê tông; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị; quản lý khai thác và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; thi công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ	: số 46-48 Nguyễn Công Bình, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Điện thoại	: 0273 387 28 78
Fax	: 0273 385 05 97
Website	: http://ticco.com.vn
Mã số thuế	: **1 2 0 0 5 2 6 8 4 2**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Trần Hoàng Huân	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Chủ tịch
Ông	Vũ Huy Giáp	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Hường	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Trúc Giang	Thành viên
Ông	Phạm Văn Hậu	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Nguyễn Tiến Nhân	Trưởng ban
Bà	Nguyễn Kiều Diễm Trang	Thành viên
Bà	Đoàn Thị Hồng Cẩm	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Vũ Huy Giáp	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Hoài Bắc	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Trần Hoàng Huân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông	Vũ Huy Giáp	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Vũ Huy Giáp
Tổng Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 20 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC - FAC AUDITING CO., LTD
64/4 Đường ĐHT 21, Phường Đông Hưng Thuận, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Tel: (028) 3636 4038 - 3636 4039
www.kiemtoanfac.vn - Email: congty@kiemtoanfac.vn

Số: 083/2025/BCTCHN-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và các công ty con (gọi tắt là "Nhóm Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 60, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

Nguyễn Trọng Huy - Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3563-2026-099-1

Đàm Tuấn Anh - Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5445-2026-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.592.952.498.341**	**1.554.502.291.208**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	4	**381.674.008.405**	**298.868.464.516**
1 Tiền	111		239.677.939.928	122.784.137.166
2 Các khoản tương đương tiền	112		141.996.068.477	176.084.327.350
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**33.561.880.067**	**54.148.597.725**
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1	33.561.880.067	54.148.597.725
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**320.175.792.321**	**319.793.954.030**
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	274.908.404.215	267.138.637.206
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	37.714.788.133	17.510.505.127
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	8	54.357.737.115	74.991.333.769
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(46.805.137.142)	(39.846.522.072)
IV. Hàng tồn kho	**140**	10	**831.970.731.740**	**857.581.215.586**
1 Hàng tồn kho	141		832.338.172.322	857.948.656.168
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(367.440.582)	(367.440.582)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**25.570.085.808**	**24.110.059.351**
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	620.150.127	63.322.436
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.171.474.727	19.185.329.081
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	4.778.460.954	4.861.407.834

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**827.507.016.684**	**627.241.191.253**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**336.945.615**	**330.945.615**
1 Phải thu dài hạn khác	216	8	336.945.615	330.945.615
II. Tài sản cố định	**220**		**358.318.501.424**	**327.101.558.982**
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	321.775.005.566	294.298.704.732
- *Nguyên giá*	222		*844.376.648.675*	*757.439.129.451*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	223		*(522.601.643.109)*	*(463.140.424.719)*
2 Tài sản cố định vô hình	227	12	36.543.495.858	32.802.854.250
- *Nguyên giá*	228		*43.767.247.459*	*38.976.911.419*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	229		*(7.223.751.601)*	*(6.174.057.169)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	13	**16.066.437.806**	**17.638.133.858**
- *Nguyên giá*	231		*26.578.276.576*	*26.578.276.576*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	232		*(10.511.838.770)*	*(8.940.142.718)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**401.004.912.443**	**270.510.668.449**
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	401.004.912.443	270.510.668.449
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**2.931.608.622**	**360.374.165**
1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	364.035.551	360.374.165
2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.567.573.071	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**48.848.610.774**	**11.299.510.184**
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	16	29.500.521.665	4.440.394.997
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	35.2	19.348.089.109	6.859.115.187
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**2.420.459.515.025**	**2.181.743.482.461**

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.626.196.766.569**	**1.450.411.871.412**
	I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.197.513.558.666**	**1.214.926.356.586**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	448.039.478.449	450.736.294.469
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	343.820.731.298	314.362.507.913
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	41.212.404.087	21.386.655.983
4	Phải trả người lao động	314		21.639.672.820	23.460.121.544
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	53.990.632.911	94.866.821.095
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	584.946.123	512.862.945
7	Phải trả ngắn hạn khác	319	22	4.277.269.603	29.602.914.018
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	259.613.739.871	263.549.528.532
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	15.674.490.741	11.852.887.039
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	8.660.192.763	4.595.763.048
	II. Nợ dài hạn	**330**		**428.683.207.903**	**235.485.514.826**
1	Chi phí phải trả dài hạn	333	20	51.091.177.513	-
2	Phải trả dài hạn khác	337	22	408.240.000	408.240.000
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	370.283.225.556	229.998.190.876
4	Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	6.900.564.834	5.079.083.950
	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**794.262.748.456**	**731.331.611.049**
	I. Vốn chủ sở hữu	**410**	26	**794.262.748.456**	**731.331.611.049**
1	Vốn cổ phần	411		311.299.070.000	259.418.870.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		311.299.070.000	259.418.870.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		5.700.930.000	5.700.930.000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.000.000.000	1.000.000.000
4	Quỹ đầu tư phát triển	418		241.238.383.303	212.358.962.623
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		221.998.401.692	241.314.345.478
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		61.765.285.436	99.500.339.104
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		160.233.116.256	141.814.006.374
6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		13.025.963.461	11.538.502.948
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**2.420.459.515.025**	**2.181.743.482.461**

Huỳnh Thị Mỹ Hương	Huỳnh Thị Mỹ Hương	Vũ Huy Giáp
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	27	**2.412.912.374.952**	**1.867.200.093.415**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**	27	**2.412.912.374.952**	**1.867.200.093.415**
4	Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	28	1.892.470.254.944	1.426.790.190.441
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**520.442.120.008**	**440.409.902.974**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	6.665.011.533	5.111.042.223
7	Chi phí tài chính	22	30	26.030.962.975	14.054.642.614
-	*Trong đó: Chi phí lãi vay*	23		*25.719.437.823*	*13.586.795.763*
8	Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết	24	5.2	99.003.715	86.711.643
9	Chi phí bán hàng	25	31	229.754.159.450	195.663.364.106
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	70.131.957.036	63.516.082.584
11	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**201.289.055.795**	**172.373.567.536**
12	Thu nhập khác	31	33	2.457.204.341	2.663.379.575
13	Chi phí khác	32	33	2.267.938.903	545.094.887
14	**Lợi nhuận khác**	**40**	33	**189.265.438**	**2.118.284.688**
15	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**201.478.321.233**	**174.491.852.224**
16	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35.1	50.115.070.625	31.729.316.334
17	Thu nhập thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	35.2	(12.488.973.923)	(1.634.567.506)
18	**Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**163.852.224.531**	**144.397.103.396**
19	Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		160.233.116.256	141.814.006.374
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.619.108.275	2.583.097.022
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	4.735	4.063
22	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	37	4.735	4.063

Huỳnh Thị Mỹ Hương	Huỳnh Thị Mỹ Hương	Vũ Huy Giáp
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	**01**		**201.478.321.233**	**174.491.852.224**
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		64.048.356.653	54.582.017.005
- Các khoản dự phòng	03		12.601.699.656	8.057.076.102
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(14.582.322)	982.421
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(6.908.692.186)	(5.903.318.442)
- Chi phí lãi vay	06	30	25.719.437.823	13.586.795.763
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**296.924.540.857**	**244.815.405.073**
- Tăng các khoản phải thu	09		(12.721.971.800)	(44.986.255.270)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		108.434.307.653	(127.420.921.379)
- Tăng các khoản phải trả	11		53.623.065.441	244.508.658.726
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(25.616.954.359)	106.716.959
- Tiền lãi vay đã trả	14		(25.626.389.938)	(13.763.717.967)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	19	(29.925.269.907)	(34.128.725.551)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	25	(11.900.634.080)	(7.786.671.880)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**353.190.693.867**	**261.344.488.711**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(321.454.500.755)	(134.226.865.122)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		571.296.298	801.969.696
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.479.768.608)	(10.161.241.415)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		23.498.913.195	21.932.175.266
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.907.192.676	5.181.563.533
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(295.956.867.194)**	**(116.472.398.042)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ đi vay	33	23	548.709.812.034	475.403.824.130
2 Tiền trả nợ gốc vay	34	23	(412.360.566.015)	(467.495.653.193)
3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(110.792.111.125)	(70.515.090.975)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**25.557.134.894**	**(62.606.920.038)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**82.790.961.567**	**82.265.170.631**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	4	**298.868.464.516**	**216.604.276.306**
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		14.582.322	(982.421)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	4	**381.674.008.405**	**298.868.464.516**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Huỳnh Thị Mỹ Hương	Huỳnh Thị Mỹ Hương	Vũ Huy Giáp
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang, được cổ phần hóa theo Quyết định số 5017/QĐ-UB ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5303000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang (nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp) cấp lần đầu vào ngày 02 tháng 01 năm 2004. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1200526842, điều chỉnh gần nhất là lần thứ 23 cấp ngày 22 tháng 7 năm 2025, đăng ký tăng vốn điều lệ lên 311.299.070.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 7 năm 2011 với mã chứng khoán là THG.

Công ty có trụ sở chính tại số 46-48 Nguyễn Công Bình, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có năm (05) công ty con trực tiếp, ba (03) công ty con gián tiếp, một (01) công ty liên kết, hai (02) chi nhánh và một (01) văn phòng đại diện. Chi tiết như sau:

Tên công ty	*Trụ sở chính*	*Hoạt động kinh doanh chính*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết*
Công ty con trực tiếp			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh bê tông	100,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	Phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi	66,67%
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	Phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi	100,00%
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	Xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh bê tông	100,00%
Công ty TNHH MTV TICCO Gò Công	Xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh bê tông	100,00%
Công ty con gián tiếp			
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO	Phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	100,00%
Công ty TNHH MTV Cọc TICCO	Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực	100,00%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	Xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Thi công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	100,00%
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Testco	Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình	20,00%

Tên chi nhánh/ văn phòng đại diện	*Địa chỉ*
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sàn Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOReal)	Số 46-48 Nguyễn Công Bình, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Trung tâm Dịch vụ Công nghiệp TICCO	Cụm Công nghiệp Gia Thuận, ấp 3, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp
Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	Số 388 đường Nguyễn Trọng Dân, khu phố Long Mỹ, phường Bình Xuân, tỉnh Đồng Tháp

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Nhóm công ty") là sản xuất, kinh doanh bê tông; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị; quản lý khai thác và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; thi công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp của Nhóm Công ty căn cứ theo thời gian đầu tư/thi công của từng công trình/dự án. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty có thể kéo dài trên 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường đối với các hoạt động khác của Nhóm Công ty không quá 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 720 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 684 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

2.5. *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2. *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí mua đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

***Hàng tồn kho** (tiếp theo)*

Hàng hóa bất động sản (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3. *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4. *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5. *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

***Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)*

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá Quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và được khấu trừ theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6. *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

• Nhà cửa và vật kiến trúc	04 - 30 năm
• Máy móc và thiết bị	02 - 20 năm
• Phương tiện vận tải	03 - 15 năm
• Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
• Quyền sử dụng đất	25 - 50 năm
• Phần mềm máy tính	05 - 06 năm

- Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

3.7. *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Nhóm Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các Bất động sản như sau:

• Quyền sử dụng đất	46 năm
• Nhà cửa	06 - 25 năm
• Kiot	06 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thanh lý.

3.8. *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản của Nhóm Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.9. *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí hoạt động phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10. *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11. *Các khoản đầu tư*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở Công ty nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được chia từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

3.12. *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13. Các khoản dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng chi phí bảo trì công trình xây dựng

Dự phòng chi phí bảo trì công trình xây dựng được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2021/TT-BXD - "Hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng" do Bộ Xây dựng ban hành ngày 08 tháng 9 năm 2021.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng và công trình cơ khí

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng và công trình cơ khí được trích lập cho từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành, bàn giao trong kỳ. Hết thời hạn bảo hành công trình xây dựng và cơ khí, số dư dự phòng bảo hành công trình chưa sử dụng hết được hoàn nhập ghi vào thu nhập khác.

3.14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- *Quỹ Đầu tư phát triển*

  Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

- *Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi*

  Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty về Hợp đồng xây dựng (Thuyết minh 3.17).

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Doanh thu cho thuê lại quyền sử dụng đất khu công nghiệp được Nhóm Công ty ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản và thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Tổng doanh thu cho thuê ghi nhận một lần trong kỳ là 118.078.373.147 VND với lợi nhuận gộp tương ứng là 73.618.503.012 VND. Đây là doanh thu từ các hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất tại Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1 thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu một lần nêu trên. So với phương pháp phân bổ dần theo thời gian cho thuê, việc ghi nhận doanh thu một lần làm doanh thu và lợi nhuận gộp tăng với số tiền lần lượt là 115.198.412.826 VND và 71.822.929.768 VND.

Doanh thu cho thuê tài sản khác theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17. *Hợp đồng xây dựng*

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán dựa vào khối lượng công việc hoàn thành thực tế của dự án.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.18. *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.19. *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

***Thuế thu nhập hoãn lại** (tiếp theo)*

- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20. *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21. *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

3.22. *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

***Thông tin theo bộ phận** (tiếp theo)*

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Nhóm Công ty một cách toàn diện.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

		Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt		2.286.101.047	1.973.733.395
Tiền gửi ngân hàng		237.391.838.881	120.368.499.631
Tiền đang chuyển		-	441.904.140
Các khoản tương đương tiền	(*)	141.996.068.477	176.084.327.350
TỔNG CỘNG		**381.674.008.405**	**298.868.464.516**

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại các ngân hàng thương mại. Trong đó, Nhóm Công ty đã cầm cố các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang với tổng giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 31.109.105.082 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 24.908.316.490 VND) để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn của Công ty và Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang *(Thuyết minh số 23)*.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	33.561.880.067	33.561.880.067	54.148.597.725	54.148.597.725
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.567.573.071	2.567.573.071	-	-
TỔNG CỘNG	**33.561.880.067**	**33.561.880.067**	**54.148.597.725**	**54.148.597.725**

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng tại các ngân hàng thương mại, hưởng lãi suất từ 2,9% đến 6,3% một năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng được phân loại là ngắn hạn, kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở lên được phân loại là dài hạn. Trong đó, Nhóm Công ty đã cầm cố các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang với tổng giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 28.178.252.064 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 23.303.820.560 VND) để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn của Công ty và Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang *(Thuyết minh số 23)*.

5.2. Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh giá trị khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Testco với giá trị vốn góp là 260.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ của công ty này. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Testco là thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình; trụ sở chính đặt tại Lô 1, 2, 3 Khu công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp. Chi tiết giá trị khoản đầu tư như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Giá gốc khoản đầu tư	260.000.000	260.000.000
Phần lãi lũy kế trong công ty liên kết	104.035.551	100.374.165
Giá trị thuần khoản đầu tư	**364.035.551**	**360.374.165**

Chi tiết tình hình tăng giảm khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	360.374.165	368.501.505
Phần lãi trong công ty liên kết phát sinh trong năm	99.003.715	86.711.643
Cổ tức được chia	(78.000.000)	(78.000.000)
Giảm do công ty liên kết trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(17.342.329)	(16.838.983)
Số cuối năm	**364.035.551**	**360.374.165**

Thông tin tài chính tóm tắt của công ty liên kết như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tổng tài sản	2.478.316.262	2.008.501.812
Tổng nợ phải trả	658.138.502	206.630.983
Tài sản thuần	1.820.177.760	1.801.870.829
Tỷ lệ sở hữu	20,00%	20,00%
Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần	**364.035.551**	**360.374.165**

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu từ hoạt động bán bê tông	256.410.838.937	200.339.461.692
Phải thu từ hoạt động thi công công trình xây dựng	13.882.936.705	59.091.921.029
Phải thu từ hoạt động bán vật liệu xây dựng	1.912.438.600	2.153.134.975
Phải thu từ hoạt động sửa chữa, gia công cơ khí	762.212.725	795.063.725
Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	1.939.977.248	4.759.055.785
TỔNG CỘNG	**274.908.404.215**	**267.138.637.206**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(46.394.045.042)	(39.535.429.972)

Chi tiết phải thu ngắn hạn của các khách hàng như sau:

Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Tân Hoàn Thiện	16.863.160.340	7.766.095.575
Công ty TNHH MTV Trần Trân	36.535.919.400	13.255.556.400
Các khách hàng khác	221.509.324.475	246.116.985.231
TỔNG CỘNG	**274.908.404.215**	**267.138.637.206**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho hoạt động thi công công trình	30.092.294.934	7.482.206.967
Trả trước cho hoạt động sản xuất bê tông	5.136.043.847	7.175.546.652
Trả trước cho hoạt động kinh doanh bất động sản	2.030.976.400	2.773.610.754
Trả trước cho hoạt động kinh doanh liệu xây dựng	455.472.952	79.140.754
TỔNG CỘNG	**37.714.788.133**	**17.510.505.127**
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	(411.092.100)	(311.092.100)

Chi tiết trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Xây dựng công trình Sài Gòn	4.676.774.000	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Công nghệ nước	4.177.597.996	-
Công ty TNHH Thuỷ lợi Sài Gòn	3.364.036.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Tân Hoàn Thiện	2.283.127.000	2.928.896.000
Các nhà cung cấp khác	23.213.253.137	14.581.609.127
TỔNG CỘNG	**37.714.788.133**	**17.510.505.127**

8. PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	44.268.007.172	68.101.575.759
Tạm ứng kinh phí bồi thường	-	4.820.964.160
Lãi tiền gửi phải thu	845.783.567	1.024.547.032
Ký quỹ, ký cược	857.387.556	192.051.297
Các khoản phải thu khác	8.386.558.820	852.195.521
TỔNG CỘNG	**54.357.737.115**	**74.991.333.769**

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	336.945.615	330.945.615
TỔNG CỘNG	**336.945.615**	**330.945.615**

9. NỢ XẤU

VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
Đối tượng nợ (*)	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	***54.109.065.994***	***7.715.020.952***	***(46.394.045.042)***	***50.669.000.742***	***11.133.570.770***	***(39.535.429.972)***
Phải thu từ hoạt động bán vật liệu xây dựng	1.062.526.900	-	(1.062.526.900)	1.062.526.900	138.000.000	(924.526.900)
Phải thu từ hoạt động bán bê tông	49.769.332.670	7.715.020.952	(42.054.311.718)	46.216.727.862	10.389.302.491	(35.827.425.371)
Phải thu từ hoạt động thi công công trình xây dựng	1.617.800.881	-	(1.617.800.881)	1.617.800.881	-	(1.617.800.881)
Phải thu từ hoạt động sửa chữa, gia công cơ khí	559.408.540	-	(559.408.540)	559.408.540	-	(559.408.540)
Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	1.099.997.003	-	(1.099.997.003)	1.212.536.559	606.268.279	(606.268.280)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	***425.988.000***	***14.895.900***	***(411.092.100)***	***325.988.000***	***14.895.900***	***(311.092.100)***
Trả trước cho hoạt động thi công công trình xây dựng	100.000.000	-	(100.000.000)	-	-	-
Trả trước cho hoạt động bán bê tông	306.188.000	14.895.900	(291.292.100)	306.188.000	14.895.900	(291.292.100)
Trả trước cho hoạt động kinh doanh bất động sản	19.800.000	-	(19.800.000)	19.800.000	-	(19.800.000)
TỔNG CỘNG	**54.535.053.994**	**7.729.916.852**	**(46.805.137.142)**	**50.994.988.742**	**11.148.466.670**	**(39.846.522.072)**

(*) Đây là các khoản nợ quá hạn và đã được Nhóm Công ty trích lập dự phòng cho giá trị phải thu như được trình bày tại *Thuyết minh số 6 và Thuyết minh số 7.*

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Hàng đang đi trên đường	-	-	5.614.509.929	-
Nguyên liệu, vật liệu	73.475.848.774	-	73.711.922.483	-
Công cụ, dụng cụ	136.000.000	-	271.180.980	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	40.400.512.554	(367.440.582)	497.046.426.936	(367.440.582)
Thành phẩm	139.981.288.457	-	149.258.622.509	-
Thành phẩm bất động sản (**)	577.184.322.433	-	130.506.861.419	-
Hàng hóa	1.160.200.104	-	1.539.131.912	-
TỔNG CỘNG	**832.338.172.322**	**(367.440.582)**	**857.948.656.168**	**(367.440.582)**

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Các dự án kinh doanh bất động sản	7.661.590.882	-	461.330.464.090	-
Các công trình xây dựng	32.262.560.439	(367.440.582)	28.276.037.755	(367.440.582)
Các công trình thi công cơ khí	476.361.233	-	7.439.925.091	-
TỔNG CỘNG	**40.400.512.554**	**(367.440.582)**	**497.046.426.936**	**(367.440.582)**

(**) Thành phẩm bất động sản của Nhóm Công ty là sản phẩm thuộc các dự án:

- Dự án Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp;
- Dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp;
- Dự án Khu dân cư Long Thạnh Hưng, xã Chợ Gạo, tỉnh Đồng Tháp;
- Dự án Khu nhà ở Thương mại phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp;
- Dự án đường Nguyễn Trãi nối dài và Khu dân cư hai bên đường, phường Sơn Qui và phường Long Thuận, tỉnh Đồng Tháp;
- Dự án đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường, phường Gò Công và phường Bình Xuân, tỉnh Đồng Tháp.

Một số quyền sử dụng đất tại các dự án được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các tổ chức tín dụng *(Thuyết minh số 23).*

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị quản lý*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Số đầu năm	155.737.795.775	411.137.448.299	188.479.043.084	2.084.842.293	757.439.129.451
Tăng trong năm	14.689.636.601	55.230.388.742	18.466.743.512	516.498.148	88.903.267.003
Thanh lý	-	-	(1.965.747.779)	-	(1.965.747.779)
Số cuối năm	170.427.432.376	466.367.837.041	204.980.038.817	2.601.340.441	844.376.648.675
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	5.736.956.267	161.761.575.699	44.168.855.417	1.858.024.111	213.525.411.494
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	69.952.084.284	274.240.257.176	117.019.164.948	1.928.918.311	463.140.424.719
Khấu hao trong năm	11.314.700.634	32.002.506.379	17.986.920.838	122.838.318	61.426.966.169
Thanh lý	-	-	(1.965.747.779)	-	(1.965.747.779)
Số cuối năm	81.266.784.918	306.242.763.555	133.040.338.007	2.051.756.629	522.601.643.109
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	85.785.711.491	136.897.191.123	71.459.878.136	155.923.982	294.298.704.732
Số cuối năm	89.160.647.458	160.125.073.486	71.939.700.810	549.583.812	321.775.005.566
Trong đó:					
Sử dụng để thế chấp (*)	76.695.694.662	99.067.765.945	56.357.202.978	-	232.120.663.585

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình của Nhóm Công ty với tổng giá trị còn lại là 232.120.663.585 VND (31 tháng 12 năm 2024: 246.907.533.041 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Nhóm Công ty tại các Ngân hàng thương mại *(Thuyết minh số 23)*.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm	38.541.147.619	435.763.800	38.976.911.419
Tăng trong năm	4.790.336.040	-	4.790.336.040
Số cuối năm	43.331.483.659	435.763.800	43.767.247.459
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	*435.763.800*	*435.763.800*
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	5.738.293.369	435.763.800	6.174.057.169
Hao mòn trong năm	1.049.694.432	-	1.049.694.432
Số cuối năm	6.787.987.801	435.763.800	7.223.751.601
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	32.802.854.250	-	32.802.854.250
Số cuối năm	36.543.495.858	-	36.543.495.858
Trong đó:			
Sử dụng để thế chấp (*)	*31.753.159.818*	-	*31.753.159.818*

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty với tổng giá trị còn lại là 31.753.159.818 VND (31 tháng 12 năm 2024: 32.802.854.250 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty tại các tổ chức tín dụng *(Thuyết minh số 23)*.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

	Kiot cho thuê	*Đất, văn phòng, nhà kho cho thuê*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm	1.580.316.192	24.997.960.384	26.578.276.576
Số cuối năm	1.580.316.192	24.997.960.384	26.578.276.576
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	*1.580.316.192*	-	*1.580.316.192*
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	1.580.316.192	7.359.826.526	8.940.142.718
Khấu hao trong năm	-	1.571.696.052	1.571.696.052
Số cuối năm	1.580.316.192	8.931.522.578	10.511.838.770

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

VND

	Kiot cho thuê	*Đất, văn phòng, nhà kho cho thuê*	*Tổng cộng*
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	-	17.638.133.858	17.638.133.858
Số cuối năm	-	16.066.437.806	16.066.437.806

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	4.151.197.074	4.135.384.043
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	2.724.184.855	2.582.288.327

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản cũng như tình hình kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

		Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1		-	126.769.615.069
Dự án Cụm Công nghiệp Gia Thuận 2	(*)	387.248.402.475	107.202.001.361
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác		13.756.509.968	36.539.052.019
TỔNG CỘNG		**401.004.912.443**	**270.510.668.449**

(*) Dự án Cụm Công nghiệp Gia Thuận 2 được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn để đầu tư dự án tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang *(Thuyết minh số 23)*.

15. CHI PHÍ ĐI VAY

VND

		Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay trong năm	*(Thuyết minh số 30)*	25.719.437.823	13.586.795.763
Vốn hóa vào giá trị dự án bất động sản	(*)	12.501.234.603	10.756.053.119
TỔNG CỘNG		**38.220.672.426**	**24.342.848.882**

(*) Các khoản chi phí đi vay được vốn hóa liên quan đến khoản vay nhằm đầu tư Dự án Cụm Công nghiệp Gia Thuận 2 *(Thuyết minh số 14)*.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	609.052.379	52.791.288
Chi phí trả trước khác	11.097.748	10.531.148
TỔNG CỘNG	**620.150.127**	**63.322.436**

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dài hạn		
Quyền sử dụng đất	25.589.384.012	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.349.587.194	2.854.922.112
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	120.363.997	185.408.416
Chi phí trả trước khác	441.186.462	1.400.064.469
TỔNG CỘNG	**29.500.521.665**	**4.440.394.997**

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả cho hoạt động sản xuất bê tông	405.365.667.433	405.365.667.433	415.450.972.962	415.450.972.962
Phải trả cho hoạt động thi công công trình	40.211.577.852	40.211.577.852	31.510.851.509	31.510.851.509
Phải trả cho hoạt động sửa chữa, gia công cơ khí	1.936.936.366	1.936.936.366	3.510.280.808	3.510.280.808
Phải trả cho hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng	359.285.408	359.285.408	99.728.400	99.728.400
Phải trả cho hoạt động kinh doanh bất động sản	166.011.390	166.011.390	164.460.790	164.460.790
TỔNG CỘNG	**448.039.478.449**	**448.039.478.449**	**450.736.294.469**	**450.736.294.469**

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Đức Toàn	142.680.903.906	118.184.047.800
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Nghĩa Cường	38.588.973.178	58.183.464.693
Công ty Cổ phần Thép Povina	18.686.881.815	25.413.311.473
Công ty Cổ phần Thép Trung Dũng	27.912.891.547	39.136.957.580
Các nhà cung cấp khác	220.169.828.003	209.818.512.923
TỔNG CỘNG	**448.039.478.449**	**450.736.294.469**
Trong đó:		
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 36)	*579.584.475*	*345.976.720*
Phải trả cho các bên khác	*447.459.893.974*	*450.390.317.749*

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Nhận trước tiền thi công công trình xây dựng	125.143.782.084	89.953.922.710
Nhận trước tiền chuyển nhượng bất động sản	181.818.860.176	183.137.166.573
Nhận trước tiền bán bê tông	36.840.180.738	41.239.853.530
Nhận trước tiền bán vật liệu xây dựng	10.108.300	23.765.100
Nhận trước tiền thi công cơ giới	7.800.000	7.800.000
TỔNG CỘNG	**343.820.731.298**	**314.362.507.913**

Chi tiết người mua trả tiền trước ngắn hạn như sau:

Các khách hàng mua bất động sản	181.818.860.176	183.137.166.573
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng khu vực 4	35.410.715.000	7.590.980.000
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng khu vực 3	44.109.270.147	26.765.131.421
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Đồng Tháp	7.189.013.000	24.666.712.000
Ban Quản lý Dự án Nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long	11.955.349.000	26.378.818.000
Các khách hàng khác	63.337.523.975	45.823.699.919
TỔNG CỘNG	**343.820.731.298**	**314.362.507.913**
Trong đó:		
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 36)	*-*	*4.409.131.850*
Các bên khác trả tiền trước	*343.820.731.298*	*309.953.376.063*

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm		*Phát sinh trong năm*		*Số cuối năm*	
	Thuế phải nộp	*Thuế nộp thừa (*)*	*Số phải nộp*	*Số đã nộp*	*Thuế phải nộp*	*Thuế nộp thừa (*)*
Thuế Giá trị gia tăng	7.510.818.780	4.830.486.612	19.035.037.833	20.447.470.080	6.014.612.030	4.746.712.109
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	13.470.044.536	-	50.115.070.625	29.925.269.907	33.659.845.254	-
Thuế Thu nhập cá nhân	402.590.195	30.921.222	6.264.231.122	5.133.321.330	1.534.327.610	31.748.845
Các loại thuế khác	3.202.472	-	262.964.600	262.547.879	3.619.193	-
TỔNG CỘNG	**21.386.655.983**	**4.861.407.834**	**75.677.304.180**	**55.768.609.196**	**41.212.404.087**	**4.778.460.954**

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước".

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí trích trước các dự án bất động sản	742.364.373	53.173.227.568
Chi phí thi công công trình xây dựng	49.843.085.046	23.245.542.608
Chi phí lãi vay	1.163.532.445	804.132.182
Chi phí sản xuất bê tông	1.390.582.535	13.049.576.765
Chi phí phải trả khác	851.068.512	4.594.341.972
TỔNG CỘNG	**53.990.632.911**	**94.866.821.095**

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn		
Trích trước chi phí tái đầu tư hạ tầng các dự án bất động sản	51.091.177.513	-
TỔNG CỘNG	**51.091.177.513**	**-**

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê bất động sản nhận trước	584.946.123	512.862.945
TỔNG CỘNG	**584.946.123**	**512.862.945**

22. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

		Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn			
Kinh phí công đoàn		23.798.553	23.798.553
Nhận ký quỹ, ký cược		246.812.000	119.500.000
Cổ tức phải trả		96.949.900	25.950.380.025
Các khoản phải trả, phải nộp khác		3.909.709.150	3.509.235.440
TỔNG CỘNG		**4.277.269.603**	**29.602.914.018**
Trong đó:			
Phải trả cho các bên liên quan	*(Thuyết minh số 36)*	*13.186.591*	*13.186.591*
Phải trả cho các bên khác		*4.264.083.012*	*29.589.727.427*

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	408.240.000	408.240.000
TỔNG CỘNG	**408.240.000**	**408.240.000**

23. VAY

VND

	Số đầu năm	Tiền thu từ đi vay	Tiền chi trả nợ gốc vay	Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	**263.549.528.532**	**271.076.828.549**	**(409.954.941.015)**	**134.942.323.805**	**259.613.739.871**
Vay ngắn hạn ngân hàng	***123.936.874.791***	***271.036.992.970***	***(274.708.162.274)***	***-***	***120.265.705.487***
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tiền Giang (a)	107.880.311.691	244.370.333.712	(242.011.123.916)	-	110.239.521.487
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	1.259.600.000	-	(1.259.600.000)	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tiền Giang (b)	2.521.311.000	18.988.659.258	(17.983.786.258)	-	3.526.184.000
Vay các cá nhân (h)	12.275.652.100	7.678.000.000	(13.453.652.100)	-	6.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	***139.612.653.741***	***39.835.579***	***(135.246.778.741)***	***134.942.323.805***	***139.348.034.384***
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tiền Giang (c)	14.462.416.741	-	(14.462.416.741)	72.271.945.393	72.271.945.393
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Tháp (d)	53.871.892.000	-	(53.871.892.000)	47.598.456.000	47.598.456.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (e)	8.806.790.000	-	(9.196.790.000)	6.309.140.000	5.919.140.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tiền Giang (g)	-	-	-	8.762.782.412	8.762.782.412
Vay các cá nhân (h)	62.471.555.000	39.835.579	(57.715.680.000)	-	4.795.710.579
Vay dài hạn	**229.998.150.876**	**277.632.983.485**	**(2.405.625.000)**	**(134.942.323.805)**	**370.283.225.556**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tiền Giang (c)	147.129.689.876	222.200.767.914	(245.000.000)	(72.271.945.393)	296.813.512.397
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Tháp (d)	61.848.456.000	-	-	(47.598.456.000)	14.250.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (e)	21.020.045.000	5.298.000.000	-	(6.309.140.000)	20.008.905.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tiền Giang (g)	-	50.134.215.571	(2.160.625.000)	(8.762.782.412)	39.210.808.159
TỔNG CỘNG	**493.547.719.408**	**548.709.812.034**	**(412.360.566.015)**	**-**	**629.896.965.427**
Số có khả năng trả nợ	*493.547.719.408*	*548.709.812.034*	*(412.360.566.015)*	*-*	*629.896.965.427*

VAY (tiếp theo)

(a) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang

Hợp đồng vay	*Số cuối năm (VND)*	*Thời hạn vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Mục đích vay*	*Tài sản đảm bảo*
Số 01/2025/433488/HĐTD ngày 17 tháng 01 năm 2025	55.532.434.000	Từ 5 tháng đến 6 tháng	Từ 5,9 đến 7,0	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cống công trình thủy lợi và thi công các công trình	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.692,8 m², địa chỉ: khu phố 6, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 600, tờ bản đồ số 33, diện tích 158,9 m², địa chỉ: ấp Bình Tạo, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3, diện tích 11.451,7 m², địa chỉ: phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 1030 và 1031 tờ bản đồ số 11, tổng diện tích 246 m², địa chỉ: khu phố Long Mỹ, phường Bình Xuân, tỉnh Đồng Tháp Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Quyền đòi nợ từ các hợp đồng thi công xây lắp/hợp đồng kinh tế
Số 01/2025/1678922/HĐTD ngày 24 tháng 01 năm 2025	19.503.586.220	6 tháng	Từ 5,9 đến 7,0	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn, mở L/C nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1601, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.195,5 m², địa chỉ: ấp Ông Cai, phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1897, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.270,6 m², địa chỉ: ấp Sơn Quy A, phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 270, tờ bản đồ số 6, diện tích 118.574,5 m², địa chỉ: ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp

VAY (tiếp theo)

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang *(tiếp theo)*

Hợp đồng vay	*Số cuối năm (VND)*	*Thời hạn vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Mục đích vay*	*Tài sản đảm bảo*
Số 01/2025/12223824/HĐTD ngày 16 tháng 9 năm 2025	35.203.501.267	5 tháng	Từ 5,7 đến 7,0	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn, mở L/C nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 270, tờ bản đồ số 6, diện tích 118.574,5 m², địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Lập 1, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp Máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2023/12223824/HĐBĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023
TỔNG CỘNG	**110.239.521.487**				

(b) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tiền Giang

Hợp đồng vay	*Số cuối năm (VND)*	*Thời hạn vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Mục đích vay*	*Tài sản đảm bảo*
Số 281956.25.748.36762996.TD ngày 28 tháng 3 năm 2025	3.526.184.000	6 tháng	6,5	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng	Quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 2130, 2131 và 2138, tờ bản đồ số GTC1, tổng diện tích 29.250 m², địa chỉ: Ấp 3, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp 03 xe ben HOWO 4 chân thùng vuông Model ZZ3317N3267E1 Cổng trục giá long môn dầm đôi (50+50) tấn Tiền gửi theo hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, ký quỹ tại Ngân hàng, giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành và tổ chức tín dụng phát hành được Ngân hàng chấp nhận Hàng hóa và quyền đòi nợ hình thành từ phương án Ngân hàng tài trợ

VAY (tiếp theo)

(c) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang

Hợp đồng vay	*Số cuối năm (VND)*	*Thời hạn vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Mục đích vay*	*Tài sản đảm bảo*
Hợp đồng tín dụng số 01/2023/433488/HDTD ngày 19 tháng 09 năm 2023	95.378.986.021	48 tháng	8,2	Đầu tư Dự án đường D7 và khu dân cư hai bên đường	Quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 139, 140 tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 331 tờ bản đồ số 9, tổng diện tích 472,3 m², địa chỉ: phường Gò Công, tỉnh Đồng Tháp Tài sản hình thành trong tương lai của Dự án đường D7 và khu dân cư hai bên đường
Hợp đồng tín dụng số 01/2024/433488/HDTD ngày 19 tháng 09 năm 2024	237.293.938.040	84 tháng	8,3	Đầu tư Dự án Cụm Công nghiệp Gia Thuận 2	Tài sản hình thành trong tương lai của Dự án Cụm công nghiệp Gia Thuận 2
Số 01/2024/1678922/HĐTD ngày 10 tháng 6 năm 2024	1.414.520.672	60 tháng	7,0	Mua khuôn cọc và dàn quay	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 02/2024/1678922/HĐTD ngày 30 tháng 5 năm 2024	4.396.035.625	60 tháng	7,0	Đầu tư khuôn dầm Super T	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 03/2024/1678922/HĐTD ngày 20 tháng 11 năm 2024	3.012.800.000	60 tháng	8,0	Mua xe cẩu bánh xích 150 tấn	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 02/2025/1678922/HĐTD ngày 26 tháng 9 năm 2025	4.275.000.000	60 tháng	7,7	Mua thiết bị sản xuất dầm Super T và dầm I33	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 03/2025/1678922/HĐTD ngày 05 tháng 12 năm 2025	1.900.000.000	60 tháng	9,5	Mua thiết bị sản xuất cọc ván W300-W600	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 01/2022/12223824/HĐTD ngày 17 tháng 5 năm 2022	527.318.921	60 tháng	8,5	Mua khuôn dầm I33	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 01/2023/12223824/HĐTD ngày 12 tháng 01 năm 2023	722.122.680	60 tháng	8,5	Đầu tư xưởng sản xuất cọc vuông, gối cống	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 02/2023/12223824/HĐTD ngày 08 tháng 11 năm 2023	2.600.591.066	60 tháng	8,0	Xây dựng đường ray cổng trục, cổng trục, khuôn dầm Super T	Tài sản hình thành từ vốn vay

VAY (tiếp theo)

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang *(tiếp theo)*

Hợp đồng vay	*Số cuối năm (VND)*	*Thời hạn vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Mục đích vay*	*Tài sản đảm bảo*
Số 03/2023/12223824/HĐTD ngày 08 tháng 11 năm 2023	95.830.000	60 tháng	8,0	Đầu tư khuôn cọc ván W740, W940	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 01/2024/12223824/HĐTD ngày 18 tháng 01 năm 2024	757.422.900	60 tháng	8,0	Đầu tư khuôn dầm Super T.	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 02/2024/12223824/HĐTD ngày 24 tháng 01 năm 2024	708.441.300	60 tháng	8,0	Đầu tư khuôn cọc ván W740 lần 2	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 03/2024/12223824/HĐTD ngày 09 tháng 5 năm 2024	6.020.000.000	60 tháng	7,0	Đầu tư 02 xe cẩu bánh xích 150T	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 04/2024/12223824/HĐTD ngày 05 tháng 6 năm 2024	658.000.000	60 tháng	7,0	Đầu tư đầu kéo, rơ mooc kéo dầm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 05/2024/12223824/HĐTD ngày 02 tháng 7 năm 2024	454.272.000	60 tháng	7,5	Đầu tư Palant 25 tấn	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 06/2024/12223824/HĐTD ngày 04 tháng 7 năm 2024	871.156.100	60 tháng	7,5	Đầu tư khuôn dầm các loại I33, T1240, T750, T550	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 07/2024/12223824/HĐTD ngày 11 tháng 7 năm 2024	1.271.963.479	60 tháng	7,5	Đầu tư khuôn dầm cầu I33m	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 08/2024/12223824/HĐTD ngày 12 tháng 7 năm 2024	4.336.704.252	60 tháng	7,5	Đầu tư đường ray, cổng trục xưởng Super T - PX2	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 11/2024/12223824/HĐTD ngày 08 tháng 11 năm 2024	2.390.354.734	60 tháng	7,5	Đầu tư đường ray cẩu trục xưởng cọc vuông mở rộng	Tài sản hình thành từ vốn vay
TỔNG CỘNG	**369.085.457.790**				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	*72.271.945.393*				
Vay dài hạn	*296.813.512.397*				

VAY (tiếp theo)

(d) Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Tháp

Hợp đồng vay	*Số cuối năm (VND)*	*Thời hạn vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Mục đích vay*	*Tài sản đảm bảo*
Hợp đồng tín dụng số 02/2019/HĐTD ngày 04 tháng 6 năm 2019	6.273.456.000	72 tháng	6,9	Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 97 tờ bản đồ số 12, diện tích 115 m², địa chỉ: khu phố Long Mỹ, phường Bình Xuân, tỉnh Đồng Tháp Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 506, tờ bản đồ số 33, diện tích 259,6 m², địa chỉ: Ấp 2, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Hợp đồng tín dụng số 08/2022/HĐTD-TĐTD ngày 22 tháng 11 năm 2022	34.200.000.000	48 tháng	6,6	Đầu tư Dự án đường D7 và khu dân cư hai bên đường	Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.034,3 m², địa chỉ: khu phố Long Mỹ, phường Bình Xuân, tỉnh Đồng Tháp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2114, tờ bản đồ số GTC1, diện tích 24.726 m², địa chỉ: Ấp 3, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2768, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.911 m², địa chỉ: ấp Long Thạnh, xã Chợ Gạo, tỉnh Đồng Tháp
Hợp đồng tín dụng số 06/2023/HĐTD-TĐTD ngày 04 tháng 12 năm 2023	21.375.000.000	60 tháng	6,3	Đầu tư Dự án Cụm Công nghiệp Gia Thuận 2	Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1020, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.010 m², địa chỉ: ấp Long Mỹ, phường Bình Xuân, tỉnh Đồng Tháp Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11, diện tích 225,8 m², địa chỉ: ấp Long Thạnh, xã Chợ Gạo, tỉnh Đồng Tháp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 94, 95 và 96 tờ bản đồ số 12, tổng diện tích 345 m², địa chỉ: khu phố Long Mỹ, phường Bình Xuân, tỉnh Đồng Tháp
TỔNG CỘNG	**61.848.456.000**				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	*47.598.456.000*				
Vay dài hạn	*14.250.000.000*				

VAY (tiếp theo)

(e) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang

Hợp đồng vay	*Số cuối năm (VND)*	*Thời hạn vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Mục đích vay*	*Tài sản đảm bảo*
Số 0502/VCB-KH/24CD ngày 19 tháng 11 năm 2024	3.280.000.000	60 tháng	6,9	Mua xe cần trục bánh xích hiệu KOBELCO 7150	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 0446/VCB-KH/24CD ngày 28 tháng 8 năm 2024	3.984.630.000	60 tháng	6,6	Đầu tư trạm trộn hạng mục nâng cấp trạm điện (1x400 + 1x750 + 1x1250) kVA	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 0447/VCB-KH/19CD ngày 01 tháng 10 năm 2019	380.625.000	60 tháng	6,6	Đầu tư xe cẩu và Rơ mooc (RM-84-R1) chở dầm bê tông	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 0017/VCB-KH/25CD ngày 11 tháng 04 năm 2025	3.510.000.000	60 tháng	6,6	Đầu tư 03 xe bồn trộn bê tông hiệu ISUZU	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 0167/VCB-KH/25CD ngày 13 tháng 10 năm 2025	768.000.000	60 tháng	7,9	Đầu tư máy cắt tự động Laser và Thiết bị gia công thép	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 0225/VCB-KH/25CD ngày 30 tháng 12 năm 2025	630.000.000	60 tháng	9,3	Đầu tư ô tô đầu kéo và Rơ moóc	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 0772/VCB-KH/22CD ngày 28 tháng 11 năm 2022	3.257.040.000	84 tháng	7,9	Đầu tư tài sản cố định căn nhà số A09-08 và A09-09 thuộc dự án đường Nguyễn Trọng Dân và KDC hai bên đường tại phường Gò Công, tỉnh Đồng Tháp	Tài sản hình thành từ vốn vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 425 và 426, tờ bản đồ số 9, tổng diện tích 230 m², địa chỉ: khu phố 5, phường Gò Công, tỉnh Đồng Tháp
Số 0205/VCB-KH/24CD ngày 15 tháng 5 năm 2024	6.792.850.000	84 tháng	Từ 6,0 đến 6,6	Tài trợ vốn đầu tư thực hiện phương án đầu tư tài sản cố định là thiết bị thi công cọc ván bê tông dự ứng lực	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 425 và 426, tờ bản đồ số 9, tổng diện tích 230 m², địa chỉ: khu phố 5, phường Gò Công, tỉnh Đồng Tháp Tài sản hình thành từ vốn vay

VAY (tiếp theo)

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang *(tiếp theo)*

Hợp đồng vay	*Số cuối năm (VND)*	*Thời hạn vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Mục đích vay*	*Tài sản đảm bảo*
Số 0874/VCB-KH/22CD ngày 28 tháng 12 năm 2022	3.324.900.000	84 tháng	7,9	Đầu tư tài sản cố định căn nhà số A09-06 và A09-07 thuộc dự án đường Nguyễn Trọng Dân và KDC hai bên đường tại phường Gò Công, tỉnh Đồng Tháp	Tài sản hình thành từ vốn vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 423 và 424, tờ bản đồ số 9, tổng diện tích 230 m², địa chỉ: khu phố 5, phường Gò Công, tỉnh Đồng Tháp
TỔNG CỘNG	**25.928.045.000**				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	*5.919.140.000*				
Vay dài hạn	*20.008.905.000*				

(g) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tiền Giang

Hợp đồng vay	*Số cuối năm (VND)*	*Thời hạn vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Mục đích vay*	*Tài sản đảm bảo*
Số 298604.25.748.36762996.TD ngày 09 tháng 5 năm 2025	28.500.000.000	120 tháng	7,3	Thanh toán tiền thuê đất tại Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp	Quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 2130, 2131 và 2138, tờ bản đồ số GTC1, tổng diện tích 29.250 m², địa chỉ: Ấp 3, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp
Số 274091.25.748.36762996.TD ngày 22 tháng 01 năm 2025	1.484.375.000	48 tháng	8,5	Đầu tư 03 xe ben HOWO 4 chân thùng vuông Model ZZ3317N3267E1	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 276718.25.748.36762996.TD ngày 23 tháng 01 năm 2025	1.350.000.000	60 tháng	8,5	Đầu tư cổng trục giá long môn dầm đôi (50+50) tấn	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 350061.25.748.36762996.TD ngày 25 tháng 11 năm 2025	3.214.750.000	48 tháng	8,0	Đầu tư xe xúc LOVOL, xe ô tô WANGPAI, xe ô tô CNHTC, xe sơ mi rơmooc CIMC	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 287755.25.748.34480719.TD ngày 27 tháng 3 năm 2025	1.289.688.400	60 tháng	8,0	Đầu tư cổng trục khẩu độ 42m (50+50) tấn	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số 291950.25.748.34480719.TD ngày 25 tháng 4 năm 2025	5.566.868.042	36 tháng	8,0	Đầu tư dự án xưởng dầm I33m PX2 và dự án xưởng dầm Super T PX2	Tài sản hình thành từ vốn vay

VAY (tiếp theo)

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tiền Giang *(tiếp theo)*

Hợp đồng vay	*Số cuối năm (VND)*	*Thời hạn vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Mục đích vay*	*Tài sản đảm bảo*
Số 338683.25.748.34480719.TD ngày 02 tháng 10 năm 2025	6.567.909.129	48 tháng	7,5	Đầu tư dự án xưởng dầm I33m và dự án xưởng dầm Super T	Tài sản hình thành từ vốn vay
TỔNG CỘNG	**47.973.590.571**				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	*8.762.782.412*				
Vay dài hạn	*39.210.808.159*				

(h) Vay các cá nhân

Khoản vay các cá nhân để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay từ 12 tháng đến 24 tháng, hình thức vay tín chấp, lãi suất theo thỏa thuận nhưng không vượt quá 8,2%/năm.

VAY (tiếp theo)

Ngoài ra, Nhóm Công ty còn ký kết với các ngân hàng các hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức sau:

- Công ty ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang ("BIDV Tiền Giang") hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 02/2025/433488/HĐBL ngày 17 tháng 01 năm 2025 với hạn mức bảo lãnh là 220.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức bảo lãnh đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất tại số 490 Đinh Bộ Lĩnh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp; toàn bộ số dư tiền gửi tại BIDV Tiền Giang; quyền đòi nợ và ký quỹ 5% giá trị bảo lãnh bằng tiền gửi không kỳ hạn hoặc cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho hợp đồng này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số dư bảo lãnh là 176.176.835.597 VND.
- Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 02/2025/12223824/HĐBL ngày 19 tháng 6 năm 2025 với hạn mức bảo lãnh là 50.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức bảo lãnh là đến hết ngày 15 tháng 9 năm 2026. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2023/433488/HĐBĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023, số 03/2025/12223824/HĐBĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025, hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2025/12223824/HĐBĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 và hợp đồng cầm cố số dư trên tài khoản thanh toán số 04/2025/12223824/HĐBĐ ký ngày 16 tháng 9 năm 2025. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số dư bảo lãnh là 25.518.410.720 VND.
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang ("BIDV Tiền Giang") hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2025/9075085/HĐBL ngày 05 tháng 11 năm 2025 với hạn mức bảo lãnh là 60.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức bảo lãnh là đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2026. Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO dùng toàn bộ số dư tiền gửi tại BIDV Tiền Giang, quyền đòi nợ và ký quỹ 40% giá trị bảo lãnh bằng tiền gửi không kỳ hạn hoặc cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho hợp đồng này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số dư bảo lãnh là 38.768.421.000 VND.
- Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO ký kết với Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang ("ABBANK") hợp đồng cấp hạn mức tín dụng chung số 2301/24/TD/SME/058 ngày 01 tháng 7 năm 2024 với hạn mức là 50.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức là đến hết ngày 01 tháng 7 năm 2025. Mục đích vay là tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thi công xây dựng công trình có nguồn vốn thanh toán từ ngân sách Nhà nước. Mục đích bảo lãnh là phát hành bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành. Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO thực hiện ký quỹ tại ABBANK đối với hạn mức bảo lãnh và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết trực tiếp với các đối tác có nguồn thanh toán từ ngân sách Nhà nước để đảm bảo cho hợp đồng này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số dư bảo lãnh là 575.050.000 VND.
- Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang ("BIDV Tiền Giang") hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2025/2136723/HĐBL ngày 24 tháng 02 năm 2025 với hạn mức bảo lãnh là 30.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức là đến hết ngày 24 tháng 02 năm 2026. Bảo lãnh trong lĩnh vực thi công công trình gồm: Bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh bảo hành. Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO thực hiện ký quỹ tại BIDV Tiền Giang hoặc cầm cố hợp đồng tiền gửi của bên được bảo lãnh để đảm bảo cho hợp đồng này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số dư bảo lãnh là 24.151.808.300 VND.

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng	15.557.621.178	11.545.811.542
Dự phòng chi phí bảo hành công trình cơ khí	116.869.563	307.075.497
TỔNG CỘNG	**15.674.490.741**	**11.852.887.039**

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dài hạn		
Dự phòng chi phí bảo trì Cụm Công Nghiệp Gia Thuận 1	6.900.564.834	5.079.083.950
TỔNG CỘNG	**6.900.564.834**	**5.079.083.950**

25. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

VND

	Quỹ khen thưởng	*Quỹ phúc lợi*	*Tổng cộng*
Năm trước			
Số đầu năm	4.699.818.491	2.625.414.609	7.325.233.100
Trích lập trong năm (*)	3.387.023.176	1.670.178.652	5.057.201.828
Sử dụng trong năm	(5.827.000.000)	(1.959.671.880)	(7.786.671.880)
Số cuối năm	2.259.841.667	2.335.921.381	4.595.763.048
Năm nay			
Số đầu năm	2.260.741.667	2.335.021.381	4.595.763.048
Trích lập trong năm (*)	12.066.188.206	3.898.875.589	15.965.063.795
Sử dụng trong năm	(7.979.000.000)	(3.921.634.080)	(11.900.634.080)
Số cuối năm	6.347.929.873	2.312.262.890	8.660.192.763

(*) Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế *(Thuyết minh số 26.1)*.

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1. *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Vốn khác của chủ sở hữu*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Lợi ích cổ đông không kiểm soát*	*Tổng cộng*
Năm trước							
Số đầu năm	229.578.960.000	5.700.930.000	1.000.000.000	188.592.009.761	252.866.508.953	10.735.610.750	688.474.019.464
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	141.814.006.374	2.583.097.022	144.397.103.396
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	23.766.952.862	(28.693.949.866)	(130.204.824)	(5.057.201.828)
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	29.839.910.000	-	-	-	(29.839.910.000)	-	-
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(68.873.584.000)	-	(68.873.584.000)
Công ty con chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.650.000.000)	(1.650.000.000)
Giảm do công ty liên kết trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(32.438.983)	-	(32.438.983)
Số cuối năm	259.418.870.000	5.700.930.000	1.000.000.000	212.358.962.623	267.240.632.478	11.538.502.948	757.257.898.049
Năm nay							
Số đầu năm	259.418.870.000	5.700.930.000	1.000.000.000	212.358.962.623	241.314.345.478	11.538.502.948	731.331.611.049
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	160.233.116.256	3.619.108.275	163.852.224.531
Trích lập quỹ từ lợi nhuận (a) (b)	-	-	-	28.879.420.680	(44.637.836.713)	(206.647.762)	(15.965.063.795)
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức (a)	51.880.200.000	-	-	-	(51.880.200.000)	-	-
Cổ tức bằng tiền (a) (c)	-	-	-	-	(51.883.774.000)	(1.925.000.000)	(53.808.774.000)
Tạm ứng cổ tức bằng tiền (b)	-	-	-	-	(31.129.907.000)	-	(31.129.907.000)
Giảm do công ty liên kết trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(17.342.329)	-	(17.342.329)
Số cuối năm	311.299.070.000	5.700.930.000	1.000.000.000	241.238.383.303	221.998.401.692	13.025.963.461	794.262.748.456

(a) Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2024 là 50% vốn điều lệ (tương ứng 129.709.431.000 VND) bao gồm cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ 30% vốn điều lệ và cổ tức chi trả bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% vốn điều lệ; trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi với mức trích lần lượt là 20% và 8% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2024 (tương ứng 28.362.801.275 VND và 11.345.120.510 VND); khen thưởng cho người lao động Công ty số tiền 4.000.000.000 VND.

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(b) Theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng Quản trị, Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 cho Cổ đông với tỷ lệ 10% mệnh giá (mỗi cổ phiếu nhận được 1.000 VND); ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền là ngày 10 tháng 12 năm 2025; ngày thanh toán là ngày 24 tháng 12 năm 2025.

(c) Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ.XD TICCO ngày 19 tháng 4 năm 2025 với mức chia cổ tức là 35% vốn điều lệ (tương ứng 5.775.000.000 VND), trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi với mức trích lần lượt là 10% và 8% lợi nhuận sau thuế năm 2024 (tương ứng 774.929.107 VND và 619.943.285 VND).

26.2. *Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	259.418.870.000	229.578.960.000
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu trả cổ tức	51.880.200.000	29.839.910.000
Số cuối năm	311.299.070.000	259.418.870.000
Cổ tức đã trả		
Cổ tức công bố	129.709.431.000	98.718.952.800
Cổ tức đã trả	129.705.861.000	98.713.494.000

26.3. *Cổ phiếu*

Cổ phiếu

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.129.907	25.941.887
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31.129.907	25.941.887
Cổ phiếu phổ thông	*31.129.907*	*25.941.887*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.129.907	25.941.887
Cổ phiếu phổ thông	*31.129.907*	*25.941.887*

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu bán bê tông	1.609.588.151.003	1.322.981.493.134
Doanh thu thi công công trình xây dựng và cơ khí	444.462.570.385	257.725.234.498
Doanh thu kinh doanh bất động sản	322.440.919.747	256.170.416.410
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	15.816.006.933	15.416.184.968
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	4.151.197.074	4.135.384.043
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.453.529.810	10.771.380.362
TỔNG CỘNG	**2.412.912.374.952**	**1.867.200.093.415**

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán bê tông	1.284.468.685.728	1.036.242.662.905
Giá vốn thi công công trình xây dựng và cơ khí	415.858.164.574	228.604.257.057
Giá vốn kinh doanh bất động sản	169.585.764.747	141.516.721.634
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	8.223.471.098	9.981.426.297
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	2.724.184.855	2.582.288.327
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.609.983.942	7.862.834.221
TỔNG CỘNG	**1.892.470.254.944**	**1.426.790.190.441**

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.650.429.211	5.056.081.887
Lãi chênh lệch tỷ giá	14.582.322	54.960.336
TỔNG CỘNG	**6.665.011.533**	**5.111.042.223**

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	25.719.437.823	13.586.795.763
Lỗ chênh lệch tỷ giá	311.525.152	467.846.851
TỔNG CỘNG	**26.030.962.975**	**14.054.642.614**

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	25.521.121.921	22.504.670.768
Chi phí vật liệu, bao bì	39.562.869.559	38.309.309.265
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	132.860.623	50.175.259
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	16.060.510.345	13.148.859.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.773.655.292	113.067.713.438
Chi phí bán hàng khác	12.703.141.710	8.582.635.982
TỔNG CỘNG	**229.754.159.450**	**195.663.364.106**

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	33.295.295.194	35.346.284.974
Chi phí vật liệu quản lý	1.192.402.841	1.108.540.384
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.960.791.418	1.862.751.130
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	4.025.282.217	2.205.087.787
Thuế, phí và lệ phí	720.529.670	864.017.585
Chi phí dự phòng	6.958.615.070	4.938.866.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.439.730.157	2.578.993.465
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	18.539.310.469	14.611.541.128
TỔNG CỘNG	**70.131.957.036**	**63.516.082.584**

33. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	571.296.298	827.106.045
Hoàn nhập bảo hành công trình xây dựng	1.252.546.013	1.557.313.872
Các khoản khác	633.362.030	278.959.658
	2.457.204.341	**2.663.379.575**
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	(1.537.106.225)	(218.443.518)
Các khoản khác	(730.832.678)	(326.651.369)
	(2.267.938.903)	**(545.094.887)**
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	**189.265.438**	**2.118.284.688**

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

		Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		1.559.556.705.230	1.275.896.561.729
Chi phí nhân công		222.655.982.009	198.016.697.107
Chi phí khấu hao tài sản cố định	*(Thuyết minh số 11, 12 và 13)*	64.048.356.653	54.582.017.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài		276.989.303.267	696.009.813.456
Các chi phí khác		68.425.904.123	52.124.481.629
TỔNG CỘNG		**2.191.676.251.282**	**2.276.629.570.926**

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại huyện Tân Phước của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước được áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2017) và mức thuế suất hiện hành cho những năm tiếp theo; được miễn thuế bốn 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029). Năm 2025, thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại huyện Tân Phước của công ty TNHH MTV Bê Tông TICCO Tân Phước áp dụng thuế suất 10% và được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ thực hiện dự án Cụm công nghiệp Gia Thuận 1 của Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi 17% trong 10 năm, được miễn thuế TNDN trong 02 năm (kể từ năm 2022) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Năm 2025, thu nhập từ thực hiện dự án này được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp.

Ngoài các ưu đãi thuế TNDN nói trên, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

35.1. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	50.115.070.625	31.729.316.334
Thu nhập thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(12.488.973.923)	(1.634.567.506)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**37.626.096.702**	**30.094.748.828**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**201.478.321.233**	**174.491.852.224**
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành (20%)	40.295.664.246	34.898.370.445
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)		
Chênh lệch do áp dụng thuế suất ưu đãi	(4.001.504.096)	(3.912.283.119)
Lỗ đã ghi nhận thuế hoãn lại không được chuyển lỗ	973.354.110	-
Thu nhập không chịu thuế	(19.800.743)	(17.342.329)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.019.752.457	1.111.894.932
Thuế TNDN được giảm	(2.000.752.048)	(2.014.431.472)
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	359.382.776	28.540.371
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**37.626.096.702**	**30.094.748.828**

35.2. Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Các khoản lỗ tính thuế	-	1.723.467.692	(1.723.467.692)	867.727.439
Trích trước chi phí tái đầu tư hạ tầng các dự án bất động sản	10.218.235.503	-	10.218.235.503	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	73.488.116	73.488.116	-	-
Khấu hao tài sản cố định	-	117.613.857	(117.613.857)	-
Lãi chưa thực hiện khi hợp nhất	9.056.365.490	4.944.545.522	4.111.819.969	766.840.067
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	***19.348.089.109***	***6.859.115.187***		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			***12.488.973.923***	***1.634.567.506***

36. CÁC GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

36.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Testco	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự chủ chốt
Bà Phạm Thị Tuyết Dung	Người liên quan của ông Vũ Huy Giáp - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Nghĩa Nhân	Người liên quan của ông Nguyễn Thanh Nghĩa - Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Testco	Mua dịch vụ	1.712.718.292	1.433.539.800
	Cổ tức được chia	78.000.000	78.000.000
Bà Phạm Thị Tuyết Dung	Bán bất động sản	8.755.900.064	-
Ông Nguyễn Nghĩa Nhân	Bán bất động sản	4.255.859.123	-

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

VND

Bên liên quan	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Testco	579.584.475	345.976.720
TỔNG CỘNG	**579.584.475**	**345.976.720**
Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Testco	13.186.591	13.186.591
TỔNG CỘNG	**13.186.591**	**13.186.591**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Bà Phạm Thị Tuyết Dung	-	4.409.131.850
TỔNG CỘNG	**-**	**4.409.131.850**

36.2. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm nay			*Năm trước*		
Họ và tên	*Chức danh*	*Lương và thưởng*	*Thù lao*	*Cộng*	*Lương và thưởng*	*Thù lao*	*Cộng*
Hội đồng quản trị (HĐQT)		***706.475.375***	***2.187.210.096***	***2.893.685.471***	***892.000.000***	***1.749.970.260***	***2.641.970.260***
Ông Trần Hoàng Huân	Chủ tịch - Thường trực HĐQT	654.475.375	364.535.016	1.019.010.391	694.000.000	291.661.710	985.661.710
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Chủ tịch	-	364.535.016	364.535.016	-	291.661.710	291.661.710
Ông Vũ Huy Giáp	Thành viên	-	364.535.016	364.535.016	-	291.661.710	291.661.710
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên	-	364.535.016	364.535.016	50.000.000	291.661.710	341.661.710
Bà Nguyễn Thị Trúc Giang	Thành viên	52.000.000	364.535.016	416.535.016	98.000.000	291.661.710	389.661.710
Ông Phạm Văn Hậu	Thành viên	-	364.535.016	364.535.016	50.000.000	291.661.710	341.661.710
Ban kiểm soát		***763.746.873***	***349.000.000***	***1.112.746.873***	***684.096.334***	***324.000.000***	***1.008.096.334***
Ông Nguyễn Tiến Nhân	Trưởng ban	394.589.895	141.000.000	535.589.895	338.542.293	132.000.000	470.542.293
Bà Nguyễn Kiều Diễm Trang	Thành viên	241.078.647	104.000.000	345.078.647	219.976.959	96.000.000	315.976.959
Bà Đoàn Thị Hồng Cẩm	Thành viên	128.078.331	104.000.000	232.078.331	125.577.082	96.000.000	221.577.082
Ban điều hành		***3.357.645.605***	-	***3.357.645.605***	***3.051.087.056***	-	***3.051.087.056***
Ông Vũ Huy Giáp	Tổng Giám đốc	730.400.000	-	730.400.000	674.650.000	-	674.650.000
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	742.200.000	-	742.200.000	679.950.000	-	679.950.000
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	647.546.455	-	647.546.455	569.501.206	-	569.501.206
Ông Nguyễn Hoài Bắc	Phó Tổng Giám đốc	554.950.000	-	554.950.000	543.385.000	-	543.385.000
Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	682.549.150	-	682.549.150	583.600.850	-	583.600.850
TỔNG CỘNG		**4.827.867.853**	**2.536.210.096**	**7.364.077.949**	**4.627.183.390**	**2.073.970.260**	**6.701.153.650**

37. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

		Năm nay	*Năm trước*
Lãi cơ bản trên cổ phiếu			
Lợi nhuận sau thuế *(VND)*		160.233.116.256	141.814.006.374
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) *(VND)*		(12.818.649.300)	(15.345.120.510)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(VND)*		147.414.466.956	126.468.885.864
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (**)		31.129.907	31.129.907
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	*(VND/cổ phiếu)*	4.735	4.063
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	*(VND/cổ phiếu)*	4.735	4.063

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm 2025 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2025 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 ("Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên"). Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.

(**) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 để phản ánh việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thực hiện trong năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.

Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 được trình bày lại như sau:

		Số liệu báo cáo trước đây	*Điều chỉnh*	*Số liệu trình bày lại*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(VND)*		133.305.165.992	(6.836.280.128)	126.468.885.864
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân		25.941.887	5.188.020	31.129.907
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	*(VND/cổ phiếu)*	5.139	(1.076)	4.063

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

38.1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Nhóm Công ty được chia thành 5 bộ phận theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất, kinh doanh bê tông; Thi công công trình; Kinh doanh bất động sản và Kinh doanh khác. Nhóm Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 5 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 5 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh vật liệu xây dựng: Đây là hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO (công ty con cấp 2);
- Bộ phận sản xuất, kinh doanh bê tông: Sản xuất, kinh doanh bê tông tươi, bê tông đúc sẵn; đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực. Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con cấp 1), Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước (công ty con cấp 1), Công ty TNHH MTV TICCO Gò Công (công ty con cấp 1) và Công ty TNHH MTV Cọc TICCO (công ty con cấp 2).
- Bộ phận thi công công trình: Chủ yếu thi công công trình xây dựng thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính Công ty; Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO (công ty con cấp 1) và Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO (công ty con cấp 1);
- Bộ phận kinh doanh bất động sản: Chủ yếu thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các khu dân cư, cho thuê bất động sản và cho thuê lại quyền sử dụng đất tại các cụm công nghiệp. Đây là một bộ phận kinh doanh của Công ty, và là hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sàn Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOReal) và Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Trung tâm Dịch vụ Công nghiệp TICCO;
- Bộ phận kinh doanh khác: Bao gồm hoạt động sản xuất gia công sản phẩm cơ khí, thi công cơ giới,... Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO (công ty con cấp 2).

***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh** (tiếp theo)*

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

VND

	Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh bê tông	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh khác	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
Số cuối năm									
Tài sản									
Tài sản bộ phận	2.396.690.694	571.272.256.777	270.160.487.603	1.012.318.753.945	10.937.147.122	-	1.867.085.336.141		
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	1.187.938.888.460	1.187.938.888.460		
Tổng tài sản	**2.396.690.694**	**571.272.256.777**	**270.160.487.603**	**1.012.318.753.945**	**10.937.147.122**	**1.187.938.888.460**	**3.055.024.224.601**	**(634.564.709.576)**	**2.420.459.515.025**
Nợ phải trả									
Nợ phải trả bộ phận	1.999.822.023	696.699.623.988	740.308.812.331	264.772.161.359	7.946.024.581	-	1.711.726.444.282		
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	289.913.605.454	289.913.605.454		
Tổng nợ phải trả	**1.999.822.023**	**696.699.623.988**	**740.308.812.331**	**264.772.161.359**	**7.946.024.581**	**289.913.605.454**	**2.001.640.049.736**	**(375.443.283.167)**	**1.626.196.766.569**
Số đầu năm									
Tài sản									
Tài sản bộ phận	2.329.256.486	593.963.185.084	298.633.032.895	882.041.632.464	10.448.617.178	-	1.787.415.724.107		
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	1.185.409.362.170	1.185.409.362.170		
Tổng tài sản	**2.329.256.486**	**593.963.185.084**	**298.633.032.895**	**882.041.632.464**	**10.448.617.178**	**1.185.409.362.170**	**2.972.825.086.277**	**(791.081.603.816)**	**2.181.743.482.461**
Nợ phải trả									
Nợ phải trả bộ phận	3.005.021.915	781.457.911.098	672.763.448.407	246.792.698.249	7.191.174.511	-	1.711.210.254.180		
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	291.605.413.124	291.605.413.124		
Tổng nợ phải trả	**3.005.021.915**	**781.457.911.098**	**672.763.448.407**	**246.792.698.249**	**7.191.174.511**	**291.605.413.124**	**2.002.815.667.304**	**(552.403.795.892)**	**1.450.411.871.412**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Mẫu số B09-DN/HN

***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh** (tiếp theo)*

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

VND

	Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh bê tông	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh khác	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
Năm nay									
Doanh thu thuần bộ phận	29.428.225.419	1.824.043.117.379	913.316.363.143	371.187.421.887	31.507.134.368	-	3.169.482.262.196	(756.569.887.244)	2.412.912.374.952
Giá vốn bộ phận	24.296.805.159	1.490.303.859.298	877.874.649.473	204.918.067.883	28.361.293.064	-	2.625.754.674.877	(733.284.419.933)	1.892.470.254.944
Chi phí bán hàng	2.201.879.772	217.752.619.336	-	11.788.118.317	-	-	231.742.617.425	(1.988.457.975)	229.754.159.450
Chi phí quản lý doanh nghiệp	928.186.936	32.865.538.390	19.251.187.163	17.145.164.708	816.339.712	-	71.006.416.911	(874.459.875)	70.131.957.036
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	**2.001.353.550**	**83.121.100.355**	**16.190.526.507**	**137.336.070.979**	**2.329.501.592**	**-**	**240.978.552.983**	**(20.422.549.461)**	**220.556.003.522**
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	30.299.534.835	30.299.534.835	(23.634.523.302)	6.665.011.533
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	27.583.982.039	27.583.982.039	(1.553.019.064)	26.030.962.975
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-	-	99.003.715	99.003.715
Thu nhập khác	-	785.222.768	1.259.122.180	361.208.693	263.500.079	-	2.669.053.720	(623.251.710)	2.045.802.010
Chi phí khác	2.542	1.611.742.341	401.104.750	329.144.131	1.244.139	-	2.343.237.903	(486.701.331)	1.856.536.572
Lợi nhuận trước thuế	**2.001.351.008**	**82.294.580.782**	**17.048.543.937**	**137.368.135.541**	**2.591.757.532**	**2.715.552.796**	**244.019.921.596**	**(42.541.600.363)**	**201.478.321.233**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	401.321.130	9.814.239.004	5.010.194.445	34.357.627.686	531.688.360	-	50.115.070.625	-	50.115.070.625
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	117.613.857	-	(8.494.767.811)	-	-	(8.377.153.954)	(4.111.819.969)	(12.488.973.923)
Lợi nhuận sau thuế	**1.600.029.878**	**72.362.727.921**	**12.038.349.492**	**111.505.275.666**	**2.060.069.172**	**2.715.552.796**	**202.282.004.925**	**(38.429.780.394)**	**163.852.224.531**

VND

***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh** (tiếp theo)*

	Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh bê tông	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh khác	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
Năm trước									
Doanh thu thuần bộ phận	15.871.843.529	1.515.362.791.111	567.541.618.436	260.720.348.636	26.724.784.924	-	2.386.221.386.636	(519.021.293.221)	1.867.200.093.415
Giá vốn bộ phận	12.293.461.041	1.219.791.454.027	537.149.393.676	144.186.285.416	23.209.187.438	-	1.936.629.781.598	(509.839.591.157)	1.426.790.190.441
Chi phí bán hàng	2.221.460.893	190.583.856.288	-	7.802.580.454	-	-	200.607.896.615	(4.944.532.509)	195.663.364.106
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.015.074.447	29.615.797.005	17.767.390.630	14.718.057.071	1.023.407.805	-	64.139.726.958	(623.644.374)	63.516.082.584
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	341.847.148	75.371.684.811	12.624.834.130	94.013.425.695	2.492.185.681	-	184.843.981.465	(3.613.525.181)	181.230.456.284
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	86.164.051.691	86.164.051.691	(81.053.009.468)	5.111.042.223
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	15.616.194.750	15.616.194.750	(1.561.552.136)	14.054.642.614
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-	-	86.711.643	86.711.643
Thu nhập khác	593.636.363	262.705.653	1.557.463.875	359.338.613	110.910.228	-	2.884.054.732	(220.675.157)	2.663.379.575
Chi phí khác	-	237.193.605	4.157.741	298.835.677	4.907.864	-	545.094.887	-	545.094.887
Lợi nhuận trước thuế	935.483.511	75.397.196.859	14.178.140.264	94.073.928.631	2.598.192.045	70.547.856.941	257.730.798.251	(83.238.946.027)	174.491.852.224
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	189.351.653	9.050.744.197	3.616.809.794	18.339.521.403	532.889.287	-	31.729.316.334	-	31.729.316.334
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	(867.727.439)	-	-	-	(867.727.439)	(766.840.067)	(1.634.567.506)
Lợi nhuận sau thuế	746.131.858	66.346.452.662	11.429.057.909	75.734.407.228	2.065.302.758	70.547.856.941	226.869.209.356	(82.472.105.960)	144.397.103.396

38.2. Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty tại tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

39. CAM KẾT THUÊ

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất, thuê bến bãi theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê lại đất số 01/HĐ/TLĐ ngày 15 tháng 11 năm 2003, Phụ lục hợp đồng ngày 15 tháng 11 năm 2003 và các Phụ lục số 01 ngày 18 tháng 11 năm 2004, Phụ lục số 02 ngày 28 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco với Công ty Phát triển hạ tầng các Khu Công nghiệp Tiền Giang về việc thuê 37.805 m² đất thuộc lô đất số 1-6 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp, thời hạn thuê là 44 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 11 năm 2003, đơn giá thuê là 0,6 USD/m²/năm.
- Hợp đồng thuê bãi số 38/HĐ.BB ngày 19 tháng 7 năm 2006 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 28 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco với Công ty Phát triển hạ tầng các Khu Công nghiệp Tiền Giang về việc thuê 9.721 m² đất có chiều dài cập theo bờ sông Tiền 13 m và kênh Xáng Cụt là 355 m trong Khu Công nghiệp Mỹ Tho, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp, thời hạn thuê là 40 năm bắt đầu từ ngày 19 tháng 7 năm 2006, đơn giá thuê là 1 USD/m²/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 2166/HĐTĐ ngày 23 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 21.482,4 m² đất tại số 490 Đinh Bộ Lĩnh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp để làm Văn phòng làm việc Công ty, thời hạn thuê là từ ngày 25 tháng 11 năm 2008 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047. Phụ lục hợp đồng thuê đất số 2160/PLHĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đối với diện tích 7.692,8 m², mục đích sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Diện tích đất thuê còn trả tiền thuê hàng năm là 13.789,6 m², tiền thuê đất hàng năm là 138.427.504 VND.
- Hợp đồng thuê đất số 1701/HĐTĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 1.822,3 m² đất tại số 490 Đinh Bộ Lĩnh, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp, thời hạn thuê là từ ngày 22 tháng 3 năm 2017 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047, tiền thuê đất hàng năm là 13.638.093 VND.
- Hợp đồng thuê đất số 5125/HĐTĐ ngày 15 tháng 12 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 118.574,5 m² đất tại ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất bê tông đúc sẵn và bê tông thương phẩm, thời hạn thuê là từ ngày 27 tháng 10 năm 2015 đến ngày 27 tháng 10 năm 2065, tiền thuê đất hàng năm là 249.006.450 VND.

Mẫu số B09-DN/HN

40. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
Đô la Mỹ (USD)	-	29,30
Đồng Euro (EUR)	3.368,86	3.374,54

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý (*)		
Phải thu từ hoạt động bán bê tông	4.954.312.988	4.954.312.988
Phải thu từ hoạt động thi công công trình xây dựng	2.515.058.223	2.515.058.223
Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	446.526.500	446.526.500
Phải thu từ hoạt động bán vật liệu xây dựng	15.000.000	15.000.000
CỘNG	**7.930.897.711**	**7.930.897.711**

(*) Nhóm Công ty xử lý xóa nợ các khoản nợ phải thu này do đã quá hạn trên 10 năm và không có khả năng thu hồi.

41. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Huỳnh Thị Mỹ Hương	Huỳnh Thị Mỹ Hương	Vũ Huy Giáp
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất được kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang đã được công bố thông tin đúng quy định và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo website: https://ticco.com.vn/

Đồng Tháp, ngày 16 tháng 04 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Vũ Huy Giáp
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
DN: C=VN, S=Đồng Tháp, L=TP. Mỹ Tho, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:1200526842
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.04.16 09:37:00+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.3.0

TICCO

Tạo nền tảng vững chắc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46 – 48 Nguyễn Công Bình, Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Số điện thoại: 02733872878 Email: ticco@ticco.com.vn

Website: https://ticco.com.vn